



NATIONAL CITIZEN BANK

NGÂN HÀNG QUỐC DÂN

TIẾP LỰC TIN YÊU VƯƠN MÌNH BỨT PHÁ

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024





LỜI NÓI ĐẦU 06

THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 08

CHƯƠNG I: ĐỒNG LÒNG

✦ TẦM NHÌN NCB 14

- Chiến lược và mục tiêu phát triển bền vững 14
- Giới thiệu NCB 14
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh 15
- Lịch sử hình thành và phát triển 16

✦ GIỚI THIỆU NCB 18

- Mô hình quản trị 18
- Cơ cấu cổ đông – cổ phần 18
- Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ 19
- Hội đồng Quản trị 19
- Ban Kiểm soát 22
- Ban Điều hành 24
- Hoạt động của HĐQT 30
- Hoạt động của các Ủy ban thuộc HĐQT 30
- Hoạt động của Ban Kiểm soát 32
- Cơ cấu bộ máy quản lý 34
- Tổ chức nhân sự: cơ cấu nhân sự tính tới 31/12/2024 36
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS và TGD 37

CHƯƠNG II: VƯƠN MÌNH

✦ NHỮNG KIẾN TẠO TRONG NĂM 2024 42

- Những con số nổi bật 42
- Điểm sáng hành trình kết nối NCB 2024 43

✦ BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH 44

- Tình hình tài chính 44
- Tình hình hoạt động của Khối KHCN 46
- Tình hình hoạt động của Khối KHDN 47
- Tình hình hoạt động của Khối NV&TTTC 48
- Tình hình hoạt động của Khối QLTD 48
- Tình hình hoạt động thu hồi xử lý tài sản tồn đọng 50
- Hoạt động của Công ty con/trực thuộc 51
- Tình hình Quản trị rủi ro 52

✦ HOẠT ĐỘNG NHÂN SỰ 56

✦ ĐẦU TƯ CHO CÔNG NGHỆ VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ 58

✦ HOẠT ĐỘNG TRUYỀN THÔNG MARKETING 64

✦ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ KIỂM TOÁN, GIẢI TRÌNH CỦA BDH 68

✦ ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT 140

- Đánh giá của HĐQT các mặt hoạt động của NCB
- Đánh giá của HĐQT về hoạt động của BDH
- Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị của công ty

CHƯƠNG III: BỨT PHÁ

✦ VIỄN KIẾN TƯƠNG LAI 148

✦ BẢN LĨNH TÀI CHÍNH 150

- Năng lực tài chính 150
- Hoạt động kinh doanh của Khối KHCN 151
- Hoạt động kinh doanh của Khối KHDN 152
- Hoạt động kinh doanh của Khối NV&TTTC 153

✦ BẢN LĨNH CÔNG NGHỆ 154

✦ TIỀN PHONG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ 155

- Sản phẩm và dịch vụ của Khối KHCN 155
- Sản phẩm và dịch vụ của Khối KHDN 156
- Sản phẩm và dịch vụ của Khối NV&TTTC 157

✦ CHINH PHỤC KỶ NGUYÊN CHUYỂN ĐỔI SỐ 158

✦ BẢN LĨNH QTRR VÀ KIỂM SOÁT NỘI BỘ 159

✦ ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ VỮNG VÀNG 160

✦ DIGITAL MARKETING, VAI TRÒ MỚI TRONG ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG MARKETING 161

✦ ĐỊNH HƯỚNG XỬ LÝ NỢ XẤU NĂM 2025 162

DANH MỤC VIẾT TẮT

NCB	Ngân hàng TMCP Quốc Dân
ALCO	Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ và Có
AMC	Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản
	Ngân hàng Quốc Dân
BCTC	Báo cáo tài chính
BĐH	Ban Điều hành
BKS	Ban Kiểm soát
CAR	Tỷ lệ an toàn vốn
CASA	Tiền gửi không kỳ hạn
CBNV	Cán bộ, nhân viên
CNTT	Công nghệ thông tin
CRM	Quản lý quan hệ khách hàng
CSKH	Chăm sóc Khách hàng
DE	Nền tảng công nghệ hóa quy trình ra quyết định dựa trên dữ liệu và tự động hóa quy trình kinh doanh
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
ĐKKD	Đăng ký kinh doanh
DMC	Trung tâm Marketing Số
DPRR	Dự phòng rủi ro
FDI	Doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài
FX SALES	Hoạt động kinh doanh ngoại hối và hoạt động kinh doanh sản phẩm thị trường tài chính
HĐQT	Hội đồng Quản trị
HĐXLRR	Hội đồng Xử lý rủi ro
KHCN	Khách hàng Cá nhân
KHDN	Khách hàng Doanh nghiệp
KHKD	Kế hoạch kinh doanh
KRI	Chỉ báo rủi ro
KSNB	Kiểm soát Nội bộ
LCD	Các sự kiện rủi ro
LDR	Tỷ lệ dư nợ cho vay trên tổng tiền gửi
LNTT	Lợi nhuận trước thuế
LOS	Hệ thống khởi tạo và quản lý khoản vay
NHNN	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
NHTM	Ngân hàng thương mại
NV&TTTC	Nguồn vốn và thị trường tài chính
PACCL	Phương án cơ cấu lại
QLRR	Quản lý Rủi ro
QLTD	Quản lý Tín dụng
QTNNL	Quản trị Nguồn nhân lực
QTTC	Quản trị Tài chính
RCSA	Hoạt động tự đánh giá rủi ro và các chốt kiểm soát
ROA	Tỷ lệ lợi nhuận trên tổng tài sản
ROE	Tỷ lệ lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu
RRHD	Rủi ro hoạt động
SCF	Nền tảng số tài trợ chuỗi cung ứng
SME	Doanh nghiệp vừa và nhỏ
TCTD	Tổ chức tín dụng
TDH	Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn
TĐTD	Thẩm định tín dụng
TĐTS	Thẩm định tài sản
TMCP	Thương mại Cổ phần
TOI	Tổng thu nhập hoạt động thuần
TSBD	Tài sản bảo đảm
TT KTNB	Trung tâm Kiểm toán nội bộ
UBNS	Ủy ban Nhân sự

LỜI NÓI ĐẦU

Hành trình chinh phục vũ trụ không chỉ đơn thuần là những bước đi, mà còn là biểu tượng của niềm tin, yêu thương và khát vọng bứt phá vượt qua mọi giới hạn. Nhờ có sự tin - yêu và đồng hành của các cơ quan quản lý nhà nước, khách hàng, đối tác, cổ đông và sự đồng lòng của toàn thể cán bộ nhân viên, “con tàu NCB” đã hoàn tất quá trình xây dựng bộ phận và nạp đầy năng lượng – sẵn sàng bứt tốc trên chặng đường kế tiếp.

Với nền tảng vững chắc đã được xây dựng, kiện toàn trong giai đoạn 2021-2023 và được tiếp lực mạnh mẽ từ sự tin - yêu năm 2024, NCB đã có bước nhảy Alpha đánh dấu sự chuyển mình ngoạn mục. Những thành tựu đầu tiên đáng tự hào là minh chứng cho hành trình Vươn mình bứt phá, hiện thực khát vọng của NCB: hoàn thành vượt mức tất cả mục tiêu kinh doanh đã đặt ra tại Đại hội đồng cổ đông năm 2024, là tổ chức tín dụng đầu tiên được phê duyệt phương án cơ cấu lại xây dựng theo “Đề án cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025” theo Quyết định 689/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường và chứng minh khả năng chuyển mình linh hoạt giữa bối cảnh thị trường luôn biến động.

Năm 2025 sẽ tiếp tục là một năm NCB kiến tạo quỹ đạo phát triển của riêng mình với những mục tiêu táo bạo. Nguồn năng lượng quý giá từ niềm tin yêu đã nuôi dưỡng, trợ lực cho khát vọng vươn mình bứt phá và mở ra chương kế tiếp trong kỷ nguyên chinh phục vũ trụ sẽ được tái hiện sống động trong Báo cáo Thường niên 2024.

TIẾP LỰC
Tin Yêu
VƯƠN MÌNH
Bứt Phá

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Sự đoàn kết và cộng tác toàn diện đã giúp NCB vượt qua mọi khó khăn, thách thức để tự hào trở thành một ngân hàng “nhỏ nhưng có võ”.

KÍNH THƯA QUÝ VỊ,

Con tàu NCB đã trải qua một năm 2024 đầy nỗ lực và quyết liệt, linh hoạt nắm bắt thời cơ, tiếp tục biến thách thức thành cơ hội để hoàn thành vượt các mục tiêu kế hoạch và nhiệm vụ đề ra. Những thành quả đã đạt được trong năm qua đối với người NCB không chỉ là niềm tự hào mà thực sự là một kỳ tích, khi con tàu NCB đã thăng trọng lực vút bay vào dải thiên hà trong Kỷ nguyên Vươn mình của dân tộc.

Nhìn lại hành trình chuyển mình mạnh mẽ và bền bỉ được phi hành đoàn NCB khởi động từ năm 2021, đó là một chặng đường vô vàn thử thách từ nền kinh tế trong nước và quốc tế, từ cả những yếu tố nội tại của NCB. Nhưng bằng niềm tin và cơ hội gửi trao từ các Khách hàng, Cổ đông, Đối tác, Cơ quan quản lý và bằng sự đoàn kết một lòng cùng niềm hi vọng vào tương lai tươi sáng của hai nghìn “phi hành gia NCB”, chúng tôi đã vượt qua chính mình để làm nên những thành quả bước đầu đáng ghi nhận.

Năm 2024, NCB trở thành tổ chức tín dụng đầu tiên tại Việt Nam được các cấp thẩm quyền phê duyệt phương án cơ cấu lại tầm nhìn tới 2030 xây dựng theo “Đề án cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025” theo Quyết định 689/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của NHNN. Giải pháp bài bản, đúng đắn và phù hợp được triển khai khẩn trương và quyết liệt đã giúp NCB bước đầu khắc phục các vấn đề tồn tại, nâng cao hiệu quả hoạt động của ngân hàng.

Song song đó, nhờ triển khai mạnh mẽ chiến lược mới, hợp tác với các đối tác công nghệ hàng đầu thế giới và trong nước, đẩy mạnh chuyển đổi số và nâng cấp sản phẩm dịch vụ với hàng loạt gói giải pháp tài chính ưu việt, NCB đã đạt nhiều kết quả rất đáng khích lệ.

Bước sang năm 2025 và tầm nhìn đến 2030, NCB đã hội đủ các năng lượng cần thiết và sẵn sàng kiến tạo nên sự khác biệt, đổi mới, sáng tạo mang tính đột phá trong cơ hội của quốc gia, trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Chiến lược số của NCB đã được kích hoạt hòa chung trong câu chuyện kỷ nguyên số của Đất nước, với phương thức sản xuất số, tư liệu sản xuất số, lực lượng sản xuất đáp ứng hành trình mới và văn hóa doanh nghiệp ngày càng sắc nét, giàu bản sắc. Con tàu NCB “nhỏ nhưng có võ” đã sẵn sàng lập những kỳ tích mới.

Tôi tin tưởng với những bước đi đón đầu vận hội, sự tâm huyết, đóng góp bền bỉ của các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, sự quyết liệt, đổi mới của toàn bộ đội ngũ cán bộ nhân viên, NCB sẽ chào đón tuổi 30 và chinh phục hành trình mới với những dấu ấn tuyệt vời, hoàn thành mọi mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Thay mặt Hội đồng Quản trị và toàn thể cán bộ nhân viên NCB, Tôi xin bày tỏ sự cảm ơn chân thành tới các Quý khách hàng, Quý cổ đông, Nhà đầu tư, đối tác, Cơ quan quản lý Nhà nước, các cơ quan báo chí, truyền thông đã luôn đồng hành cùng NCB trong những năm qua và mong tiếp tục nhận được sự tin tưởng, ủng hộ của Quý vị trong thời gian tới.

Kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch HĐQT

Bùi Thị Thanh Hương

CHƯƠNG

01

ĐỒNG LÒNG

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự đồng hành và tin yêu của hàng triệu khách hàng, các cơ quan quản lý, cổ đông, đối tác và toàn thể cán bộ nhân viên NCB. Nhờ nguồn năng lượng ấy, con tàu NCB đã được tiếp thêm sức mạnh, kiện toàn nội lực cho hành trình vươn mình đầy khát vọng. Mỗi bước tiến của chúng tôi là minh chứng cho sức mạnh được xây dựng trên nền tảng của Tin - Yêu, mở ra những hành trình rực rỡ phía trước.

TRIỆU NGƯỜI CHUNG SỨC





TIẾP LỰC TIN YÊU



NCB SPACESHIP

READY!



TẦM NHÌN NCB

Chiến lược và mục tiêu phát triển bền vững

NCB xác định chiến lược phát triển ngân hàng theo định hướng Quản lý gia sản hỗn hợp Số, với tầm nhìn dài hạn và khát vọng trở thành ngân hàng cung cấp giải pháp tài chính tốt nhất cho giới siêu giàu trong 10 năm tới. Với tầm nhìn đó, chúng tôi sẽ xây dựng một NCB mới, mang lại các trải nghiệm ngân hàng thông qua tư duy đổi mới, sáng tạo, là trung tâm của sự đổi mới dịch vụ tài chính, tiên phong phát triển các sản phẩm dịch vụ trên nền tảng công nghệ tối tân nhất, hướng tới trở thành ngân hàng có trách nhiệm với xã hội, góp phần vào sự phát triển bền vững của cộng đồng mà NCB phục vụ.

NCB luôn đặt mục tiêu phát triển ngân hàng trong sự phát triển thịnh vượng chung của cộng đồng, đất nước, không ngừng đổi mới, sáng tạo và đầu tư công nghệ để kiến tạo những trải nghiệm ngân hàng cao cấp, đậm tính cá nhân hóa.

Ngân hàng cũng đồng thời xây dựng và nuôi dưỡng văn hóa doanh nghiệp mang bản sắc riêng, với 05 giá trị cốt lõi: *Trung thành - Tín nhiệm - Tận Tâm - Tinh Tế - Thăng hoa*. Những giá trị này không chỉ là kim chỉ nam cho mọi hành động, mà còn tạo nên sức hút nội tại của NCB – gắn kết cổ đông, khách hàng, đối tác và thu hút nhân tài, xây dựng một NCB chuyên nghiệp, đổi mới và nhân văn, góp phần kiến tạo một cộng đồng hạnh phúc, xã hội ngày càng thịnh vượng.

Giới thiệu NCB

♦ Tên giao dịch:
– **Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Quốc Dân**

♦ Tên tiếng Anh:
– **National Citizen Commercial Joint Stock Bank**

♦ Tên viết tắt:
– **NGÂN HÀNG QUỐC DÂN**

- ♦ Giấy ĐKKD: 1700169765 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 22 ngày 02/08/2023.
- ♦ Địa chỉ: 25 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- ♦ Điện thoại: (84-4) 62693355
- ♦ Fax: (84-4) 62693535
- ♦ Website: <http://www.ncb-bank.vn>

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh

- ♦ Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác;
- ♦ Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:
 - Cho vay;
 - Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;
 - Bảo lãnh ngân hàng;
 - Phát hành thẻ tín dụng;
 - Bao thanh toán trong nước;
- ♦ Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng;
- ♦ Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước:
 - Cung ứng phương tiện thanh toán;
 - Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, uỷ nhiệm chi, nhờ thu, uỷ nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;
- ♦ Mở tài khoản:
 - Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
 - Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác;
- ♦ Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia;
- ♦ Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;
- ♦ Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư;
- ♦ Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu chính phủ, tín phiếu ngân hàng nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ;
- ♦ Mua, bán trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp;
- ♦ Dịch vụ môi giới tiền tệ;
- ♦ Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Luật chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- ♦ Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- ♦ Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- ♦ Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- ♦ Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- ♦ Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định;
- ♦ Hoạt động mua nợ;
- ♦ Các hoạt động khác (sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận).

Địa bàn kinh doanh

Đến 31/12/2024, Ngân hàng NCB có

01 Hội sở chính

64 Chi nhánh, Phòng giao dịch trên toàn quốc

Trong đó: Miền Bắc: 27 Chi nhánh, Phòng giao dịch; Miền Trung: 04 Chi nhánh, Phòng giao dịch; Miền Nam: 33 Chi nhánh, Phòng giao dịch, tập trung chủ yếu tại 03 thành phố lớn: Hà Nội, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh.

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN

Ngân hàng TMCP Quốc Dân – NCB được thành lập từ năm 1995, khởi nguồn từ Ngân hàng TMCP Nông thôn Sông Kiên. Ngày 18/5/2006, NCB chính thức chuyển đổi mô hình hoạt động từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nông thôn thành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đô thị, chuyển đổi trụ sở chính từ Kiên Giang về TP. Hồ Chí Minh, đồng thời chính thức sử dụng tên Ngân hàng TMCP Nam Việt – Navibank thay cho tên gọi Ngân hàng TMCP Nông thôn Sông Kiên.

1995

Ngân hàng TMCP Nam Việt – Navibank chính thức đổi tên thành Ngân hàng TMCP Quốc Dân – NCB, và tiến hành tái cấu trúc hệ thống, hướng đến sự chuẩn hóa và hoàn thiện các dịch vụ tài chính, đặt mục tiêu nằm trong Top 10 ngân hàng bán lẻ hàng đầu Việt Nam, trở thành “Ngân hàng bán lẻ hiệu quả nhất”.

2014

2021 - 2023

Từ năm 2021, NCB mạnh mẽ chuyển đổi, tái cấu trúc toàn diện, nâng cao năng lực tài chính và minh bạch thông tin, đầu tư vào công nghệ, vun đắp nguồn nhân lực và xây dựng thương hiệu vững mạnh.

2021 - 2023, NCB, với niềm tin và tình yêu mến của hàng triệu khách hàng, các cơ quan quản lý, cổ đông và đối tác, NCB đã kiến tạo toàn bộ mây và năng lực với nhiều bước chuyển mình toàn diện.

Bên cạnh việc nâng cao năng lực điều hành với sự tham gia của nhiều nhân sự giàu kinh nghiệm và chuyên môn cao, NCB đầu tư mạnh mẽ vào hạ tầng và giải pháp công nghệ, triển khai các dự án trọng điểm: nâng cấp hệ thống Corebanking, trang bị hạ tầng máy chủ IBM, tiên phong ứng dụng điện toán đám mây Google Cloud. Chuyển đổi số trở thành yếu tố then chốt với các dự án trọng điểm: Data platform & Cloud; Decision Engine; Gen AI & AI Machine Learning; Nền tảng CRM; Hệ thống LOS; Nền tảng API HUB.

Đồng thời, NCB chú trọng kiện toàn hệ thống kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro, hoàn thành Giải pháp triển khai ICAAP chuẩn Basel 2 và Đánh giá tổng thể. Xây dựng lộ trình kiện toàn Hệ thống Kiểm soát nội bộ dưới sự tư vấn của Công ty KPMG.

Nhờ đó, ngân hàng ghi nhận mức tăng trưởng về dư nợ cho vay gần 30%; tăng trưởng huy động hơn 25% mỗi năm. Đặc biệt trong năm 2022, NCB đã hoàn thành tăng vốn điều lệ thêm 1.500 tỷ đồng, đưa mức tổng vốn điều lệ sau tăng là 5.602 tỷ đồng.

Với việc chú trọng xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, tạo điều kiện tối đa để mỗi cá nhân được phát huy tài năng, năm 2023, NCB vinh dự nhận giải thưởng “Môi trường làm việc tốt nhất châu Á” do tạp chí HRAA bình chọn.

Các hoạt động truyền thông, marketing được triển khai một cách chuyên nghiệp, đưa thương hiệu NCB tới gần với công chúng. Năng lực cạnh tranh của NCB được khẳng định với nhiều giải thưởng uy tín trong và ngoài nước: Ứng dụng ngân hàng bán lẻ sáng tạo nhất Việt Nam 2023 – NCB iZiMobile; Top 10 thương hiệu uy tín – chất lượng quốc gia; Top 50 sản phẩm dịch vụ tin dùng Việt Nam dành cho NCB iZiBankbiz,...

Với nền tảng được chuẩn bị vững vàng, NCB chính thức ký kết hợp tác với đối tác tư vấn chiến lược hàng đầu thế giới để triển khai chiến lược mới cho ngân hàng giai đoạn 2023-2028 và trong dài hạn.

Năm 2024 ghi dấu sự chuyển mình toàn diện với các bước đi mang tính đột phá của NCB hướng tới mục tiêu chiến lược mới, làm nên một phiên bản NCB mới ngày càng được khách hàng và cộng đồng yêu thích.

2024 cũng đánh dấu hai cột mốc quan trọng của NCB, khi được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho ý kiến và cấp có thẩm quyền phê duyệt Phương án cơ cấu lại giai đoạn 2023-2025 tầm nhìn tới 2030, đánh dấu một giai đoạn mang tính bước ngoặt trong hành trình tái cơ cấu của ngân hàng. NCB cũng hoàn thành tăng gấp đôi vốn điều lệ, nâng tổng vốn điều lệ lên 11.800 tỷ đồng, bổ sung sức mạnh tài chính cho quá trình chuyển đổi toàn diện và mạnh mẽ.

2024

Với cam kết đầu tư mạnh mẽ cho công nghệ, NCB tiếp tục triển khai 33 dự án công nghệ, với các dự án trọng yếu: nâng cấp hạ tầng công nghệ, đầu tư và triển khai API Hub, nâng cao năng lực đảm bảo an ninh, an toàn hệ thống thông tin, hệ thống ứng dụng công nghệ nhằm hướng tới số hóa các quy trình nội bộ và số hóa các dịch vụ cung cấp cho khách hàng.

Đứng trước thách thức của mục tiêu kép, NCB tự hào hoàn thành kế hoạch vượt mức mọi chỉ tiêu kinh doanh năm 2024, tạo “bước nhảy” ngoạn mục, mở màn cho hành trình rực rỡ phía trước.

NCB cũng liên tục khẳng định năng lực cạnh tranh và vị thế mới với hàng loạt dấu ấn, như: Mở tài khoản thanh toán ngân hàng từ ứng dụng định danh điện tử VNeID của Bộ Công An; Giành giải Khuyến khích tại cuộc thi Data for Life 2024; Năm thứ hai liên tiếp được HR Asia Awards vinh danh “Nơi làm việc tốt nhất Châu Á”; Ngân hàng số NCB iZiBankbiz cho khách hàng doanh nghiệp được vinh danh Top 10 Sản phẩm - Dịch vụ Tin dùng Việt Nam ngành Ngân hàng, Bảo hiểm, Chứng khoán,...

Vốn điều lệ
11.800 tỷ đồng



GIỚI THIỆU NCB

Mô hình quản trị

NCB là TCTD hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, với cơ cấu tổ chức quản lý theo quy định tại khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp và Điều 40 Luật Các TCTD gồm: Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), Hội đồng Quản trị (HĐQT), Ban Kiểm soát (BKS) và Ban Điều hành (BĐH - đứng đầu là Tổng Giám đốc). NCB duy trì khung quản trị doanh nghiệp phù hợp với quy định của NHNN, quy định pháp luật liên quan đảm bảo tính minh bạch rõ ràng giữa các chức năng quản trị, điều hành và kiểm soát.

Cơ cấu cổ đông – cổ phần

Cổ phần

Đến 31/12/2024, NCB có tổng số

1.177.984.751

cổ phần phổ thông

tương ứng với vốn điều lệ

11.779.847.510.000

đồng

THÔNG TIN CỔ PHẦN	SỐ LƯỢNG (CỔ PHẦN)
Số lượng cổ phần lưu hành	1.174.632.751
Số lượng cổ phiếu quỹ	3.352.000
Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng	560.143.187
Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng	617.841.564

Cơ cấu cổ đông tại 31/12/2024

LOẠI HÌNH CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN	TỶ LỆ CỔ PHẦN (%)
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (LỚN/NHỎ)			
Cổ đông lớn	0	0	0
Cổ đông nhỏ	2.785	1.174.632.751	99,715%
Cổ phiếu quỹ	1	3.352.000	0,2846%
Tổng cộng	2.786	1.177.984.751	100%

LOẠI HÌNH CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN	TỶ LỆ CỔ PHẦN (%)
(1) CỔ ĐÔNG TRONG NƯỚC			
a. Cá nhân	2.736	1.109.607.521	94,194%
b. Tổ chức	17	47.756.853	4,054%
Tổng (1)	2.753	1.157.364.374	98,248%
(2) CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI			
a. Cá nhân	23	1.166.066	0,099%
b. Tổ chức	9	16.102.311	1,367%
Tổng (2)	32	17.268.377	1,466%
(3) CỔ PHIẾU QUỸ	1	3.352.000	0,2846%
TỔNG (1) + (2) + (3)	2.786	1.177.984.751	100%

Tình hình thay đổi vốn điều lệ: năm 2024 NCB đã hoàn thành thủ tục chào bán cổ phần riêng lẻ, tăng vốn điều lệ thêm **6.178.291.640.000 đồng**. Giao dịch cổ phiếu quỹ: **Không thay đổi**.

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

Tại đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ NCB 2024, có 02 cổ đông nội bộ tham gia chào mua, cụ thể:

- ✦ Bà Bùi Thị Thanh Hương (Chủ tịch HĐQT)

mua 56.329.164 cổ phiếu
- ✦ Ông Dương Thế Bằng (thành viên HĐQT)

mua 58.500.000 cổ phiếu

Giới thiệu HĐQT và các Ủy ban

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	THỜI KỲ ĐẢM NHIỆM	
		Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Bùi Thị Thanh Hương	Chủ tịch HĐQT Không điều hành	29/07/2021	
Bà Hoàng Thu Trang	Phó Chủ tịch HĐQT Không điều hành	Ngày bầu TVHĐQT: 18/06/2022 Ngày bầu PCT HĐQT: 18/11/2023	
Ông Dương Thế Bằng	Thành viên HĐQT Không điều hành	18/11/2023	
Bà Nguyễn Thị Hải Hòa	Thành viên HĐQT Không điều hành	18/11/2023	
Bà Trịnh Thanh Mai	Thành viên HĐQT độc lập Không điều hành	18/06/2022	

Hội đồng Quản trị (HĐQT) là cơ quan quản trị Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ.

HĐQT có 05 thành viên, bao gồm: Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT, trong đó có 01 thành viên độc lập. Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT do các thành viên HĐQT bầu. Chủ tịch HĐQT là người đại diện pháp luật của Ngân hàng. HĐQT thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Bà BÙI THỊ THANH HƯƠNG

Chủ tịch Hội đồng quản trị

- ✦ **TRÌNH ĐỘ HỌC VẤN:** Cử nhân Kế toán - Kiểm toán, trường Đại học Kinh tế Quốc dân; Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh - Trung tâm Đào tạo về Quản lý Pháp - Việt (CFVG), Đại học Kinh tế Quốc dân.
- ✦ **KINH NGHIỆM CÔNG TÁC:** Bà Bùi Thị Thanh Hương đã có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng và từng đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý quan trọng. Bà từng là Phó Giám đốc Khối Tài chính, Kế toán trưởng tại SeABank; Phó Tổng Giám đốc TPBank; TGĐ Công ty TNHH Đầu tư Tập đoàn Mặt Trời.
- ✦ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 4,7818%.



Bà HOÀNG THU TRANG

Phó Chủ tịch HĐQT

- ✦ **TRÌNH ĐỘ HỌC VẤN:** Cử nhân Khoa học Quản lý - Đại học Thăng Long.
- ✦ **KINH NGHIỆM CÔNG TÁC:** Bà Hoàng Thu Trang có hơn 24 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng, là lãnh đạo cấp cao tại nhiều doanh nghiệp và tổ chức tín dụng lớn như: Ngân hàng TMCP Kỹ thương Techcombank, Ngân hàng TMCP Hàng Hải MSB, Ngân hàng TMCP Tiên phong TPBank.
- ✦ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%.



Ông DƯƠNG THẾ BẰNG

Thành viên HĐQT

- ✦ **TRÌNH ĐỘ HỌC VẤN:** Cử nhân Thông tin vô tuyến, phát thanh và truyền hình – Đại học Kỹ thuật Truyền thông và Tin học Mát-xcơ-va, Liên bang Nga.
- ✦ **KINH NGHIỆM CÔNG TÁC:** Ông Dương Thế Bằng có hơn 27 năm kinh nghiệm công tác tại các doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước.
- ✦ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 4,966%.



Bà NGUYỄN THỊ HẢI HOÀ

Thành viên HĐQT

- ✦ **TRÌNH ĐỘ HỌC VẤN:** Cử nhân Kinh tế đối ngoại – Đại học Ngoại Thương Hà Nội.
- ✦ **KINH NGHIỆM CÔNG TÁC:** Bà Nguyễn Thị Hải Hoà có hơn 18 năm kinh nghiệm công tác tại tổ chức tín dụng và doanh nghiệp lớn.
- ✦ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%.



Bà TRỊNH THANH MAI

Thành viên HĐQT độc lập

- ✦ **TRÌNH ĐỘ HỌC VẤN:** Cử nhân Kinh tế - Trường Đại Học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.
- ✦ **KINH NGHIỆM CÔNG TÁC:** Bà Trịnh Thanh Mai là hội viên cao cấp Hiệp hội Kế toán viên Công chứng – Anh, hội viên Hiệp hội kế toán viên Công chứng – Úc và từng là lãnh đạo cấp cao tại nhiều doanh nghiệp và tổ chức lớn như: Công ty TNHH PwC Việt Nam, Ngân hàng ANZ Việt Nam, Ngân hàng ANZ – Úc.
- ✦ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%.

BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát (BKS) tại NCB có 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) bầu ra trong đó có 02 thành viên chuyên trách và 01 thành viên không chuyên trách, đáp ứng theo quy định của Pháp luật và điều lệ của NCB.

Bà ĐỖ THỊ ĐỨC MINH

Trưởng Ban Kiểm soát

Bà Đỗ Thị Đức Minh được ĐHĐCĐ Ngân hàng TMCP Quốc Dân (NCB) bầu làm Trưởng Ban Kiểm soát từ năm 2023 đến nay.

Bà Đỗ Thị Đức Minh là Thạc sỹ kinh tế chuyên ngành Tài chính – Tín dụng – Lưu thông tiền tệ - Học viện Ngân hàng. Bà có hơn 26 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng và từng đảm nhiệm nhiều chức vụ quan trọng tại các tổ chức như cán bộ Vụ Chiến lược PTNH NHNN, Phó Chủ tịch Ban đại diện Quý Đầu tư Doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam VFMVF4, Phó Giám đốc phụ trách Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư, Chánh Văn phòng Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám đốc PGBank.

Bà VŨ KIM PHƯỢNG

Thành viên chuyên trách Ban Kiểm soát

Bà Vũ Kim Phượng được ĐHĐCĐ của NCB bầu vào Ban Kiểm soát từ năm 2015 đến nay, đảm nhiệm chức danh thành viên chuyên trách Ban Kiểm soát.

Bà Vũ Kim Phượng là Thạc sỹ Quản trị kinh doanh – Đại học Kinh tế Quốc Dân. Bà có hơn 21 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Kế toán – Ngân hàng và từng đảm nhận vị trí kế toán trưởng tại các doanh nghiệp, Phó phòng kiểm toán nội bộ Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội, Phó phòng Kiểm toán Nội bộ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội.

Ông NGUYỄN VĂN QUANG

Thành viên Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Quang được ĐHĐCĐ của NCB bầu vào Ban Kiểm soát từ năm 2023 đến nay, đảm nhiệm chức danh thành viên Ban Kiểm soát.

Ông Nguyễn Văn Quang là Cử nhân Tài chính ngân hàng – Đại học Hà Nội. Ông có hơn 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính – Kiểm toán và từng đảm nhận nhiều vị trí quan trọng tại các doanh nghiệp lớn như Phó phòng Kiểm toán - Công ty TNHH PwC Việt Nam, Trưởng nhóm kiểm toán - Công ty TNHH PwC Malaysia.

TRUNG TÂM KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Cơ cấu tổ chức: Để thực thi chức năng nhiệm vụ, Ban Kiểm soát đã xây dựng bộ máy Kiểm toán nội bộ theo đúng quy định tại Thông tư 13/2018/TT-NHNN và các văn bản pháp luật liên quan. Hiện nay, Trung tâm Kiểm toán nội bộ (TT KTNB) bao gồm ba phòng chuyên môn:

Phòng Nghiệp vụ Kiểm toán 1: Thực hiện kiểm toán các đơn vị kinh doanh (ĐVKD); Kiểm toán chuyên đề, và rà soát các khoản cấp tín dụng lớn.

Phòng Nghiệp vụ Kiểm toán 2: Kiểm toán liên quan đến lĩnh vực CNTT, Ngân hàng số; Tham gia các dự án CNTT, chuyển đổi số; Xây dựng và đề xuất triển khai các công cụ/phần mềm hỗ trợ hoạt động kiểm toán.

Phòng Tổng hợp: Thực hiện các báo cáo giám sát, thẩm định BCTC, thực hiện các báo cáo NHNN; Đóng vai trò đầu mối liên hệ, cung cấp thông tin với NHNN; Thực hiện các báo cáo nội bộ, rà soát văn bản nội bộ, thực hiện theo dõi thực hiện kiến nghị kiểm toán và hỗ trợ tham gia các Đoàn Kiểm toán.

Hoạt động kiểm toán nội bộ:

Ban Kiểm soát chỉ đạo và điều hành trực tiếp hoạt động của TT KTNB nhằm đảm bảo hoạt động kiểm toán diễn ra hiệu quả, minh bạch và hoàn thành kế hoạch kiểm toán nội bộ hằng năm. Kế hoạch kiểm toán được xây dựng dựa trên nguyên tắc định hướng rủi ro, tập trung vào các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro trọng yếu nhằm nhận diện sớm và đưa ra cảnh báo

kịp thời đến Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban Điều hành (BDH). TT KTNB đảm bảo nguồn lực kiểm toán được phân bổ hợp lý để thực hiện các cuộc kiểm toán theo kế hoạch, góp phần nâng cao chất lượng kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro trong toàn hệ thống.

BAN ĐIỀU HÀNH

Ông TẠ KIỀU HƯNG

Tổng Giám đốc

Ông Tạ Kiều Hưng là Cử nhân Tài chính - Ngân hàng tại trường Đại học Kinh tế Quốc dân; Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Trung tâm Pháp - Việt Đào tạo về Quản lý (CFVG) - Đại học Kinh tế Quốc dân.

Ông Hưng có hơn 22 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng, giữ nhiều chức vụ quan trọng tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Techcombank như: Giám đốc Chuyển đổi mảng Quản trị Rủi ro Khách hàng Bán lẻ và Doanh nghiệp vừa & nhỏ, Giám đốc Phát triển kinh doanh Khối Bán lẻ, Giám đốc Sản phẩm Khối bán lẻ, Giám đốc Sáng kiến chuyển đổi Năng lực lãnh đạo, Giám đốc Vùng, Giám đốc siêu Chi nhánh,... Ông Tạ Kiều Hưng gia nhập NCB vào tháng 12/2022 giữ vị trí Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối KHCN; ông Hưng được bổ nhiệm vị trí Tổng Giám đốc vào tháng 06/2023.



GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)



Bà PHẠM THỊ HIỀN

Phó Tổng Giám đốc kiêm
Giám đốc Khối Quản trị Rủi ro

Bà Phạm Thị Hiền là Thạc sỹ Kinh tế Tài chính - Ngân hàng, Trung tâm Pháp - Việt Đào tạo về Quản lý (CFVG) - Đại học Kinh tế Quốc dân.

Bà Hiền có hơn 31 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng, giữ nhiều chức vụ quan trọng tại các TCTD, doanh nghiệp lớn như: Ngân hàng TMCP An Bình (ABBank), Ngân hàng HSBC Việt Nam, Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam Vietcombank.

Bà VÕ THỊ THÙY DƯƠNG

Phó Tổng Giám đốc kiêm
Giám đốc Khối Quản trị Nguồn nhân lực

Bà Võ Thị Thùy Dương là Thạc sỹ Luật Kinh tế và Quốc tế - Đại học Luật Hà Nội.

Bà Dương có gần 21 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị nguồn nhân lực và đã giữ nhiều chức vụ quan trọng tại các doanh nghiệp lớn và các ngân hàng uy tín như: Ngân hàng SHB, Ngân hàng TMCP Bảo Việt, Ngân hàng VIB, Ngân hàng SeABank.

Ông NGUYỄN VIẾT HỢI

Phó Tổng Giám đốc Khu vực Miền Nam

Ông Nguyễn Viết Hợi là Thạc sỹ Tài Chính Ngân hàng tại ĐH Kinh Tế - Luật - ĐH Quốc Gia TP.HCM.

Ông Hợi có gần 20 năm làm việc trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng đã đảm nhiệm những vị trí điều hành quan trọng như Thành viên Ban Điều hành, Giám đốc Khu vực, Phó Giám đốc Khối Khách hàng Cá nhân tại Ngân hàng TMCP Nam Á. Ông gia nhập NCB với định hướng cùng cố gắng xây dựng Ngân hàng thành tổ chức tín dụng phát triển an toàn bền vững, hiệu quả cao và đóng góp tích cực cho xã hội.



Ông HOÀNG VŨ MẠNH

Giám đốc Khối Nguồn vốn và
Thị trường Tài chính

Ông Hoàng Vũ Mạnh là Cử nhân Tài chính Ngân hàng - Đại học Kinh tế Quốc dân.

Ông Mạnh có hơn 21 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính Ngân hàng, giữ nhiều chức vụ quan trọng tại các TCTD, doanh nghiệp lớn như: Ngân hàng TMCP Hàng Hải MSB, Ngân hàng TMCP Kỹ thương Techcombank.

Bà NGUYỄN THÙY LINH

Giám đốc Khối Marketing - Truyền thông

Bà Nguyễn Thùy Linh là Cử nhân Quan hệ Kinh tế Quốc tế - Học viện Ngoại giao.

Bà Linh có hơn 16 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực Marketing - Truyền thông và từng nắm giữ nhiều chức vụ quan trọng tại các TCTD, doanh nghiệp lớn như: Ngân hàng TMCP Kỹ thương Techcombank, Tập đoàn FLC, Tập đoàn TMS, Tập đoàn Đạt Phương.

Ông LÊ VIẾT PHÚC

Giám đốc Trung tâm Xử lý nợ

Ông Lê Viết Phúc là Cử nhân Luật học - Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông có hơn 14 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực xử lý nợ, từng đảm nhận nhiều chức vụ quan trọng tại các TCTD như: Ngân hàng VIB, Công ty TNHH MTV Quản lý và Khai thác tài sản, Ngân hàng TMCP Quốc tế VIB, Công ty TNHH MTV Quản lý và Khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Techcombank.

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)



Bà HOÀNG THỊ BÍCH LIÊN

Giám đốc Khối Vận hành

Bà Hoàng Thị Bích Liên là Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Đại học FPT.

Bà Liên có 23 năm kinh nghiệm làm tại các Tổ chức tín dụng với các vị trí như: Phó GD Chi nhánh, Phó GD Khối Tín dụng và gần đây nhất là chức vụ Phó GD Khối Vận hành kiêm GD Trung tâm HTTD tại Ngân hàng Tiên phong TPBank.

Ông NGUYỄN VỊNH

Giám đốc Khối Công nghệ

Ông Nguyễn Vĩnh là Kỹ sư CNTT - Đại học Bách Khoa Hà Nội; Thạc sĩ Quản trị Kinh Doanh - Trung tâm Pháp - Việt Đào tạo về Quản lý (CFVG), Đại học Kinh tế Quốc dân.

Ông Vĩnh có 21 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Công nghệ thông tin với nhiều chức vụ quan trọng về công nghệ tại các TCTD, doanh nghiệp lớn như: Công ty TNHH Phần mềm FPT, Ngân hàng TMCP Đông Nam Á SeABank, Ngân hàng TMCP Kỹ thương Techcombank.

Bà ĐÀO MAI HƯƠNG

Giám đốc Khối Quản lý Tín dụng

Bà Đào Mai Hương là Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng - Trung tâm Pháp - Việt Đào tạo về Quản lý (CFVG) - Đại học Kinh tế Quốc dân.

Bà Hương có hơn 20 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng, giữ nhiều chức vụ quan trọng tại các TCTD, như: Ngân hàng TMCP Quân đội MB, Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei, Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện - PTF.



Ông QUÁCH THÀNH LONG

Giám đốc Khối Quản trị Tài chính

Ông Quách Thành Long là Cử nhân Kinh tế Bảo hiểm, Đại học Kinh tế Quốc dân; Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng, Trung tâm Pháp - Việt Đào tạo về Quản lý (CFVG) - Đại học Kinh tế Quốc dân.

Ông Long có hơn 24 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kế toán, Tài chính - Ngân hàng và từng đảm nhận nhiều chức vụ quan trọng tại các TCTD, doanh nghiệp như: Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội SHB, Ngân hàng TMCP Kỹ thương Techcombank, Standard Chartered Bank, Panasonic Việt Nam, Nestlé Việt Nam.

Bà PHÙNG NGỌC VIỆT NGÀ

Giám đốc Khối Pháp chế Tuân thủ

Bà Phùng Ngọc Việt Nga là Thạc sĩ Luật học - Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Bà Nga có 17 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực Pháp chế Ngân hàng với các chức vụ quan trọng tại Vụ Pháp chế, NHNN Việt Nam.

Ông GANESH VISWAMANI

Giám đốc Khối Dữ liệu và Chuyển đổi số

Ông Ganesh Viswamani, là Cử nhân Thương mại - ĐH Madras (Ấn Độ).

Ông đã có hơn 30 năm kinh nghiệm và từng nắm giữ các chức vụ quan trọng tại các công ty tài chính và các ngân hàng lớn của Canada, UAE, và Việt Nam như: Scotiabank, Finance. House, Ngân hàng TMCP Kỹ thương Techcombank,...

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Hoạt động của HĐQT

Trong năm 2024, HĐQT NCB đã tổ chức các phiên họp để đưa ra các quyết sách, định hướng, chỉ đạo hoạt động của NCB trong từng thời kỳ; xem xét, quyết định các nội dung, vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT (Chi tiết tại Báo cáo tình hình quản trị Ngân hàng TMCP Quốc Dân năm 2024 số 68/2025/BC-HĐQT.NCB ngày 24/01/2025).

Hoạt động của Thành viên HĐQT độc lập

Thành viên HĐQT độc lập đã hoạt động tích cực với sự chủ động và hiệu quả cao trong hoạt động của mình, đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ Ngân hàng; hoàn thiện nhiệm vụ được HĐQT giao một cách cẩn trọng, trung thực; đóng góp tích cực vào việc duy trì sự minh bạch trong các quyết định của HĐQT.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ỦY BAN THUỘC HĐQT

Trên con tàu vũ trụ NCB, để mỗi chuyến hành trình bứt phá khỏi quỹ đạo thông thường, tiến vào không gian rộng lớn phía trước, không thể thiếu sự phối hợp nhịp nhàng giữa các trung tâm điều khiển chiến lược. Đó chính là 05 Ủy ban, Hội đồng thuộc HĐQT được thành lập tuân thủ theo quy định của pháp luật: Ủy ban Nhân sự, Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban Tín dụng, Ủy ban Công nghệ và Hội đồng xử lý rủi ro. Các Ủy ban hoạt động theo Quy chế tổ chức và hoạt động của từng Ủy ban do HĐQT ban hành.

Ủy Ban Nhân sự

Ủy Ban Nhân sự (UBNS) tham mưu, tư vấn cho HĐQT về cơ cấu tổ chức, bộ máy nhân sự và chính sách nhân sự trong quá trình quản trị Ngân hàng. Trong năm 2024, UBNS đã tiếp nhận giải quyết các hồ sơ, vụ việc, tổ chức 72 phiên họp và tham mưu tư vấn cho HĐQT cho các vấn đề sau:

- Tham mưu cho HĐQT giải quyết các nội dung liên quan đến nhân sự theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;
- Trình HĐQT ban hành các Quyết định về cơ cấu tổ chức để phù hợp với thực tế và thực thi chiến lược phát triển ngân hàng, đảm bảo hiệu quả hoạt động với bộ máy tinh gọn; rà soát, hiệu chỉnh và tham mưu HĐQT ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị để phù hợp với cơ cấu tổ chức mới và thực hiện sắp xếp nhân sự;
- Nối tiếp các chính sách về đãi ngộ nằm trong chiến lược về nhân sự, năm 2024, UBNS tiếp tục đề xuất, xây dựng,

trình HĐQT phê duyệt chương trình chi thưởng, điều chỉnh lương định kỳ nhằm ghi nhận sự nỗ lực của cán bộ nhân viên, nâng cao mức lương trung bình, giúp cán bộ nhân viên có được mức thu nhập cạnh tranh ngành, củng cố niềm tin vào tổ chức và nâng cao động lực làm việc;

- Nghiên cứu, tư vấn cho HĐQT về nguyên tắc xác định quỹ thưởng, nguyên tắc xây dựng ngân sách, xây dựng định biên, ma trận phân nhiệm phân quyền công tác nhân sự và chính sách chấm dứt hợp đồng lao động;
- Tư vấn và trình HĐQT phê duyệt Dự án Chất lượng dịch vụ;
- Đề xuất, xây dựng, trình HĐQT ban hành Chính sách cho vay đối với CBNV;
- Duy trì giám sát cơ chế đánh giá định kỳ nhân sự từ cấp quản lý đến nhân viên trên toàn hệ thống, tiếp tục sàng lọc thay thế những nhân sự yếu kém, đặc biệt ở các cấp quản lý và các vị trí chuyên môn (thông qua quy trình đánh giá 360 đối với cán bộ quản lý).

Ủy Ban Công nghệ

Ủy Ban Công nghệ (UBCN) có vai trò tham mưu cho HĐQT về định hướng phát triển công nghệ, các ứng dụng công nghệ nhằm nâng cao năng lực quản trị điều hành, thúc đẩy hiệu quả kinh doanh của Ngân hàng. Năm 2024, UBCN đã tổ chức các phiên họp định kỳ theo quý và các cuộc họp khẩn cấp theo yêu cầu của Chủ tịch, tham mưu cho HĐQT các nội dung sau:

- Tham mưu HĐQT phương án nguồn lực của Khối Công nghệ để đảm bảo triển khai các phương án công nghệ đã được phê duyệt;
- Chỉ đạo tổ chức, thẩm định trước khi trình HĐQT phê duyệt các dự án công nghệ, dự án hệ thống an ninh bảo mật; đầu tư trang thiết bị công nghệ thông tin và viễn thông, giải pháp phần mềm. Trong đó:
 - Dự án CNTT: NCB đã hoàn thành triển khai 18/36 dự án trong năm 2024, 18 dự án đang triển khai sẽ hoàn thành trong năm 2025 theo kế hoạch;
 - Dự án Chuyển đổi số: 08 dự án được triển khai trong năm 2024 và sẽ hoàn thành trong năm 2025 theo kế hoạch;
- Cập nhật tình hình phát triển công nghệ của NCB để HĐQT có chỉ đạo kịp thời, đảm bảo hệ thống luôn ở trạng thái sẵn sàng chinh phục những hành trình mới. Thẩm định báo cáo đánh giá tổng thể hiện trạng hệ thống CNTT năm 2024 và định hướng hệ thống CNTT cho năm 2025 đến 2028.

18

Dự án CNTT hoàn thành

08

Dự án Chuyển đổi số được triển khai

Ủy Ban Tín dụng

Ủy Ban Tín dụng (UBTD) xem xét, đề xuất, thẩm định, tham mưu trình HĐQT phê duyệt các khoản cấp tín dụng thuộc thẩm quyền HĐQT. Năm 2024, Ủy ban đã tổ chức nhiều phiên họp, trình HĐQT phê duyệt các khoản cấp tín dụng hoặc điều chỉnh thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Ủy Ban Quản lý Rủi ro

Ủy Ban Quản lý rủi ro (UBQLRR) có 05 thành viên. Với vai trò tham mưu HĐQT các vấn đề về quản lý rủi ro, năm 2024, UBQLRR tổ chức các cuộc họp thảo luận, cho ý kiến tư vấn/tham mưu và giám sát triển khai các nội dung sau:

- Tham mưu HĐQT ban hành khẩu vị rủi ro giai đoạn 2024 - 2026, giám sát tình hình thực hiện Khẩu vị rủi ro;
- Xem xét, cho ý kiến đối với Báo cáo và đề xuất Kịch bản kiểm tra sức chịu đựng về vốn và Kế hoạch vốn; bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả các tiểu dự án hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ;
- Xem xét đánh giá và cho ý kiến kiện toàn công tác kiểm soát và giám sát tuân thủ tại Ngân hàng;
- Giám sát việc triển khai các tiểu dự án nâng cao năng lực quản lý rủi ro, kiện toàn hệ thống kiểm soát nội bộ tại NCB.
- Giám sát việc hoàn thiện công cụ, bộ máy và tiêu chuẩn Quản lý rủi ro trên toàn hệ thống;
- Theo dõi trạng thái rủi ro trọng yếu thông qua tình hình thực hiện khẩu vị rủi ro, hạn mức rủi ro và đưa ra các khuyến nghị, yêu cầu khắc phục, chỉnh sửa để đáp ứng yêu cầu quản trị, đảm bảo hoạt động ngân hàng được vận hành thông suốt, kiểm soát được rủi ro.

Hội đồng Xử lý rủi ro

Hội đồng Xử lý rủi ro (HĐXLRR) giữ vai trò cảnh báo để đảm bảo con tàu NCB vận hành trong hành lang an toàn, tránh tối đa các rủi ro và tổn thất. Trong năm 2024, HĐXLRR đã tổ chức họp, xem xét và phê duyệt 157 hồ sơ/phương án xử lý rủi ro, trong đó có 41 hồ sơ/phương án được trình HĐQT phê duyệt. Các nội dung xử lý bao gồm: phân loại nợ, trích lập DPRR, xử lý tài sản bảo đảm, khởi kiện khách hàng,... đảm bảo con tàu NCB duy trì sự cân bằng, ổn định trước những biến động bất ngờ.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Năm 2024, Ban Kiểm soát đã thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ NCB, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát, đồng thời tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật hiện hành. Ban Kiểm soát hoạt động liên tục để giám sát chuyển động của con tàu, đảm bảo mọi hoạt động đều tuân thủ đúng quỹ đạo an toàn:

- Ban Kiểm soát giám sát chặt chẽ việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng, giám sát HĐQT, TGD trong việc triển khai các Nghị quyết, định hướng, mục tiêu kinh doanh năm 2024 đã được ĐHCĐ thông qua, cũng như việc triển khai các chủ trương, chính sách, chỉ đạo của Chính phủ, của NHNN;
- Giám sát các chỉ tiêu an toàn hoạt động ngân hàng;
- Giám sát thực trạng tài chính, thẩm định báo cáo tài chính bán niên năm 2024 và thẩm định báo cáo tài chính năm 2024 của NCB;
- Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của NCB thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- Giám sát việc chấp hành các quy định về các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng;
- Cập nhật danh sách cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên và những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc NCB, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này;
- Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ khác theo đúng quy định pháp luật và quy định của NCB.

Để vận hành hiệu quả hệ thống giám sát, các thành viên Ban Kiểm soát được phân công nhiệm vụ phù hợp với năng lực chuyên trách của mỗi thành viên.

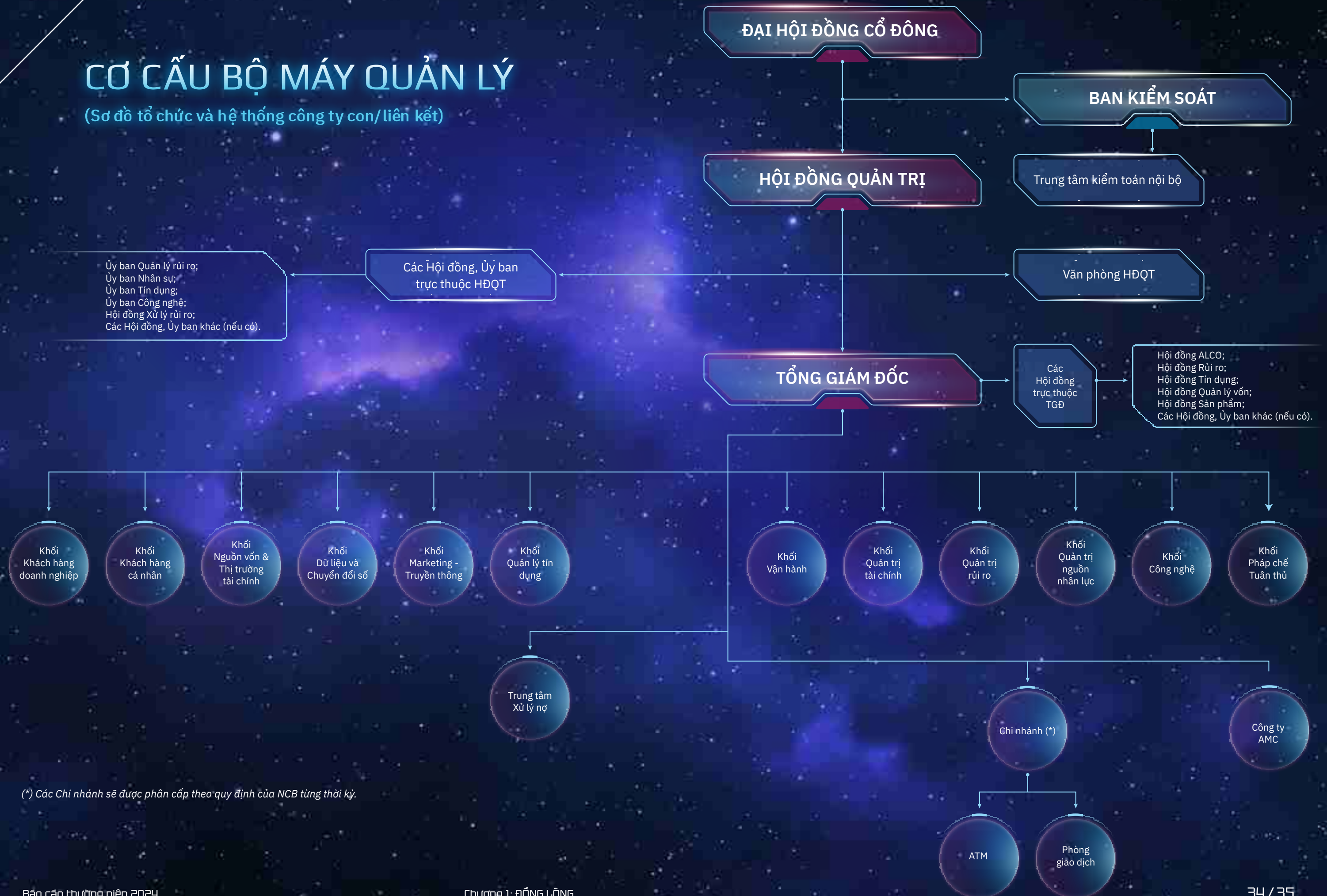
Ban Kiểm soát đã tổ chức 31 cuộc họp với 100% thành viên tham dự nhằm trao đổi, thảo luận để triển khai kế hoạch công tác và hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, các thành viên Ban Kiểm soát thực hiện tốt vai trò giám sát, kịp thời phát hiện các rủi ro hoạt động của ngân hàng. Các kiến nghị của Ban Kiểm soát được HĐQT và Tổng Giám đốc xem xét thực hiện đảm bảo lợi ích của NCB, tuân thủ các quy định của Pháp luật và các quy định quản lý nội bộ của NCB.

Ban Kiểm soát hoạt động theo nguyên tắc độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ với Ban Lãnh đạo Ngân hàng trong công tác quản trị, điều hành nhằm ngăn ngừa, phát hiện, xử lý các tồn tại, góp phần nâng cao năng lực hệ thống kiểm soát nội bộ, nâng cao năng lực quản trị điều hành của hệ thống. Con tàu NCB nhờ đó được vững vàng, an toàn vượt qua mọi thử thách trên hành trình chinh phục vũ trụ tài chính số.



CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

(Sơ đồ tổ chức và hệ thống công ty con/liên kết)



(*) Các Chi nhánh sẽ được phân cấp theo quy định của NCB từng thời kỳ.

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Cơ cấu nhân sự tính tới 31/12/2024



Tính đến ngày 31/12/2024, tổng số nhân sự của NCB là

2.060 người



Tỷ lệ nhân sự có trình độ từ Đại học trở lên

1.864/2.060

90,49%

	BỘ PHẬN TÁC NGHIỆP (BACK OFFICE)	BỘ PHẬN KINH DOANH (FRONT OFFICE)	BỘ PHẬN HỖ TRỢ KINH DOANH (MIDDLE OFFICE)	TỔNG CỘNG
Cán bộ nhân viên	124	1.040	402	1.566
Cán bộ quản lý	48	343	103	494
Tổng	172	1.383	505	2.060



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BKS VÀ TGD

Thành viên HĐQT, BKS và Tổng Giám đốc được hưởng thù lao, lương, thưởng và các lợi ích khác theo kết quả thực hiện công việc và kết quả kinh doanh của Ngân hàng, đảm bảo việc sử dụng quỹ thù lao và ngân sách hoạt động đã được ĐHĐCĐ phê duyệt năm 2024, phù hợp Điều lệ NCB và các quy định nội bộ khác có liên quan.

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Xem Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024.



CHƯƠNG

02

VƯỜN MÌNH

Trên hành trình bay vạn dặm, niềm tin và ý chí chính là yếu tố không thể thiếu. Với khát vọng bứt phá giới hạn, chúng tôi đã lựa chọn mục tiêu thách thức – chạm đến những hành tinh mới của cơ hội và thành tựu. Mỗi dặm đường đi, dù còn nhiều khó khăn, đều không định sức mạnh của sự quyết tâm vượt qua mọi lực cản để hiện thực hóa tầm nhìn chiến lược.

MANH MẼ VƯỜN MÌNH



CHẠM HÀNH TINH MỚI



NHỮNG KIẾN TẠO TRONG NĂM 2024



“Năm 2024 ghi dấu bước chuyển mình toàn diện của NCB. Với tư duy đổi mới sáng tạo, tập trung hiệu quả và hành động tốc độ, NCB đã gặt hái những trái ngọt đầu tiên, hoàn thành vượt mức mọi chỉ tiêu kinh doanh đề ra”.

Ông Tạ Kiều Hưng – Tổng Giám đốc

NHỮNG CON SỐ NỔI BẬT

Tổng tài sản **118.559** tỷ đồng

Tổng dư nợ cho vay **71.175** tỷ đồng

Tăng trưởng khách hàng

34,6% ▲

CASA

9.340 tỷ đồng

ĐIỂM SÁNG HÀNH TRÌNH KẾT NỐI NCB 2024



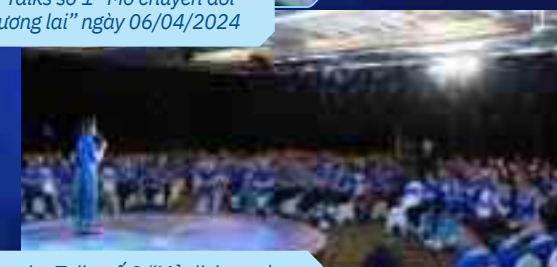
Triển khai chính sách nhân sự cạnh tranh hấp dẫn và Sáng kiến “Bản đồ nhân tài - Tinh hoa hội tụ”

Leader Talk – Diễn đàn chia sẻ và truyền cảm hứng

Diễn đàn “Leader Talk” là nơi lãnh đạo NCB chia sẻ tầm nhìn, chiến lược và truyền cảm hứng trên hành trình chuyển đổi, giúp toàn bộ phi hành đoàn hiểu rõ hành trình mà NCB đang đi. Mỗi CBNV NCB được truyền năng lượng tích cực về tư duy đổi mới sáng tạo, dám nghĩ dám làm, và sự dẫn thân cống hiến của mỗi con người NCB đang đóng góp cho hành trình đi tới chân trời mới.



Leader Talks số 1 “Mở chuyển đổi – Chọn tương lai” ngày 06/04/2024



Leader Talks số 2 “Mở dịch vụ vàng – Mở ngàn tin yêu” ngày 10/8/2024

Hội nghị Tổng kết kinh doanh 2024 và Triển khai nhiệm vụ kinh doanh 2025



Ngay từ những ngày đầu của hành trình 2024, con tàu vũ trụ NCB đã nạp đầy nhiên liệu đặc biệt – Quý thưởng, Cơ chế quản lý Quý thưởng và Lộ trình điều chỉnh lương bài bản – như một nguồn năng lượng bền bỉ để duy trì sức mạnh đội ngũ. Không chỉ giúp tăng cường động lực làm việc, nâng cao hiệu quả công việc, củng cố sự gắn kết trong toàn phi hành đoàn, chính sách này còn là bộ điều hướng thông minh, giúp tối ưu ngân sách, giữ chân những phi hành gia ưu tú, củng cố giá trị cốt lõi và văn hóa doanh nghiệp của NCB, đóng góp vào sự phát triển bền vững của ngân hàng. Mỗi cán bộ NCB đều được vinh danh xứng đáng với năng lực và đóng góp, tạo nên một không gian làm việc nơi mọi người có thể an tâm cống hiến và xây dựng sự nghiệp lâu dài.

Sáng kiến “Bản đồ nhân tài - Tinh hoa hội tụ” được triển khai thành công giúp định hướng phát triển nguồn nhân lực dài hạn. Bên cạnh đó, công tác tuyển dụng và vận hành nhân sự (điều phối, hỗ trợ trong trường hợp đặc biệt) được đảm bảo linh hoạt, thông suốt, hoàn thành trên 95% các mục tiêu tuyển dụng vị trí quản lý tại Hội sở và Kênh phân phối, phù hợp với thay đổi trong cơ cấu tổ chức và chiến lược kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Tình hình tài chính

Các chỉ số tài chính chủ yếu của NCB năm 2024

Năm 2024 đánh dấu một bước tiến quan trọng trong hành trình phát triển của Ngân hàng TMCP Quốc Dân (NCB). Mặc dù thị trường còn nhiều thách thức, song với chiến lược đúng đắn, sự chỉ đạo quyết liệt của HĐQT và nỗ lực không ngừng của tập thể CBNV, NCB đã đạt được những kết quả ấn tượng, vượt trội so với kế hoạch đề ra.

Vượt trội các chỉ tiêu, tăng trưởng ấn tượng

Năm 2024, NCB đã hoàn thành xuất sắc hầu hết các chỉ tiêu được Đại hội đồng cổ đông giao, với nhiều chỉ số tăng trưởng vượt bậc. Tổng tài sản đạt 118.559 tỷ đồng, đạt 112% kế hoạch, cho thấy quy mô và tiềm lực tài chính ngày càng lớn mạnh của ngân hàng. Tổng dư nợ cho vay đạt 71.175 tỷ đồng, đạt 111% so với kế hoạch, thể hiện sự tăng trưởng mạnh mẽ trong hoạt động tín dụng, đáp ứng nhu cầu vốn của nền kinh tế.

Tổng tài sản đạt

112% kế hoạch

Tổng dư nợ cho vay đạt

111% kế hoạch

Đặc biệt, chỉ tiêu huy động vốn từ dân cư đạt 100.489 tỷ đồng, đạt 117% kế hoạch, khẳng định niềm tin của khách hàng vào thương hiệu và chất lượng dịch vụ của NCB ngày càng được nâng cao. Tiền gửi không kỳ hạn (CASA) cũng tăng trưởng ấn tượng, đạt 9.340 tỷ đồng, vượt 54% kế hoạch, góp phần quan trọng vào việc cải thiện chi phí vốn cho ngân hàng.

Chỉ tiêu huy động vốn từ dân cư đạt

117% kế hoạch

Những con số tăng trưởng tích cực này là minh chứng rõ ràng nhất cho thấy chất lượng sản phẩm, dịch vụ của NCB ngày càng được nâng cao, đáp ứng đầy đủ nhu cầu ngày càng cao của khách hàng và được thị trường tin tưởng, đón nhận.

CASA vượt

54% kế hoạch

Mở rộng quy mô khách hàng, tăng cường ứng dụng công nghệ

Trong năm 2024, NCB tiếp tục mở rộng quy mô khách hàng, đạt 1,346 triệu khách hàng, tăng 34,6% so với cuối năm 2023, đạt 117% kế hoạch. Số lượng khách hàng sử dụng ứng dụng di động NCB iziMobile cũng tăng đáng kể, đạt hơn 636.500 khách hàng, đạt 107% kế hoạch, cho thấy tiến trình chuyển đổi số mạnh mẽ của ngân hàng đang mang đến những trải nghiệm tiện lợi và hiện đại cho khách hàng.

Nâng cao hiệu quả hoạt động, hướng đến phát triển bền vững

Năm 2024, NCB đã thực hiện đúng, đầy đủ các giải pháp theo lộ trình tại phương án cơ cấu lại được các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc trích lập dự phòng, thoái lui dự thu và chi phí vốn của các khoản tồn tại cũ theo lộ trình đã tác động đến lợi nhuận năm 2024. Tuy nhiên, hoạt động kinh doanh mới của NCB trong năm 2024 đạt được những kết quả rất đáng ghi nhận với tổng thu nhập hoạt động thuần (TOI) sau dự phòng rủi ro từ hoạt động kinh doanh mới (good bank) là 3.141 tỷ đồng và chỉ số chi phí trên doanh thu hoạt động kinh doanh mới đạt 44%, giảm 23% so với cùng kỳ, cải thiện đáng kể so với năm 2023.

Điều này cho thấy những nỗ lực của NCB trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động, kiểm soát chi phí và hướng đến sự phát triển bền vững.

Cam kết đồng hành cùng khách hàng, kiến tạo tương lai

Những kết quả đạt được trong năm 2024 là nền tảng vững chắc để NCB tiếp tục vươn tới những tầm cao mới trong năm 2025 và những năm tiếp theo. Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ nhân viên NCB cam kết sẽ tiếp tục nỗ lực không ngừng, đổi mới sáng tạo, nâng cao chất lượng dịch vụ, mang đến những giải pháp tài chính tối ưu cho khách hàng.

Các chỉ tiêu an toàn hoạt động

Mặc dù năm 2024 chứng kiến nhiều biến động và thách thức trên thị trường tài chính, NCB đã thể hiện khả năng ứng phó linh hoạt và hiệu quả, hoàn thành xuất sắc các mục tiêu quản trị rủi ro then chốt.

Tính đến ngày 31/12/2024, các chỉ số an toàn hoạt động của NCB đều duy trì đảm bảo tuân thủ so với quy định. Tỷ lệ dự trữ thanh khoản đạt 17,27%, cho thấy khả năng thanh toán chủ động ở mức cao của ngân hàng trong các tình huống bất ngờ. Tỷ lệ dư nợ cho vay trên tổng tiền gửi (LDR) là 64,51%, thể hiện sự ổn định, bền vững giữa hoạt động tín dụng và huy động vốn. Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn (TDH) là 11,54%, giúp NCB sẵn sàng đối phó với những rủi ro tiềm ẩn và biến động khó lường của thị trường.

Kết quả này không chỉ khẳng định năng lực quản trị điều hành hiệu quả của NCB, mà còn cho thấy tầm nhìn chiến lược của Ban lãnh đạo trong việc xây dựng một nền tảng tài chính vững mạnh, đảm bảo sự phát triển bền vững của ngân hàng trong bối cảnh kinh tế đầy thách thức.

Tỷ lệ dự trữ thanh khoản

17,27%

Tỷ lệ dư nợ cho vay trên tổng tiền gửi (LDR)

64,51%

Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn (TDH)

11,54%

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Tình hình hoạt động của Khối KHCN



“Chất lượng đội ngũ nhân sự cao và định hướng kinh doanh linh hoạt theo thị trường là yếu tố cốt lõi mang đến thành công cho năm 2024”.

Ông Nguyễn Đức Việt – Phó Giám đốc Khối KHCN

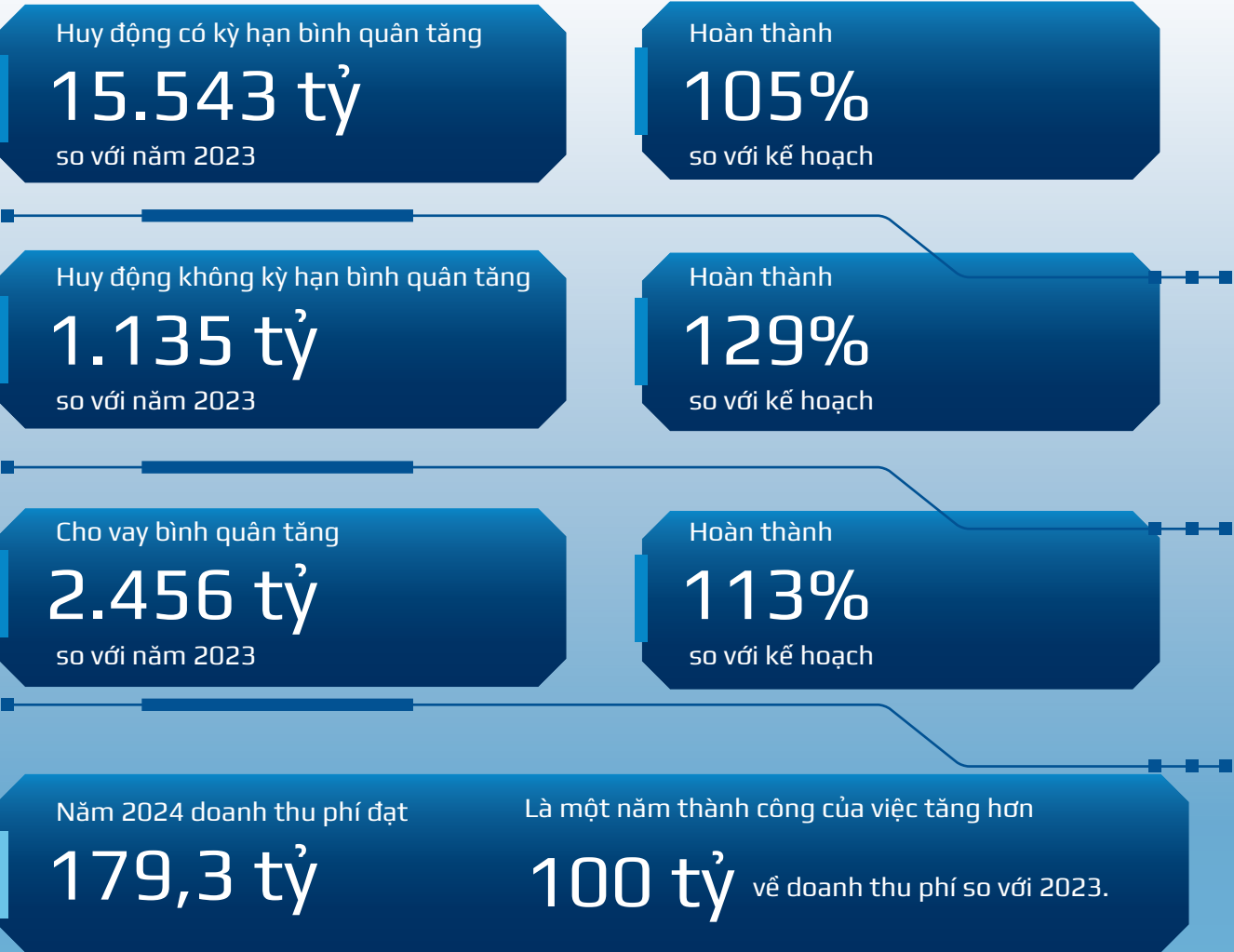
Tình hình hoạt động của Khối KHDN



“Tối ưu hoá nguồn lực, mở rộng tài trợ vốn cho đa dạng các tập đoàn - doanh nghiệp, thúc đẩy tăng trưởng bền vững là tiền đề phát triển phân khúc doanh nghiệp lớn.”

Ông Hoàng Mạnh Đạt - Phó Giám đốc Khối KHDN

Kết quả Kinh doanh đạt được trong năm 2024



Khách hàng lớn

Năm 2024, NCB tập trung khai thác phát triển quan hệ đối tác với 05 trong số top 10 nhà thầu xây dựng VNR 500 (Coteccon, Unicons,...), góp phần đưa tăng trưởng dư nợ nhóm khách hàng lớn đạt 300% so với năm 2023.

NCB đã cung cấp dịch vụ tài chính, đáp ứng nhu cầu vốn 20.000 tỷ đồng cho 30 dự án lớn, trong đó có nhiều dự án thuộc diện đầu tư công của Chính phủ nhằm phát triển các quy hoạch trọng điểm quốc gia tương lai.

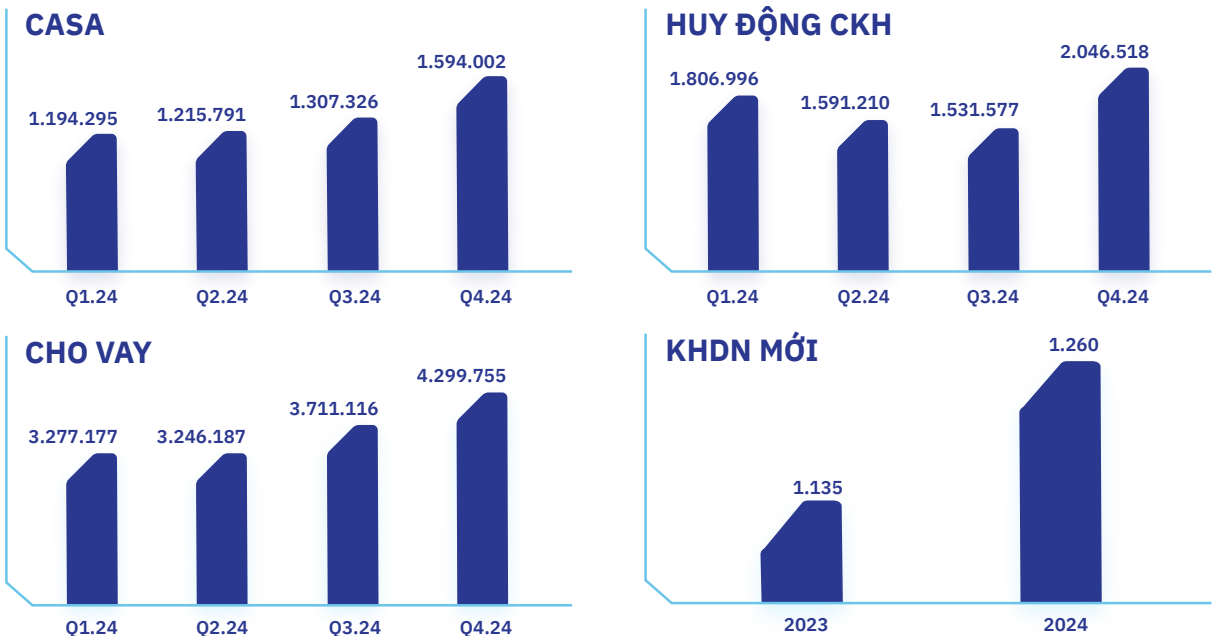
NCB cũng đã xây dựng quan hệ tín dụng với 30 Tổng thầu xây dựng có quy mô doanh nghiệp lớn trên toàn quốc, nhiều tập đoàn và các công ty thành viên nhà nước; đáp ứng nhu cầu vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh của nhóm khách hàng này.

Đồng thời, NCB mở rộng quan hệ hợp tác với 08 công ty chứng khoán, với các khoản vay có tổng quy mô lên đến 3.000 tỷ đồng để hỗ trợ đầu tư trái phiếu chính phủ.

SMEs

Kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: triệu đồng/khách hàng



Dịch vụ ngân hàng số

Năm 2024 NCB tập trung vào cải tiến mạnh mẽ giao diện và tính năng hệ thống nhằm mang lại trải nghiệm tối ưu cho khách hàng:

- Giao diện ứng dụng ngân hàng số cho Khách hàng Doanh nghiệp NCB iziMobiz được thiết kế theo phong cách, gam màu riêng, mang dấu ấn đẳng cấp dành riêng cho các chủ doanh nghiệp.
- Các tính năng mới thân thiện hỗ trợ người dùng: Biến động số dư được đồ thị hóa dễ theo dõi ngay tại màn hình trang chủ, Tính năng duyệt nhiều lệnh không giới hạn số lệnh/lần duyệt mang đến trải nghiệm mới, tối ưu thời gian xử lý giao dịch, Tính năng tạo và chia sẻ QR linh hoạt, giúp kết nối giao dịch nhanh chóng, chính xác trong mọi tình huống.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Tình hình hoạt động của Khối NV&TTTC

Hoạt động NV&TTTC đã thành công trong việc đảm bảo cân đối, thanh khoản cho toàn ngân hàng. Bên cạnh đó, với quan điểm chú trọng đầu tư an toàn và tối ưu bảng cân đối, hoạt động kinh doanh NV&TTTC tiếp tục đạt được kết quả kinh doanh tích cực.

NCB đạt được kết quả kinh doanh NV&TTTC tích cực với tổng thu nhập hoạt động thuần (TOI) hoàn thành 114% so với kế hoạch được giao. Trong đó, hoạt động kinh doanh nguồn vốn và hoạt động kinh doanh sản phẩm thị trường tài chính (FX Sales) là điểm sáng hoàn thành xuất sắc vượt mục tiêu đề ra. Với sự phối hợp nhịp nhàng của NV&TTTC và Kênh phân phối, doanh số mua bán ngoại tệ của NCB với khách hàng đã tăng trưởng mạnh mẽ, cung cấp đa dạng sản phẩm ngoại hối phục vụ thanh toán quốc tế, chuyển tiền định cư, du học, trợ cấp nhân thân... đáp ứng mọi nhu cầu khách hàng. Bên cạnh đó, các quan hệ Định chế Tài chính, quan hệ hạn mức liên tục được củng cố, mở rộng và đa dạng hóa, làm tiền đề tích cực cho hoạt động kinh doanh.

Tình hình hoạt động của Khối QLTD

Năm 2024 ghi nhận nhiều thay đổi tích cực trong hoạt động tín dụng của NCB. Mức tăng trưởng dư nợ cả năm đạt 111% kế hoạch là kết quả của sự thay đổi sâu sắc trong phương thức bán hàng của hệ thống kênh phân phối và những thay đổi đáng kể trong hoạt động thẩm định và phê duyệt tín dụng, tạo động lực cho hoạt động kinh doanh và mang tới sự hài lòng cho khách hàng.

Mức tăng trưởng dư nợ cả năm đạt **111%** kế hoạch

01

Thứ nhất, con tàu NCB đã tăng tốc đáng kể bằng việc rút ngắn thời gian ra quyết định phê duyệt, tăng tốc độ xử lý hồ sơ ở cả khâu thẩm định tài sản đảm bảo và thẩm định, phê duyệt tín dụng. Năm 2024, toàn bộ quy trình thẩm định và phê duyệt tín dụng đã được điều chỉnh riêng phù hợp cho từng phân khúc khách hàng, sản phẩm, bám sát thị trường, tinh giản quy trình, mẫu biểu hồ sơ cấp tín dụng. Điều này góp phần nâng cao tính hiệu quả trong công tác thẩm định, phê duyệt. Năm 2024, với tổng số hồ sơ tăng 34% so với năm 2023, tổng giá trị phê duyệt tín dụng tăng 66% nhưng thời gian thẩm định và phê duyệt bình quân/hồ sơ giảm 50% so với năm 2023.

Biểu đồ thời gian rút ngắn của TĐTS, TĐTD KHCN, TĐTD KHDN

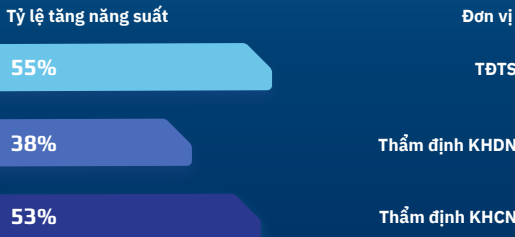


Biểu đồ tăng trưởng số lượng hồ sơ



Biểu đồ tăng năng suất của các hoạt động: TĐTS, TĐTD KHCN, TĐTD KHDN

Số liệu tăng năng suất



02

Thứ hai, Khối Quản lý tín dụng luôn chú trọng công tác nâng cao năng suất lao động thông qua việc đào tạo nhân sự, chuẩn hóa quy trình vận hành. Năm 2024 năng suất trung bình xử lý hồ sơ của tất cả các khâu đều tăng trung bình khoảng 50%, trong đó hoạt động thẩm định tài sản đảm bảo ghi nhận năng suất lao động tăng 55%, hoạt động thẩm định tín dụng khách hàng cá nhân tăng 53% và khách hàng doanh nghiệp tăng 38%.

03

Thứ ba, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động tín dụng đã góp phần nâng cao hiệu suất công tác thẩm định và phê duyệt. Hệ thống RLOS ứng dụng cho quy trình cấp tín dụng cho phân khúc KHCN golive vào tháng 10/2024 đã góp phần giảm 50% thời gian xử lý hồ sơ cho vay của KHCN đối với sản phẩm nhà dự án. Hệ thống cũng là một công cụ hỗ trợ rất tốt cho các cá nhân tham gia vào luồng cấp tín dụng khi tự động tính toán các tham số đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng và giá trị có thể cấp tín dụng dựa trên các đặc điểm và thông tin khách hàng cung cấp. Trong năm 2025, NCB tiếp tục phát triển hệ thống để áp dụng cho các sản phẩm còn lại thuộc phân khúc KHCN.



04

Thứ tư, chất lượng cấp tín dụng năm 2024 được kiểm soát tốt nhờ công tác định hướng hoạt động tín dụng tập trung vào các phân khúc khách hàng đem lại hiệu quả cao và an toàn cho hệ thống. Hoạt động thẩm định và phê duyệt tập trung được triển khai toàn hệ thống với tất cả các phân khúc. Công tác ra quyết định phê duyệt tín dụng tập trung tại Hội sở để giải phóng các đơn vị kinh doanh tập trung cho hoạt động tìm kiếm và tư vấn khách hàng. Chất lượng khách hàng đầu vào và theo đó chất lượng tín dụng được cải thiện rõ rệt, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động cho toàn hệ thống. Bên cạnh đó, NCB còn tăng cường công tác rà soát sau phê duyệt và cảnh báo chất lượng nợ của các khoản cấp tín dụng có tiềm ẩn rủi ro cao để có biện pháp ngăn chặn sớm và có các hành động thay đổi về chính sách kịp thời.

Hệ thống báo cáo chất lượng tín dụng và hệ thống cảnh báo sớm trên Power BI được xây dựng và gửi đến từng cán bộ tham gia vào hoạt động thẩm định và phê duyệt, biến mỗi cá nhân thành một phi hành gia chủ động kiểm soát danh mục riêng của mình và có thay đổi phù hợp.

Trên hành trình bút phá về phía trước, NCB thấu hiểu rằng, để con tàu vũ trụ NCB tăng tốc phát triển nhanh nhưng an toàn, thì hoạt động cấp tín dụng cho khách hàng luôn phải chú trọng vào chất lượng dịch vụ khách hàng nói chung và chất lượng ra quyết định tín dụng nói riêng, trong đó yếu tố bản lề là chất lượng nhân sự tham gia vào quy trình và sự hỗ trợ tuyệt đối của nền tảng công nghệ.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Tình hình hoạt động thu hồi xử lý tài sản tồn đọng

Trong năm 2024 nền kinh tế thế giới và trong nước tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức: Thị trường chứng khoán, trái phiếu, bất động sản phục hồi chậm, thị trường mua bán nợ chưa phát triển như kỳ vọng, thiên tai bão lũ gây thiệt hại nặng nề... khiến cho nợ xấu có xu hướng tăng. Trong khi đó Nghị quyết 42/2017/QH14 về việc thí điểm xử lý nợ xấu các TCTD hết hiệu lực, Luật Các TCTD 2024 không có quy định về quyền thu giữ tài sản bảo đảm dẫn đến công tác thu hồi, xử lý nợ xấu càng gặp nhiều khó khăn, vướng mắc.

Trong bối cảnh đó, để thu hồi, xử lý các khoản nợ xấu, NCB đã tích cực triển khai quyết liệt nhiều giải pháp như nhận diện, phân loại sớm khách hàng theo nhóm; triển khai chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ cho các khách hàng đang gặp khó khăn về tài chính; áp dụng linh hoạt các biện pháp xử lý nợ; đa dạng hóa kênh bán tài sản. Với các biện pháp linh hoạt, NCB đã đạt được những kết quả tích cực trong công tác xử lý nợ xấu. Kết quả năm 2024, NCB thu nợ 6.889 tỷ đồng đạt 130% kế hoạch.

NCB đã tích cực triển khai quyết liệt nhiều giải pháp như nhận diện, phân loại sớm khách hàng theo nhóm; triển khai chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ cho các khách hàng đang gặp khó khăn về tài chính; áp dụng linh hoạt các biện pháp xử lý nợ; đa dạng hóa kênh bán tài sản...

Thực hiện thu nợ được
6.889 tỷ



Hoạt động của công ty con/trực thuộc

Năm 2024, Công ty AMC đạt lợi nhuận trước thuế là 12 tỷ, tăng 2 tỷ so với 2023, hoàn thành 80% kế hoạch được giao. Kết quả trên là sự cố gắng, quyết tâm của toàn bộ CBNV trong công ty cũng như những chỉ đạo sát sao từ Ban lãnh đạo Ngân hàng NCB trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều khó khăn.

Thu hồi nợ là nhiệm vụ trọng tâm của AMC trong năm vừa qua. Kết thúc năm 2024, Công ty AMC thu được 3.052 tỷ vượt 102 % so với KH đã giao đầu năm và hoàn thành 87% kế hoạch điều chỉnh 6 tháng cuối năm. Để đạt kết quả trên, Công ty AMC đã tích cực triển khai nhiều giải pháp quyết liệt như: nhận diện danh mục nợ, phân loại nhóm khách hàng theo mức độ ưu tiên xử lý, sử dụng đa dạng các nghiệp vụ XLN như hoàn thiện pháp lý tài sản bảo đảm, bán đấu giá, khởi kiện, tố giác,...

Bên cạnh hoạt động thu nợ, AMC cũng đang dần phát triển đa dạng hóa các nghiệp vụ: kinh doanh, đầu tư xây dựng và quản lý khai thác tài sản nhằm tối đa nguồn thu cho Ngân hàng NCB.



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Tình hình Quản trị rủi ro

NCB thực hiện quản trị rủi ro trên nguyên tắc cân bằng tối ưu giữa kiểm soát rủi ro và hỗ trợ kinh doanh. Trong năm 2024, chính sách quản lý rủi ro và khẩu vị rủi ro được văn bản hóa, trở thành kim chỉ nam giúp NCB định hướng quỹ đạo, nhận diện và kiểm soát toàn diện các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hệ sinh thái ngân hàng. Đồng thời, hệ thống này được cập nhật định kỳ, đảm bảo con tàu luôn vững vàng trước mọi biến động của không gian tài chính rộng lớn.

Bên trong trung tâm chỉ huy, các cơ chế vận hành, các ngưỡng cảnh báo và giới hạn kiểm soát các rủi ro trọng yếu được thiết lập và giám sát liên tục. Những điều chỉnh này không chỉ giúp NCB duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định theo kế hoạch kinh doanh hàng năm, mà còn là bước chuẩn bị chiến lược để thực thi Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2023 – 2025, định hướng đến năm 2030.

Rủi ro tín dụng

Trong năm 2024, NCB đã thực hiện sửa đổi, bổ sung và vận dụng, triển khai các quy định nội bộ mới ban hành căn cứ Luật các tổ chức tín dụng 2024, Nghị định của Chính phủ, các Thông tư của Ngân hàng Nhà nước.

Trên cơ sở Chính sách quản lý rủi ro trung hạn 2023 – 2027 đã được phê duyệt và thông qua, trong năm 2024, NCB tiếp tục hoàn thiện và đã thực hiện rất nhiều dự án nhằm hoàn thiện hệ thống KSNB; Thực hiện nâng cấp hệ thống tính toán tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư 22/2023 (bổ sung, sửa đổi một số điều của Thông tư 41/2016/TT-NHNN); Thực hiện đánh giá nội bộ về mức đầy đủ vốn theo Thông tư 13/2018/TT-NHNN.

NCB tiếp tục triển khai các dự án xây dựng mô hình, công cụ đo lường rủi ro để kết nối giữa mục tiêu kinh doanh và mục tiêu quản trị, đảm bảo phục vụ khách hàng hiệu quả hơn trong quá trình cấp tín dụng. NCB triển khai thành công hệ thống kết nối host-to-host với CIC và PCB, nhằm tối ưu quá trình cung cấp và sử dụng dữ liệu thông tin tín dụng khách hàng trong quá trình ra quyết định cấp tín dụng. Đánh giá và đưa vào sử dụng kết quả xếp hạng tín dụng của CIC, PCB; song song với đó, ngân hàng tiếp tục triển khai dự án nhằm nâng cấp hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ. Đồng thời, NCB ứng dụng mạnh mẽ các công cụ nhằm số hóa các mô hình lượng hóa rủi ro, rút ngắn quá trình ra quyết định cấp tín dụng đối với phân khúc khách hàng cá nhân trên cơ sở chuẩn hóa bộ điều kiện cấp tín dụng cho phân khúc này.

Hệ thống báo cáo rủi ro tín dụng được thực hiện định kỳ trên phạm vi toàn hệ thống nhằm phân tích, đánh giá tổng thể các rủi ro tín dụng theo các giới hạn/hạn mức rủi ro tín dụng, quản lý danh mục tín dụng. Hệ thống báo cáo quản lý rủi ro tự động giúp Ban lãnh đạo có thông tin chính xác nhanh chóng, kịp thời. Từ đó, làm cơ sở điều chỉnh các chính sách, sản phẩm, nhằm điều hành hoạt động tín dụng kịp thời, hiệu quả.



Hệ thống báo cáo rủi ro tín dụng được thực hiện định kỳ trên phạm vi toàn hệ thống nhằm phân tích, đánh giá tổng thể các rủi ro tín dụng theo các giới hạn/hạn mức rủi ro tín dụng, quản lý danh mục tín dụng.

Rủi ro thanh khoản và thị trường

Rủi ro thị trường thanh khoản là một trong những rủi ro trọng yếu của Ngân hàng, không chỉ xuất phát từ nội tại, mà rủi ro xuất phát từ các ảnh hưởng bất lợi từ thị trường. Trong năm 2024, NCB tiếp tục nâng cao công tác giám sát, dự phóng và cảnh báo sớm đối với rủi ro thanh khoản, thị trường, cụ thể như sau:

- Theo dõi, cập nhật và thường xuyên đánh giá tất cả các sự kiện xảy ra trong và ngoài Ngân hàng có thể gây ra các ảnh hưởng xấu tới NCB;
- Duy trì tài sản có tính thanh khoản cao nhằm đáp ứng nhu cầu thanh khoản trong điều kiện hoạt động bình thường và khi có diễn biến bất lợi;
- Thiết lập các hạn mức cảnh báo sớm đối với các chỉ số thanh khoản, như: tỷ lệ dự trữ thanh khoản, GAP thanh khoản 30 ngày, tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn, tỷ lệ cho vay trên huy động... từ đó chủ động trong công tác quản trị rủi ro thanh khoản;
- Thiết lập các hạn mức theo dõi thị trường 2025 trên cơ sở bám sát kế hoạch kinh doanh của danh mục trading trên thị trường II (PV01, cut loss, hạn mức rủi ro tập trung đối tác, loại tiền...).
- Dự kiến trong năm 2025, NCB sẽ đưa vào sử dụng hệ thống Treasury (phiên bản cập nhật nhất của Kondor), theo đó nâng cao năng lực quản lý rủi ro thị trường;
- Công tác Quản trị rủi ro thị trường thanh khoản được giám sát và quản lý liên tục, thường xuyên từ Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ và Có (ALCO), theo đó Hội đồng ALCO đề xuất các chính sách để kiểm soát rủi ro thanh khoản, đề xuất các biện pháp phù hợp để vừa đảm bảo thực hiện kế hoạch kinh doanh vừa giữ vững an toàn thanh khoản.



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Tình hình Quản trị rủi ro (tiếp theo)

Rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động là rủi ro do các quy trình nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính đối với Ngân hàng (bao gồm cả rủi ro pháp lý), không bao gồm rủi ro chiến lược và rủi ro danh tiếng. Các hoạt động NCB đã triển khai trong năm 2024 để quản lý rủi ro hoạt động:

- Triển khai hoàn thiện các quy định, quy trình về quản trị rủi ro hoạt động (QTRRHĐ) theo yêu cầu hoàn thiện hệ thống KSNB theo tư vấn của KPMG và phù hợp với Chính sách QLRR trung hạn 2024-2027 (ban hành năm 2023) như: Ban hành mới quy định về đo lường RRHĐ (LCD, KRI, RCSA); Quy định về duy trì hoạt động liên tục; quy định quản lý RRHĐ đối với hoạt động thuê ngoài; Quy định QLRR CNTT...
- Các khối nghiệp vụ tại trụ sở chính NCB và 02 đơn vị kinh doanh đã triển khai thực hiện nhận diện rủi ro và đánh giá các biện pháp kiểm soát rủi ro (RCSA), đây là một kênh thông tin quan trọng giúp Ngân hàng chủ động trong việc nhận dạng, đo lường và theo dõi thường xuyên kịp thời, phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro, gia tăng sức chịu đựng của Ngân hàng trước những biến động trên thị trường.



- Khối Quản trị rủi ro thường xuyên thu thập, phân tích các sự kiện rủi ro (LDC) phát sinh trong và ngoài Ngân hàng để có các cảnh báo và phối hợp với các đơn vị có liên quan để đề xuất các biện pháp kiểm soát/xử lý rủi ro thích hợp.
- Năm 2024, NCB đã nghiên cứu và triển khai thử nghiệm áp dụng phương pháp Bản đồ nhiệt rủi ro (Heatmap) trong việc đo lường và đánh giá rủi ro toàn ngân hàng. Phương pháp này giúp trực quan hóa dữ liệu rủi ro, hỗ trợ Ban lãnh đạo dễ dàng nắm bắt vấn đề và ra quyết định dựa trên Bản đồ nhiệt về rủi ro, đồng thời giúp theo dõi xu hướng của rủi ro qua các kỳ báo cáo.
- Thiết lập văn hóa quản trị rủi ro trên toàn hệ thống, mỗi cán bộ nhân viên đã nhận thức được các rủi ro phải đối mặt và cách thức tự đánh giá kiểm soát rủi ro trong hoạt động tác nghiệp hàng ngày. Định kỳ hàng tháng, các bản tin cảnh báo về rủi ro hoạt động đều được tuyên truyền, phổ biến trên toàn hệ thống làm bài học kinh nghiệm, từng bước xây dựng văn hóa quản trị rủi ro, văn hóa tuân thủ.
- Triển khai dự án Phòng chống gian lận, làm cơ sở tăng cường giám sát và cảnh báo từ Hội sở đối với các rủi ro gian lận phát sinh trong hoạt động ngân hàng.

Năm 2024, NCB đã nghiên cứu và triển khai thử nghiệm áp dụng phương pháp Bản đồ nhiệt rủi ro (Heatmap) trong việc đo lường và đánh giá rủi ro toàn ngân hàng.

HOẠT ĐỘNG NHÂN SỰ



“Bộ máy hoạt động tinh gọn và hiệu quả, môi trường làm việc chuyên nghiệp cùng với chính sách nhân sự hấp dẫn, minh bạch đã làm nên thành công cho 2024”.

Bà Võ Thị Thùy Dương –
Phó TGD kiêm Giám đốc Khối QTNNL

Năm 2024 ghi dấu những hoạt động quan trọng trong việc xây dựng đội ngũ tinh nhuệ cho con tàu NCB với hàng loạt giải thưởng, chính sách điều chỉnh lương và các chương trình phúc lợi mới.

NCB tiếp tục thực hiện điều chỉnh cơ cấu tổ chức của các đơn vị chuyên môn, tinh gọn đội ngũ kinh doanh nhằm đảm bảo hiệu quả và tối ưu nguồn lực. Đồng thời, các chính sách quản trị, vận hành cũng được xây dựng phù hợp với định hướng mới và mục tiêu đề ra. NCB tập trung xây dựng chiến lược phát triển nhân sự dài hạn và toàn diện; tối ưu bộ máy tổ chức, hoàn thiện khung năng lực chuyên môn và xây dựng kế hoạch đào tạo nhằm phát triển chuyên môn nghiệp vụ; chuyển đổi số trong công tác quản trị nhân sự; rà soát, nâng cao chính sách phúc lợi; phát triển văn hóa doanh nghiệp, xây dựng thương hiệu tuyển dụng trên thị trường.

Môi trường làm việc luôn hướng đến sự chuyên nghiệp: Chính sách lương thưởng rõ ràng minh bạch, hấp dẫn trên thị trường (đối với đội ngũ bán hàng cơ chế thưởng kinh doanh linh hoạt, đối với đội ngũ hỗ trợ cơ chế điều chỉnh hàng năm cạnh tranh với thị trường); Lộ trình công danh cho đội ngũ kinh doanh rõ ràng và linh hoạt; có sự ghi nhận tương xứng đối với đội ngũ.

Bên cạnh đó, NCB không ngừng kiện toàn đội ngũ điều hành, nâng cao chất lượng nhân sự, thể hiện nỗ lực và quyết tâm của ngân hàng trong việc tăng cường nguồn lực đáp ứng nhu cầu phát triển nhanh, mạnh trong giai đoạn mới. Đặc biệt, đội ngũ lãnh đạo cấp cao của NCB với sự góp mặt của nhiều nhân sự có Tâm – Tầm – Tài hứa hẹn giúp con tàu NCB có những bước chuyển mình mạnh mẽ bay vào kỷ nguyên mới.

Tính đến cuối năm 2024, NCB là một trong những ngân hàng sở hữu đội ngũ nhân sự, đặc biệt là nhân sự cao cấp giàu kinh nghiệm, năng lực chuyên môn và năng lực quản lý trên thị trường tài chính - ngân hàng. Việc bổ sung nhân sự cao cấp có kiến thức sâu rộng và giàu kinh nghiệm, nhiệt huyết trong lĩnh vực tài chính ngân hàng tiếp tục thể hiện sự quyết tâm và bài bản của NCB trong công cuộc tái cơ cấu toàn diện và triển khai chiến lược phát triển mới các năm tiếp theo.

NCB không ngừng kiện toàn đội ngũ điều hành, nâng cao chất lượng nhân sự, thể hiện nỗ lực và quyết tâm của ngân hàng trong việc tăng cường nguồn lực đáp ứng nhu cầu phát triển nhanh, mạnh trong giai đoạn mới.

Trong bối cảnh ngân hàng đang chuyển đổi mạnh mẽ, công tác đào tạo cũng không ngừng thay đổi, cải tiến. Các chương trình đào tạo được thiết kế chuyên sâu hơn, tập trung trang bị kiến thức và kỹ năng thực tiễn, đồng thời khuyến khích CBNV có tư duy đổi mới và khả năng thích ứng nhanh với sự thay đổi của thị trường.

Năm 2024, NCB đã triển khai 108 chuyên đề với 368 lớp học, tăng 114 lớp so với năm 2023. Tổng số giờ đào tạo đạt 1.318,5 giờ, tăng 193,5 giờ so với năm trước. Chất lượng giảng dạy tiếp tục được cải thiện với điểm đánh giá giảng viên trung bình đạt 4,77/5 điểm, tăng 0,17 điểm so với năm 2023.

Ngoài các chương trình đào tạo nghiệp vụ thường niên, năm 2024 ghi nhận sự đổi mới với các chương trình đào tạo được thiết kế cho nhiều đối tượng hơn. Tiêu biểu là Tọa đàm pháp lý có sự tham gia của Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và Ban Điều hành mở rộng, hội thảo chuyên sâu về kiểm toán dành cho Ban Kiểm soát và Trung tâm Kiểm toán nội bộ... Lực lượng bán được tập trung đào tạo và kiểm tra kiến thức sản phẩm, quy trình nghiệp vụ, cùng các kỹ năng giao tiếp với khách hàng, kỹ năng bán hàng và chăm sóc khách hàng. Đối với đội ngũ nhân sự tại Hội sở, NCB thường xuyên tổ chức các khóa học về tư duy chuyển đổi số, nâng cao kiến thức công nghệ thông tin và kỹ năng mềm.

Với triết lý Đào tạo và phát triển năng lực là một phúc lợi dành cho CBNV, NCB không ngừng tạo điều kiện để mỗi cá nhân phát triển và tiến bộ trong sự nghiệp. Nhờ những nỗ lực này, NCB đã được vinh danh là “Nơi làm việc tốt nhất châu Á” trong hai năm liên tiếp, khẳng định vị thế là môi trường làm việc chuyên nghiệp và năng động.

Năm 2024, NCB đã triển khai

108 chuyên đề

368 lớp học

tăng 193,5 giờ đào tạo so với năm trước.



ĐẦU TƯ CHO CÔNG NGHỆ VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ



“Số hóa tại NCB bao gồm chuyển đổi dữ liệu, quy trình và sản phẩm dịch vụ lên nền tảng số, cốt lõi là lấy con người làm trọng tâm, do con người làm chủ”.

Ông Nguyễn Vĩnh - Giám đốc Khối Công nghệ

Con tàu NCB bay tới trạm 2024 với động cơ công nghệ được nâng cấp toàn diện, sẵn sàng chinh phục những quỹ đạo mới. Kế thừa những thành tựu đã đạt được trong năm 2023, NCB tiếp tục đầu tư mạnh mẽ cho công nghệ và chuyển đổi số, triển khai đồng loạt 33 dự án công nghệ và 08 dự án chuyển đổi số trọng điểm – những “mảnh ghép” không thể thiếu giúp con tàu vận hành hiệu quả trong môi trường số hóa năng động và cạnh tranh:



Nâng cấp hạ tầng công nghệ

Năm 2024, bên cạnh việc tiếp tục chuẩn hoá, tối ưu hoá việc sử dụng hạ tầng Điện toán đám mây, NCB đã tiến hành đầu tư mới và triển khai nâng cấp 03 dự án hạ tầng trọng yếu bao gồm: Triển khai hệ thống Backup dữ liệu tập trung đáp ứng quy chuẩn về sao lưu, phục hồi dữ liệu cho các hệ thống CNTT; Triển khai nâng cấp hạ tầng ảo hóa VxRail về tài nguyên bộ nhớ trong (Memory) và tài nguyên lưu trữ (Storage) cho hệ thống hiện hữu và các hệ thống triển khai mới; Triển khai thay thế hệ thống ACI mới - quy hoạch lại toàn bộ kiến trúc mạng lõi, trang bị và nâng cấp hệ thống tường lửa (Firewall) phân vùng core tại Trung tâm dữ liệu.

Tính tới thời điểm hiện tại, với việc hoàn thành triển khai các dự án hạ tầng quan trọng này, NCB đã được tăng cường năng lực bảo vệ toàn vẹn cho các dữ liệu quan trọng của ngân hàng trước các nguy cơ sự cố, và tuân thủ đầy đủ các quy định về cơ chế lưu trữ, bảo vệ dữ liệu của NHNN. Năng lực nền tảng hạ tầng của NCB mới trang bị/nâng cấp giúp đáp ứng được nhu cầu tăng trưởng của kinh doanh trong thời gian tới; đảm bảo khả năng mở rộng cho cả các hệ thống phần mềm ứng dụng cũng như các dự án bảo mật và hạ tầng trong tương lai.

Triển khai API Hub

Với mục tiêu xây dựng nền tảng cung cấp các kết nối, chuẩn tích hợp cho nội bộ và đối tác, bao gồm: (i) - Tạo ra môi trường mở, tương tác linh hoạt, kết nối nhanh chóng; (ii)- Quy hoạch các APIs để dễ quản lý, tái sử dụng và có tính mở rộng; (iii) - Xây dựng cổng thông tin API (API Portal); NCB tạo ra môi trường mở, tương tác linh hoạt giúp dễ dàng, nhanh chóng kết nối các ứng dụng nội bộ cũng như với đối tác, đáp ứng mục tiêu chuyển đổi số, mở rộng tiện ích với hệ sinh thái tạo ra cơ hội kinh doanh mới.

Nhóm dự án nâng cao năng lực đảm bảo an ninh, an toàn hệ thống thông tin

NCB đã mạnh mẽ đầu tư vào các dự án công nghệ hiện đại nhằm đối phó với những rủi ro an ninh mạng ngày càng phức tạp. Các dự án này không chỉ tăng cường khả năng bảo vệ hệ thống mà còn mang lại sự an tâm cho người dùng khi sử dụng các dịch vụ tài chính của ngân hàng. NCB hiện tại đã có những giải pháp bảo mật tiên tiến hàng đầu thị trường, tự tin ngăn chặn các tấn công của hacker, bảo vệ hoạt động của dịch vụ, tài sản của Ngân hàng và Khách hàng. Trong đó nổi bật có thể kể đến một số hệ thống/giải pháp được đầu tư triển khai trong năm 2024 như:

01

- **Hệ thống XDR (Extended Detection and Response):** là hệ thống bảo mật tiên tiến hàng đầu, cung cấp khả năng giám sát và phản ứng toàn diện trên toàn hệ thống, giúp NCB phát hiện và phản ứng nhanh chóng với các mối đe dọa về an ninh thông tin.

02

- **Hệ thống BShield bảo vệ ứng dụng mobile banking:** không chỉ tập trung bảo vệ các dịch vụ ngân hàng mà còn chú trọng bảo vệ khách hàng ngay trên chiếc điện thoại của họ. Với BShield, khách hàng của NCB iziMobile sẽ yên tâm giao dịch tài chính trong một môi trường an toàn, nơi mọi hành vi cố ý can thiệp vào ứng dụng hoặc điện thoại nhằm lừa đảo đều bị phát hiện và ngăn chặn.

03

- **Hệ thống kết nối VNeID và xác thực CCCD với BCA:** NCB tự hào là ngân hàng đầu tiên trong việc kết nối hai chiều thành công với hệ thống VnEID của Bộ Công an, mang đến cho khách hàng dịch vụ xác thực an toàn, nhanh chóng và tiện lợi bậc nhất hiện nay. Đồng thời, NCB đảm bảo dữ liệu người dùng luôn chính xác và bảo mật khi sử dụng các kênh giao dịch điện tử.

Cùng với hàng loạt hệ thống, giải pháp, quy trình và đội ngũ nhân sự, NCB áp dụng chiến lược bảo mật chuyên sâu, đa tầng, kết hợp hài hòa giữa chính sách, con người và công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả bảo vệ, rút ngắn thời gian phát hiện cũng như phản ứng trước các cuộc tấn công, qua đó bảo vệ an toàn thông tin cho ngân hàng một cách toàn diện.

ĐẦU TƯ CHO CÔNG NGHỆ VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

(TIẾP THEO)

Bên cạnh các hệ thống nền tảng công nghệ, năm 2024, NCB đã triển khai nhiều hệ thống ứng dụng công nghệ nhằm hướng tới số hóa các quy trình nội bộ và số hóa các dịch vụ cung cấp cho khách hàng:

Hệ thống định giá và Quản lý Tài sản đảm bảo

Hệ thống Định giá tài sản và Quản lý tài sản đảm bảo triển khai thành công năm 2024 giúp NCB vận hành E2E quy trình thẩm định và quản lý tài sản bảo đảm. Thông tin tài sản và tiến độ xử lý hồ sơ được cập nhật nhanh chóng, lưu trữ tập trung, hồ sơ được luân chuyển tự động giữa các bước trong quy trình giúp rút ngắn thời gian xử lý, nâng cao năng suất lao động và hạn chế rủi ro sai sót trong các khâu tác nghiệp.

01

Triển khai hệ thống quản lý giao dịch kinh doanh tiền tệ và thị trường (Treasury)

Triển khai đồng bộ hệ thống front-to-back cho các giao dịch nguồn vốn giúp NCB quản lý rủi ro tài chính, rủi ro thị trường theo thời gian thực, đồng thời giúp ngân hàng đưa ra các quyết định tài chính nhanh chóng và hiệu quả dựa trên năng lực xử lý của hệ thống về tốc độ, tính chính xác. Ngoài ra, hệ thống Treasury được kỳ vọng sẽ giúp NCB giảm thiểu rủi ro vận hành, tối ưu chi phí và cải thiện báo cáo, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, nâng cao hiệu quả hoạt động và uy tín NCB trên thị trường tài chính.

02

Hệ thống văn phòng điện tử E-Office

NCB đã số hóa thành công hoạt động văn phòng điện tử trong năm 2024, hoạt động trình ký văn bản, quản lý văn bản, lịch làm việc,... được quản lý tập trung trên nền tảng số đã giúp NCB tối ưu chi phí và thời gian xử lý công việc. Đồng thời góp phần chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ, thúc đẩy bộ máy vận hành, tạo nên môi trường làm việc thân thiện, hiện đại.

03

Triển khai nền tảng công nghệ hóa quy trình ra quyết định dựa trên dữ liệu và tự động hóa quy trình kinh doanh (Decision Engine)

Đưa nền tảng này vào sử dụng sẽ giúp NCB có thể linh hoạt, nhanh chóng triển khai và phát triển các quy trình kinh doanh, giúp tăng cường số hóa trong hoạt động ngân hàng. Ngoài ra, hệ thống còn giúp đưa ra quyết định nhanh chóng, chính xác, giảm thời gian xử lý giao dịch, giảm sai sót và chi phí vận hành cho ngân hàng, tăng năng suất và hiệu suất trong hoạt động. Đồng thời, cùng với việc ứng dụng AI/ML, DE sẽ giúp NCB cải thiện độ chính xác của các quyết định, đồng thời nâng cao tính cá nhân hóa trong trải nghiệm của khách hàng đáp ứng nhanh biến động thị trường.

04

Triển khai mới hệ thống khởi tạo và quản lý khoản vay RLOS

Trong lộ trình chuyển đổi số của NCB, RLOS là công cụ quan trọng giúp nâng cao hiệu quả hoạt động và mở rộng khả năng cung cấp dịch vụ tài chính của ngân hàng cho khách hàng trong bối cảnh cách mạng số ngày càng phát triển. Năm 2024, hệ thống RLOS của NCB được triển khai hoàn toàn mới theo hướng các tham số được cấu hình 100%, các mẫu biểu được triển khai tự động đến 90%, dữ liệu được kết nối liền mạch tự động hoàn toàn với các hệ thống bên trong và bên ngoài, giúp giảm thiểu thời gian xử lý giao dịch liên quan tới tín dụng cho khách hàng.

05



ĐẦU TƯ CHO CÔNG NGHỆ VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

(TIẾP THEO)

Triển khai hệ thống phòng chống rửa tiền AML

Hệ thống AML được triển khai giúp ngân hàng ngăn chặn giao dịch rửa tiền và tài trợ khủng bố, bảo vệ hệ thống tài chính khỏi tội phạm. Bên cạnh đó, AML còn hỗ trợ phát hiện giao dịch đáng ngờ, giảm thiểu rủi ro tài chính và pháp lý. Thông qua giải pháp được tự động hóa, AML giúp ngân hàng tăng hiệu quả vận hành, tiết kiệm chi phí giám sát, đồng thời cũng giúp ngân hàng nâng cao uy tín, tạo niềm tin với khách hàng và đối tác. AML còn tăng cường an ninh tài chính, hạn chế nguy cơ gian lận và lừa đảo. Hệ thống đồng thời hỗ trợ phân tích dữ liệu, giúp ngân hàng ra quyết định chính xác, an toàn và hiệu quả hơn. Thông qua AML, NCB sẽ kiểm soát tốt hơn các hoạt động rủi ro cao, điều này góp phần xây dựng một môi trường tài chính minh bạch và bền vững tại NCB.

06



Hệ thống nền tảng AI/ML (AI/ML Platform)

AI/ML Platform tại NCB được triển khai nhằm hiện thực hóa chiến lược chuyển đổi số giai đoạn 2024-2028, thúc đẩy năng lực cạnh tranh thông qua ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và học máy (ML). Dự án tập trung xây dựng nền tảng dữ liệu tập trung (Feature Store) và triển khai các mô hình AI/ML giúp tối ưu hóa vận hành, quản lý rủi ro, và nâng cao trải nghiệm khách hàng. Đặc biệt, nền tảng này là duy nhất trên thị trường cung cấp giải pháp quản lý toàn bộ vòng đời mô hình, từ phát triển feature, tự động hóa phát triển mô hình, tài liệu hóa, triển khai tập trung cho đến quản lý rủi ro và kiểm kê mô hình. Nhờ đó, thời gian đưa mô hình ra thị trường được rút ngắn từ 4-6 tháng xuống còn 1-2 tháng, giúp tiết kiệm chi phí và giảm thiểu rủi ro vận hành. Hơn nữa, nền tảng cho phép hiệu chỉnh mô hình liên tục để tối đa hóa giá trị tạo ra từ mô hình. Các ứng dụng trọng tâm bao gồm phê duyệt tín dụng, quản lý rủi ro tín dụng, phát hiện gian lận, giữ chân khách hàng, và bán chéo sản phẩm. Nền tảng sử dụng giải pháp công nghệ hiện đại theo hướng low-code/no-code, cho phép rút ngắn đáng kể thời gian triển khai mô hình và nâng cao hiệu suất vận hành. Dự án được triển khai với sự hợp tác từ Cyborg Intell, nhà cung cấp có uy tín với kinh nghiệm triển khai rộng rãi tại nhiều tổ chức tài chính hàng đầu quốc tế.

07

Triển khai hệ thống nền tảng dữ liệu Data Platform

Hệ thống Data Platform của NCB, được xây dựng trên nền tảng của Google, kế thừa trọn vẹn sức mạnh công nghệ từ hệ sinh thái của Google, bao gồm BigQuery, AI/ML Engine và Dataflow. Nền tảng này cho phép ngân hàng xử lý lượng dữ liệu khổng lồ theo thời gian thực, đồng thời tích hợp các công nghệ tiên tiến như AI và Machine Learning để phân tích sâu, dự đoán xu hướng và tối ưu hóa chiến lược kinh doanh. Với khả năng khai thác dữ liệu mạnh mẽ, NCB có thể khai thác tối đa giá trị từ dữ liệu khách hàng, cá nhân hóa dịch vụ và hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu một cách hiệu quả tối ưu. Đây không chỉ là bước chuyển đổi số mà còn là nền tảng vững chắc giúp ngân hàng dẫn đầu trong cuộc đua công nghệ tài chính.

08

Hệ thống Data Platform của NCB, được xây dựng trên nền tảng của Google, kế thừa trọn vẹn sức mạnh công nghệ từ hệ sinh thái của Google, bao gồm BigQuery, AI/ML Engine và Dataflow. Nền tảng này cho phép ngân hàng xử lý lượng dữ liệu khổng lồ theo thời gian thực.

HOẠT ĐỘNG TRUYỀN THÔNG MARKETING

NÂNG CAO HÌNH ẢNH THƯƠNG HIỆU VÀ HỖ TRỢ KINH DOANH

Hoạt động Marketing Thương hiệu

Năm 2024 được mở đầu với chiến dịch MV Tết “Mơ là phải Mơ”, như một tín hiệu phóng đi giữa không gian bao la tới khách hàng và cộng đồng, truyền đi thông điệp mạnh mẽ về khát vọng hiện thực hóa ước mơ. Sóng truyền thông từ MV lan tỏa thu hút tới 11 triệu lượt xem trên các nền tảng YouTube, Facebook, TikTok, xuất hiện trong hơn 120 bài báo và tự hào ghi danh vào Top 5 TVC Tết ngành Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm.

Tiếp tục hành trình lan tỏa nhận diện, thương hiệu NCB hiện diện đầy ấn tượng tới hàng triệu khách du lịch thông qua khoảng 100.000 ấn phẩm quảng cáo, phủ sóng rộng khắp hệ thống của đối tác chiến lược, các công viên giải trí thuộc hệ thống Sun World, các dự án bất động sản cao cấp và đặc biệt là Lễ hội Pháo hoa Quốc tế Đà Nẵng 2024.



MV Tết “Mơ là phải Mơ”

MV lan tỏa thu hút tới **11 triệu lượt** xem trên các nền tảng YouTube, Facebook, TikTok, xuất hiện trong **hơn 120 bài báo** và tự hào ghi danh vào **Top 5 TVC Tết 2024**.



Hoạt động Marketing sản phẩm

Hoạt động quảng bá, truyền thông sản phẩm của NCB có nhiều dấu ấn mạnh mẽ trong năm 2024 với sự ra mắt của nhiều dịch vụ, sản phẩm mới cùng nhiều chương trình khuyến mại lớn:

Mảng sản phẩm KHCB

- Tháng 1/2024, NCB triển khai chương trình khuyến mại lớn dịp Tết 2024 “Mở Xuân Cát Tường – Song hành tài lộc” với game Gắp Rồng Vàng may mắn đầu xuân Mậu Thìn được đông đảo khách hàng đón nhận và yêu thích với giải thưởng cao nhất lên tới 26 chỉ vàng cùng nhiều phần quà trúng ngay.
- Tháng 2/2024, NCB tiếp tục nâng cấp hệ thống với loạt tính năng mới trên ứng dụng NCB iziMobile: chia sẻ biến động số dư trên ứng dụng Ngân hàng NCB, liên kết ví MoMo, thanh toán hóa đơn tự động, tính năng đặt tên tài khoản theo nickname,... Với tính năng chia sẻ biến động số dư, NCB kết hợp ra mắt nhận diện bộ QR 12 con giáp độc đáo được thiết kế theo năm tuổi dành riêng cho các tiểu thương, biến mỗi tài khoản thành một dấu ấn cá nhân hóa độc đáo.
- Tháng 9/2024, con tàu NCB đánh dấu cột mốc 29 năm tuổi với sự kiện đặc biệt “Khát vọng chuyển đổi – Kết nối tin yêu”. Chương trình tri ân khách hàng, lan tỏa năng lượng tích cực với hàng loạt khuyến mại hấp dẫn, những món quà công nghệ giá trị và hàng ngàn giải thưởng thú vị.
- Cũng trong tháng 9/2024, NCB là một trong những ngân hàng tiên phong ra mắt tính năng định danh và xác thực tài khoản qua VNeID trên NCB iziMobile, mang tới trải nghiệm ngân hàng thuận tiện, an toàn vượt trội cho cộng đồng.
- Trong năm 2024, sản phẩm thẻ ghi nhận nhiều dấu ấn tích cực: mạng lưới hệ sinh thái đối tác ngày càng mở rộng, thẻ NCB Visa mang lại nhiều ưu đãi hấp dẫn như giảm lên tới 35% khi sử dụng XanhSM, mua 2 vé CGV chỉ với 100k, giảm 20% tại toàn bộ hệ thống nhà hàng thuộc Golden Gate, ưu đãi tại Shopee, FPT Shop,... cùng hàng loạt ưu đãi khác lên tới 30% tại các khách sạn, khu nghỉ dưỡng thuộc hệ thống Sun Hospitality Group.
- Mảng tín dụng: Nhiều gói vay siêu ưu đãi được tung ra phù hợp nhu cầu thị trường, trong đó kể đến sản phẩm vay tái tài trợ, vay mua nhà, vay kinh doanh, đáp ứng nhu cầu của khách hàng với các chính sách sản phẩm ngày một linh hoạt, thủ tục đơn giản.



HOẠT ĐỘNG TRUYỀN THÔNG MARKETING

NÂNG CAO HÌNH ẢNH THƯƠNG HIỆU VÀ HỖ TRỢ KINH DOANH

Mảng sản phẩm KHDN

- Đầu năm 2024, NCB triển khai chiến dịch tái kích hoạt khách hàng ngủ đông bằng các ưu đãi thiết thực dành cho KHDN: tặng thêm 0,5% khi gửi tiền online, tặng coupon sử dụng dịch vụ lên đến 5 triệu đồng, hoàn tiền khi sử dụng dịch vụ thanh toán hóa đơn trên IB, MB. Chiến dịch đã tiếp cận 1994 data tiềm năng, ghi nhận kết quả đáng khích lệ khi có 5% khách hàng quay trở lại sử dụng dịch vụ NCB – là 1 tỷ lệ trung bình khá so với thị trường.
- Trên hành trình chuyển đổi số, NCB iziBankbiz – nền tảng ngân hàng số dành cho KHDN tiếp tục được quảng bá mạnh mẽ, tạo dấu ấn lớn khi được vinh danh Top 10 Sản phẩm – Dịch vụ Tin dùng Việt Nam 2024 trong nhóm Ngân hàng, Bảo hiểm, Chứng khoán.
- Nhiều chương trình ưu đãi như dịch vụ chuyển tiền quốc tế, ưu đãi về phí, thanh toán hóa đơn,... được triển khai xuyên suốt nhiều dịp trong năm, đồng hành cùng KHDN chinh phục các mục tiêu kinh doanh.
- Các gói tài trợ Doanh nghiệp sản xuất, Doanh nghiệp có nguồn vốn từ Ngân sách Nhà nước được tăng cường truyền thông, lan tỏa trên nhiều tuyến báo, góp phần củng cố hình ảnh NCB là ngân hàng đồng hành tin cậy của doanh nghiệp.

Tạo dấu ấn lớn khi được vinh danh Top 10 Sản phẩm Dịch vụ Tin dùng Việt Nam 2024 trong nhóm Ngân hàng, Bảo hiểm, Chứng khoán.

Tặng thêm

0,5%

khi gửi tiền online,

Tặng coupon sử dụng dịch vụ lên đến

5 triệu đồng

Trong năm 2024, Khối Marketing – Truyền thông phối hợp nhịp nhàng cùng các Khối Kinh doanh và đối tác chiến lược, triển khai các chiến dịch thương hiệu và hơn 80 chương trình, chiến dịch truyền thông. Mỗi chương trình là một bước đẩy lực đẩy mới, gia tăng sự gắn kết và tin yêu của khách hàng dành cho các sản phẩm, dịch vụ của NCB, tiếp thêm năng lượng cho con tàu NCB tiến xa, vững vàng trên quỹ đạo chinh phục những tầm cao mới.

Hoạt động Truyền thông

Bằng việc phản ánh một cách chân thực, thời sự theo từng nhịp chuyển mình của thương hiệu NCB và hơi thở kinh doanh của hệ thống, trong năm 2024, công tác truyền thông đã góp phần mang đến cái nhìn toàn diện về một “NCB mới” đang đổi thay tích cực và được yêu mến hơn mỗi ngày. Qua đó, đưa NCB đến gần hơn với cộng đồng, khách hàng, nhà đầu tư. Đồng thời, cung cấp các thông tin đầy đủ, hữu ích về NCB tới khách hàng, các cơ quan quản lý, cổ đông, nhà đầu tư. Hoạt động truyền thông liên tục với chất lượng ngày càng được nâng cấp không chỉ góp phần xây dựng nên chân dung NCB với các giải pháp tài chính hiện đại, chuyên nghiệp, đa dạng bắt kịp và dẫn đầu xu hướng, mà còn song hành với công tác kinh doanh để đưa các sản phẩm, dịch vụ ưu việt của NCB tới tay người dùng, hiện thực hóa cam kết trở thành người bạn đồng hành tin cậy mọi lúc, mọi nơi của người Việt.



“Thành công của hoạt động Marketing – Truyền thông năm 2024 của NCB đến từ việc vận hành hiệu quả chiến lược “đứng trên vai người khổng lồ” khi nhận được sự ủng hộ, đồng hành của đối tác chiến lược”.

Bà Nguyễn Thùy Linh – Giám đốc Khối Marketing – Truyền thông

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ KIỂM TOÁN, GIẢI TRÌNH CỦA BĐH

Năm tài chính kết thúc ngày 31
tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân (dưới đây gọi tắt là Ngân hàng) trình bày bản báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

1. Thông tin chung về Ngân hàng

Thành lập

Trước đây Ngân hàng có tên gọi là Ngân hàng TMCP Nông thôn Sông Kiên được thành lập theo giấy phép số 00057/NH-GP ngày 18 tháng 9 năm 1995 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và giấy phép thành lập số 1217/GP-UB ngày 17 tháng 10 năm 1995 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp.

Vào ngày 06 tháng 5 năm 2014, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân được đổi tên từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Việt.

Ngày 10 tháng 3 năm 2023, Ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam giấy phép số 12/GP-NHNN thay thế cho giấy phép số 00057/NH-GP ngày 18 tháng 9 năm 1995 và được sửa đổi Điều 2 về Vốn điều lệ theo Quyết định số 2722/QĐ-NHNN ngày 20 tháng 12 năm 2024.

Ngân hàng hoạt động kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1700169765 (đăng ký lần đầu theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 050046 ngày 02 tháng 11 năm 1995) và đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 02 tháng 8 năm 2023.

Ngân hàng nắm quyền kiểm soát toàn bộ công ty Con là Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng Quốc Dân, được thành lập theo Quyết định số 2406/QĐ-NHNN ngày 19/12/2006 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Công ty Con này hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0304767745 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp (đăng ký lần đầu ngày 28/12/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, và đăng ký thay đổi lần 14 ngày 19/02/2024) với mức vốn điều lệ là 200.000.000.000 đồng, hoạt động chủ yếu là tiếp nhận, quản lý các khoản nợ tồn đọng của ngân hàng TMCP Quốc Dân và tài sản đảm bảo nợ vay liên quan đến các khoản nợ để xử lý, thu hồi vốn nhanh nhất.

Thời gian hoạt động của Ngân hàng là 50 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tiên.

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn điều lệ của Ngân hàng là: 11.779.848 triệu đồng.

Hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm:

Huy động vốn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của mọi tổ chức thuộc các thành phần kinh tế và dân cư dưới hình thức tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn;

Cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân tùy theo tính chất và khả năng nguồn vốn;

Chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và giấy tờ có giá;

Góp vốn liên doanh và mua cổ phần theo pháp luật hiện hành;

Cung cấp dịch vụ thanh toán giữa các khách hàng;

Thực hiện kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc và thanh toán quốc tế, huy động các loại vốn từ nước ngoài và các dịch vụ ngân hàng khác trong quan hệ với nước ngoài khi được Ngân hàng Nhà Nước cho phép.

Mã chứng khoán niêm yết: NVB

Trụ sở chính của Ngân hàng: số 25 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội.

Cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ngân hàng có 01 Hội sở chính, 22 chi nhánh, 42 phòng giao dịch. Các chi nhánh được mở trên địa bàn miền Bắc, miền Trung và miền Nam. Ngân hàng có 01 công ty Con.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ KIỂM TOÁN, GIẢI TRÌNH CỦA BĐH

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO) *Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024*

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm của Ngân hàng được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

3. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất gồm có:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	CHỨC VỤ	NGÀY BỔ NHIỆM
Bà Bùi Thị Thanh Hương	Chủ tịch	29/07/2021
Bà Hoàng Thu Trang	Phó Chủ tịch	18/11/2023
Ông Dương Thế Bằng	Thành viên	18/11/2023
Bà Nguyễn Thị Hải Hòa	Thành viên	18/11/2023
Bà Trịnh Thanh Mai	Thành viên độc lập	18/06/2022
BAN KIỂM SOÁT	CHỨC VỤ	NGÀY BỔ NHIỆM
Bà Đỗ Thị Đức Minh	Trưởng ban	08/04/2023
Bà Vũ Kim Phượng	Thành viên	24/04/2015
Ông Nguyễn Văn Quang	Thành viên	08/04/2023
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG	CHỨC VỤ	NGÀY BỔ NHIỆM
Ông Tạ Kiều Hưng	Tổng Giám đốc	27/06/2023
Ông Nguyễn Viết Hợi	Phó Tổng Giám đốc phụ trách khu vực Miền Nam	22/07/2024
Bà Phạm Thị Hiền	Phó Tổng Giám đốc	14/11/2022
Bà Võ Thị Thùy Dương	Phó Tổng Giám đốc	19/02/2024
Bà Bùi Thị Khánh Vân	Kế toán trưởng	02/12/2022

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng là Bà Bùi Thị Thanh Hương - Chủ tịch HĐQT. Theo giấy ủy quyền số 55/2023/QĐUQ-CTHĐQT ngày 21 tháng 4 năm 2023, Bà Bùi Thị Thanh Hương đã ủy quyền cho Ông Tạ Kiều Hưng - Tổng Giám đốc ký báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC được chỉ định là kiểm toán viên năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Ngân hàng và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng Việt Nam, các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2025



Tạ Kiều Hưng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ KIỂM TOÁN, GIẢI TRÌNH CỦA BDH

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: A06.24.204-HN/MOORE
AISC-DN1

KÍNH GỬI: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC DÂN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân (“Ngân hàng”), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2025, từ trang 75 đến trang 139, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Ngân hàng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán của Ngân hàng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến kiểm toán nêu trên, chúng tôi lưu ý người đọc đến các chính sách đặc biệt mà Ngân hàng đang áp dụng trong thời gian thực hiện cơ cấu lại như sau:

- Thuyết minh mục IV.10 về chính sách kế toán đối với cho vay khách hàng, hoạt động mua bán nợ; thuyết minh mục IV.11 phân loại nợ, trích lập dự phòng và xử lý rủi ro tín dụng, theo đó việc thu hồi các khoản nợ xấu, trích lập dự phòng rủi ro tín dụng thực hiện theo năng lực tài chính của Ngân hàng theo lộ trình đã được xây dựng đến năm 2030 tại phương án cơ cấu lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt vào ngày 07 tháng 02 năm 2024.
- Thuyết minh mục IV.10 về chính sách kế toán đối với cho vay khách hàng, hoạt động mua bán nợ; việc bán nợ cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của Tổ chức tín dụng Việt Nam (“VAMC”), các công ty mua bán nợ và các tổ chức khác sẽ được thực hiện theo lộ trình đã xây dựng trong phương án cơ cấu lại của Ngân hàng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Theo đó, căn cứ theo Nghị Quyết số 42/2017/QH14 có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2017 về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng và các văn bản pháp luật sửa đổi, bổ sung và thay thế, việc ghi nhận các khoản chênh lệch giữa giá bán nợ với giá gốc, thoái lãi dự thu của các khoản nợ xấu trước ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ được phân bổ dần vào kết quả kinh doanh với mức tối thiểu bằng với chênh lệch thu chi từ kết quả kinh doanh từng năm và theo lộ trình trong phương án cơ cấu lại đã được phê duyệt. Đối với lãi dự thu phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2016 của các khoản nợ xấu, Ngân hàng đã thực hiện thoái toàn bộ trong năm 2024 theo phương án cơ cấu lại đã được phê duyệt.
- Thuyết minh mục IV.12.5 đối với trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành, khoản dự phòng đang được trích lập theo năng lực tài chính của Ngân hàng theo Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030 của Ngân hàng.
- Thuyết minh V.7 - Góp vốn, đầu tư dài hạn, Ngân hàng có kế hoạch thoái vốn và thực hiện trích lập dự phòng theo phương án cơ cấu lại đã được cơ quan thẩm quyền phê duyệt. Trong năm 2024, Ngân hàng đã thực hiện trích lập dự phòng các khoản đầu tư này theo lộ trình của phương án cơ cấu lại.
- Các khoản phải thu từ hoạt động bán nợ (thuyết minh V.5 và V.10.2), Ngân hàng đã thực hiện việc nhận thêm tài sản đảm bảo từ bên thứ ba nhằm đảm bảo cho việc tuân thủ trích lập dự phòng liên quan đến hoạt động này. Trong phương án cơ cấu lại của Ngân hàng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt vào ngày 07 tháng 02 năm 2024, các khoản này sẽ thực hiện thu hồi theo lộ trình và xử lý dần theo năng lực tài chính của Ngân hàng. Các khoản này đã được báo cáo định kỳ đến các cơ quan có thẩm quyền.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ KIỂM TOÁN, GIẢI TRÌNH CỦA BĐH

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Số: A06.24.204-HN/MOORE
AISC-DN1

Vấn đề cần nhấn mạnh (tiếp theo)

- Khoản dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn trình bày tại thuyết minh V.6.2 đang được trích lập theo năng lực tài chính tối thiểu hàng năm theo lộ trình đã xây dựng tại phương án cơ cấu lại gần giai đoạn 2023-2025 và định hướng đến năm 2030 đã được phê duyệt.

- Khoản phải thu, lãi và phí phải thu thuộc tài sản có khác trình bày tại thuyết minh V.10, Ngân hàng đã có báo cáo gửi cơ quan có thẩm quyền và xây dựng lộ trình thoái thu trong phương án cơ cấu lại gần với xử lý nợ xấu giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030 được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Trong năm 2024, Ngân hàng đã thực hiện thoái lãi dự thu đối với các khoản nợ xấu, trích lập dự phòng suy giảm đối với các tài sản gần nợ chờ xử lý theo lộ trình của phương án cơ cấu lại.

Sau khi nhận được ý kiến phản hồi của cơ quan có thẩm quyền ngày 07/02/2024 về Phương án cơ cấu lại gần với xử lý nợ xấu giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030, Ngân hàng rà soát các nội dung, thực hiện phê duyệt và triển khai phương án cơ cấu lại này theo Nghị quyết số 1429/2024/NQ-HĐQT, 1430/2024/NQ-HĐQT ngày 28/06/2024 theo thẩm quyền và báo cáo cơ quan có thẩm quyền. Nội dung cơ bản của phương án cơ cấu lại của Ngân hàng và việc thực hiện các nội dung theo phương án cơ cấu lại trong năm 2024 được trình bày tại mục VIII.35 Thông tin khác và thông tin về hoạt động liên tục - Thuyết minh các báo cáo tài chính hợp nhất.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2025
Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC



Phạm Văn Vinh

Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0112-2023-005-1

Nguyễn Văn Tuyên

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0111-2023-005-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12
năm 2024

Mẫu số: B02/TCTD-HN

Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	31/12/2024	31/12/2023
A. TÀI SẢN			
I. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	V.01	296.645	248.513
II. Tiền gửi tại Ngân hàng nhà nước	V.02	3.507.305	2.287.057
III. Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	V.03	15.073.929	8.460.903
1. Tiền gửi tại các TCTD khác		15.073.929	8.460.903
2. Cho vay các TCTD khác		-	-
3. Dự phòng rủi ro		-	-
IV. Chứng khoán kinh doanh		-	-
V. Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		-	-
VI. Cho vay khách hàng		69.978.404	54.266.164
1. Cho vay khách hàng	V.04	71.174.720	55.344.259
2. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	V.05	(1.196.316)	(1.078.095)
VII. Hoạt động mua nợ		-	-
VIII. Chứng khoán đầu tư	V.06	18.718.304	13.111.761
1. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		4.550.275	7.736.856
2. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		14.325.518	5.652.828
3. Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(157.489)	(277.923)
IX. Góp vốn, đầu tư dài hạn	V.07	371.244	654.682
1. Đầu tư vào công ty con		-	-
2. Vốn góp liên doanh		-	-
3. Đầu tư vào công ty liên kết		-	-
4. Đầu tư dài hạn khác		719.600	719.600
5. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(348.356)	(64.918)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ KIỂM TOÁN, GIẢI TRÌNH CỦA BDH

Tại ngày 31 tháng 12
năm 2024
Mẫu số: B02/TCTD-HN
Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	31/12/2024	31/12/2023
X. Tài sản cố định		922.110	785.746
1. Tài sản cố định hữu hình	V.08	208.567	171.708
a. Nguyên giá tài sản cố định		397.059	363.648
b. Hao mòn tài sản cố định		(188.492)	(191.940)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	V.09	713.543	614.038
a. Nguyên giá tài sản cố định		849.448	735.147
b. Hao mòn tài sản cố định		(135.905)	(121.109)
XI. Bất động sản đầu tư		-	-
XII. Tài sản có khác	V.10	9.630.775	16.434.673
1. Các khoản phải thu		8.192.892	10.601.989
2. Các khoản lãi, phí phải thu		499.530	3.569.597
3. Tài sản thuế TNDN hoãn lại		-	-
4. Tài sản Có khác		2.617.793	2.482.357
- Trong đó: Lợi thế thương mại		-	-
5. Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bằng khác		(1.679.440)	(219.270)
TỔNG TÀI SẢN		118.498.716	96.249.499

CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	31/12/2024	31/12/2023
B. NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
I. Các khoản nợ chính phủ và Ngân hàng Nhà nước		-	-
II. Tiền gửi và vay các TCTD khác	V.11	10.036.450	9.030.301
1. Tiền gửi của các TCTD khác		10.036.450	9.030.301
2. Vay các TCTD khác		-	-
III. Tiền gửi của khách hàng	V.12	96.117.186	76.850.214
IV. Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		86.313	26.407
V. Vốn tài trợ, Ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	V.13	11.150	16.658
VI. Phát hành giấy tờ có giá	V.14	4.304.643	3.166.906
VII. Các khoản nợ khác	V.15	1.850.128	2.064.341
1. Các khoản lãi, phí phải trả		1.186.011	1.806.629
2. Thuế TNDN hoãn lại phải trả		-	-
3. Các khoản phải trả và công nợ khác		664.117	257.712
4. Dự phòng rủi ro khác (DP cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bằng)		-	-
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		112.405.870	91.154.827
VIII. Vốn và các quỹ	V.16	6.092.846	5.094.672
1. Vốn của TCTD		11.749.988	5.571.911
a. Vốn điều lệ		11.779.848	5.601.555
b. Vốn đầu tư XDCB		-	-
c. Thặng dư vốn cổ phần		(216)	-
d. Cổ phiếu quỹ		(29.644)	(29.644)
2. Quỹ của TCTD		106.551	157.516
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
5. Lợi nhuận chưa phân phối/ Lỗ lũy kế		(5.763.693)	(634.755)
Lợi nhuận / (lỗ) năm nay		(5.128.938)	(669.556)
Lợi nhuận / (lỗ) năm trước		(634.755)	34.801
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		118.498.716	96.249.499

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ KIỂM TOÁN, GIẢI TRÌNH CỦA BDH

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

Tại ngày 31 tháng 12
năm 2024
Mẫu số: B02/TCTD-HN
Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	31/12/2024	31/12/2023
1. Bảo lãnh vay vốn	VIII.29	28.644	28.644
2. Cam kết giao dịch hối đoái	VIII.29	13.317.723	4.438.665
2.1 Cam kết mua ngoại tệ		1.397.853	-
2.2 Cam kết bán ngoại tệ		889.543	72.765
2.3 Cam kết giao dịch hoán đổi		11.030.327	4.365.900
2.4 Cam kết giao dịch tương lai		-	-
3. Cam kết cho vay không hủy ngang		-	-
4. Cam kết trong nghiệp vụ L/C	VIII.29	204.014	417.270
5. Bảo lãnh khác	VIII.29	5.435.180	2.871.193
6. Các cam kết khác	VIII.29	8.838.410	4.442.664
7. Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được		20.410.771	10.090.644
8. Nợ khó đòi đã xử lý		1.601.096	978.304
9. Tài sản và chứng từ khác		55.128.422	23.992.325

TP. Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2025

Đỗ Quỳnh Trang
Người lập bảng

Bùi Thị Khánh Vân
Kế toán trưởng

Tạ Kiều Hưng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31
tháng 12 năm 2024
Mẫu số: B03/TCTD - HN

CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	NĂM 2024	NĂM 2023
1. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	VI.17	2.928.691	6.433.619
2. Chi phí lãi và các chi phí tương tự	VI.18	4.710.884	5.976.390
I. Thu nhập lãi thuần		(1.782.193)	457.229
3. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		165.438	102.350
4. Chi phí hoạt động dịch vụ		90.470	68.832
II. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	VI.19	74.968	33.518
III. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	VI.20	125.512	202.454
IV. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh		-	-
V. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	VI.21	131.422	160.484
5. Thu nhập từ hoạt động khác		67.669	82.286
6. Chi phí hoạt động khác		89.876	216.819
VI. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác	VI.22	(22.207)	(134.533)
VII. Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần		-	-
VIII. Chi phí hoạt động	VI.23	3.392.048	1.238.721
IX. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		(4.864.546)	(519.569)
X. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		263.544	146.950
XI. Tổng lợi nhuận trước thuế		(5.128.090)	(666.519)
7. Chi phí thuế TNDN hiện hành		848	3.037
8. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
XII. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp	VI.24	848	3.037
XIII. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp		(5.128.938)	(669.556)
XIV. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		-	-
XV. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ/1 cổ phiếu)	V.16.2	(8.394)	(1.202)

TP. Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2025

Đỗ Quỳnh Trang
Người lập bảng

Bùi Thị Khánh Vân
Kế toán trưởng

Tạ Kiều Hưng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ KIỂM TOÁN, GIẢI TRÌNH CỦA BĐH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31
tháng 12 năm 2024

Mẫu số: B04/TCTD-HN

Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	NĂM 2024	NĂM 2023
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	6.003.959	4.379.491
02. Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự đã trả	(5.327.730)	(5.803.178)
03. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	71.825	33.728
04. Chênh lệch số tiền thực thu/ thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)	335.270	362.938
05. Thu nhập khác	(28.812)	(24.558)
06. Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn rủi ro	1.531	239
07. Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(1.209.704)	(880.281)
08. Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	(175)	(3.907)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động	(153.836)	(1.935.528)
Những thay đổi về tài sản hoạt động		
09. (Tăng)/Giảm các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác	-	-
10. (Tăng)/Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán	(5.486.109)	(1.505.558)
11. (Tăng)/Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	223.373
12. (Tăng)/Giảm các khoản cho vay khách hàng	(15.830.461)	(7.621.986)
13. (Tăng)/Giảm nguồn dự phòng để xử lý rủi ro, xử lý bù đắp tổn thất các khoản	(275.190)	(192.553)
14. (Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động	1.816.935	(445.347)

CHỈ TIÊU	NĂM 2024	NĂM 2023
Những thay đổi về công nợ hoạt động		
15. Tăng/(Giảm) các khoản nợ chính phủ và NHNN	-	-
16. Tăng/(Giảm) các khoản tiền gửi và vay các TCTD	1.006.149	513.057
17. Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng	19.266.972	5.499.885
18. Tăng/(Giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ GTCG được tính vào hoạt động tài chính)	763.602	1.170.151
19. Tăng/(Giảm) vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	(5.508)	(5.582)
20. Tăng/(Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	59.906	26.407
21. Tăng/(Giảm) khác về công nợ hoạt động	403.432	(406.392)
22. Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng	(50.965)	-
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	1.514.927	(4.680.073)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
01. Mua sắm TSCĐ	(184.977)	(105.463)
02. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1.602	1.370
03. Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	(2.358)	(11.775)
04. Mua sắm bất động sản đầu tư	-	-
05. Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư	-	-
06. Tiền chi ra do bán, thanh lý bất động sản đầu tư	-	-
07. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	-	-
08. Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	-	-
09. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	-	-
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	(185.733)	(115.868)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ KIỂM TOÁN, GIẢI TRÌNH CỦA BĐH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31
tháng 12 năm 2024

Mẫu số: B04/TCTD-HN

Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	NĂM 2024	NĂM 2023
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
01. Tăng vốn cổ phần từ góp vốn và/ hoặc phát hành cổ phiếu		6.178.077	-
02. Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		374.135	-
03. Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	-
04. Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia		-	-
05. Tiền chi ra mua cổ phiếu quỹ		-	-
06. Tiền thu được do bán cổ phiếu quỹ		-	-
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		6.552.212	-
IV. Lưu chuyển tiền thuần trong năm		7.881.406	(4.795.941)
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		10.996.473	15.792.414
VI. Điều chỉnh của ảnh hưởng thay đổi tỷ giá		-	-
VII. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	VII.25	18.877.879	10.996.473

TP. Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2025

Đỗ Quỳnh Trang
Người lập bảng

Bùi Thị Khánh Vân
Kế toán trưởng

Tạ Kiều Hưng
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31
tháng 12 năm 2024

Mẫu số: B05/TCTD-HN

Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

I. Đặc điểm hoạt động của tổ chức tín dụng

1. Giấy phép thành lập và hoạt động, thời hạn có giá trị

Trước đây Ngân hàng có tên gọi là Ngân hàng TMCP Nông thôn Sông Kiên được thành lập theo giấy phép số 00057/NH-GP ngày 18 tháng 9 năm 1995 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và giấy phép thành lập số 1217/GP-UB ngày 17 tháng 10 năm 1995 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp.

Vào ngày 06 tháng 5 năm 2014, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân được đổi tên từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Việt.

Ngày 10 tháng 3 năm 2023, Ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam giấy phép số 12/GP-NHNN thay thế cho giấy phép số 00057/NH-GP ngày 18 tháng 9 năm 1995 và được sửa đổi Điều 2 về Vốn điều lệ theo Quyết định số 2722/QĐ-NHNN ngày 20 tháng 12 năm 2024.

Ngân hàng hoạt động kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1700169765 (đăng ký lần đầu theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 050046 ngày 02 tháng 11 năm 1995) và đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 02 tháng 8 năm 2023.

Thời gian hoạt động của Ngân hàng là 50 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tiên.

2. Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần

3. Hoạt động chính của Ngân hàng

- Huy động vốn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của mọi tổ chức thuộc các thành phần kinh tế và dân cư dưới hình thức tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn;
- Cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân tùy theo tính chất và khả năng nguồn vốn;
- Chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và giấy tờ có giá;
- Góp vốn liên doanh và mua cổ phần theo pháp luật hiện hành;
- Cung cấp dịch vụ thanh toán giữa các khách hàng;
- Thực hiện kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc và thanh toán quốc tế, huy động các loại vốn từ nước ngoài và các dịch vụ ngân hàng khác trong quan hệ với nước ngoài khi được Ngân hàng Nhà Nước cho phép.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Mẫu số: B05/TCTD-HN
Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

I. Đặc điểm hoạt động của tổ chức tín dụng (tiếp theo)

4. Trụ sở chính

Trụ sở chính của Ngân hàng	Số 25 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội.
Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn điều lệ của Ngân hàng là	11.779.848 triệu đồng.
Cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất	Ngân hàng có 01 Hội sở chính, 22 chi nhánh, 42 phòng giao dịch. Các chi nhánh được mở trên địa bàn miền Bắc, miền Trung và miền Nam.

5. Công ty con được hợp nhất

Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng Quốc Dân được thành lập theo Quyết định số 2406/QĐ-NHNN ngày 19/12/2006 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0304767745 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp (đăng ký lần đầu ngày 28/12/2006, đăng ký thay đổi lần 14 ngày 19/02/2024) vốn điều lệ là 200.000.000.000 đồng với tỷ lệ góp vốn của Ngân hàng là 100%.

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty con là tiếp nhận, quản lý các khoản tồn đọng của ngân hàng TMCP Quốc Dân và tài sản đảm bảo nợ vay liên quan đến các khoản nợ xử lý, thu hồi vốn nhanh nhất.

6. Tổng số cán bộ, công nhân viên tại ngày 31/12/2024: 2.085 người.
(Tổng số nhân viên tại ngày 31/12/2023: 1.973 người).

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- Kỳ kế toán năm:** Bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:** Việt Nam đồng.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng tại ngân hàng

Báo cáo về tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) và các quy định hiện hành

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng kèm theo được lập theo quy ước giá gốc và phù hợp các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho các ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác hoạt động tại nước Việt Nam. Do đó, các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận chung ở các nước ngoài phạm vi Việt Nam. Các nguyên tắc và thực hành kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với thông lệ tại các nước khác.

Chế độ và hình thức kế toán áp dụng

Ngân hàng áp dụng chế độ kế toán Ngân hàng Việt Nam ban hành theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29/4/2004, chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng theo quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN, ngày 18/4/2007, thông tư 10/2014/TT-NHNN ngày 20/03/2014, thông tư 49/2014/TT-NHNN ngày 31/12/2014, thông tư 22/2017/TT-NHNN ngày 29/12/2017 và thông tư 27/2021/TT-NHNN ngày 31/12/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các chuẩn mực kế toán có liên quan.

Các cơ sở đánh giá và các ước tính kế toán áp dụng

Việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Lãnh đạo phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này được dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể có thay đổi dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31
tháng 12 năm 2024
Mẫu số: B05/TCTD-HN
Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

IV. Chính sách kế toán áp dụng tại Ngân hàng

1. Chính sách kế toán đối với các khoản mục theo Phương án cơ cấu lại giai đoạn 2023-2025 và định hướng đến năm 2030

Triển khai “Đề án cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025” được ban hành theo Quyết định số 689/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ, căn cứ các nội dung phê duyệt và ý kiến của NHNN tại Công văn 62/NHNN-TTGSNH ngày 07 tháng 02 năm 2024 (“Công văn 62”), Ngân hàng đã hoàn thành xây dựng, phê duyệt Phương án cơ cấu lại giai đoạn 2023-2025 và định hướng đến năm 2030 (“PACCL”) theo Nghị quyết số 1429/2024/NQ-HĐQT ngày 28 tháng 6 năm 2024, theo quy định của pháp luật, và trình báo cáo NHNN.

Tại Phương án cơ cấu lại giai đoạn 2023-2025 và định hướng đến năm 2030, Ngân hàng đã trình bày đầy đủ, toàn diện thực trạng hoạt động của Ngân hàng trên các khía cạnh: hệ thống kiểm soát nội bộ, nền tảng công nghệ thông tin, chất lượng tài sản, thực trạng tài chính, nhận diện các khoản nợ có vấn đề cần có lộ trình và cơ chế xử lý phù hợp; trên cơ sở đó xác định mục tiêu, giải pháp tổng thể, toàn diện, bao gồm:

- Nhóm giải pháp tài chính: tăng vốn điều lệ; xử lý, thu hồi nợ xấu và tài sản tồn đọng;
- Giải pháp trích lập dự phòng rủi ro bổ sung và thoái lui dự thu;
- Nhóm các giải pháp phát triển hoạt động kinh doanh an toàn, nhằm khắc phục triệt để các vấn đề tồn tại và nâng cao hiệu quả hoạt động của Ngân hàng, đảm bảo Ngân hàng phát triển lành mạnh, an toàn và bền vững.

Nội dung của Phương án cơ cấu lại giai đoạn 2023-2025 và định hướng đến năm 2030 được phê duyệt và thể hiện theo Nghị quyết số 1429/2024/NQ-HĐQT là cơ sở ghi nhận, đánh giá và trình bày các khoản mục có liên quan trong báo cáo tài chính hợp nhất này và được trình bày cụ thể tại mục VIII.35 Thông tin khác và thông tin về hoạt động liên tục.

2. Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Ngân hàng áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này được áp dụng nhất quán với các chính sách đã sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm 2023, trừ các thay đổi sau:

Luật các Tổ chức tín dụng (Luật số 32/2024/QH15) ngày 18 tháng 01 năm 2024 và Thông tư số 21/2024/TT-NHNN ngày 28 tháng 6 năm 2024 (“Thông tư 21”)

Theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và Thông tư 21 có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024, nghiệp vụ thư tín dụng được xác định là một hình thức cấp tín dụng thông qua nghiệp vụ phát hành, xác nhận, thương lượng thanh toán và hoàn trả thư tín dụng. Theo quy định chuyển tiếp của Luật các Tổ chức tín dụng và Thông tư 21: “Các hợp đồng, thỏa thuận, cam kết, giao dịch khác liên quan đến nghiệp vụ thư tín dụng được ký kết, thỏa thuận trước ngày Thông tư 21 có hiệu lực thì hành, ngân hàng và khách hàng được tiếp tục thực hiện, theo dõi cho đến hết thời hạn hiệu lực và nghĩa vụ của các bên liên quan đã hoàn thành. Việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn hợp đồng, thỏa thuận, cam kết, giao dịch khác chỉ được thực hiện nếu nội dung sửa đổi, bổ sung, gia hạn phù hợp với quy định của Thông tư 21”. Ngân hàng đã thực hiện ghi nhận kế toán phù hợp với điều khoản chuyển tiếp này.

Thông tư số 06/2024/TT-NHNN ngày 18 tháng 6 năm 2024 (“Thông tư 06”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2023/TT-NHNN ngày 23 tháng 4 năm 2023 (“Thông tư 02”)

Ngày 18 tháng 6 năm 2024, NHNN ban hành Thông tư 06 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02 về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn. Thông tư 06 có hiệu lực thi hành từ ngày 18 tháng 6 năm 2024. Các thay đổi của Thông tư 06 liên quan đến chính sách kế toán như sau:

- Gia hạn thời gian phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc/hoặc lãi của khoản nợ được cơ cấu đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024;
- Gia hạn thời gian tổ chức tín dụng thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho khách hàng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Thông tư số 31/2024/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2024 (“Thông tư 31”) thay thế Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30 tháng 7 năm 2021 (“Thông tư 11”)

Ngày 30 tháng 6 năm 2024, NHNN ban hành Thông tư 31 quy định về phân loại tài sản có trong hoạt động của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2024, thay thế cho Thông tư 11. Các thay đổi chính của Thông tư 31 ảnh hưởng đến việc ước tính dự phòng như sau:

- Sửa đổi nguyên tắc phân loại nợ đối với khoản nợ phát sinh từ hoạt động bao thanh toán;
- Bổ sung nguyên tắc phân loại nợ đối với khoản nợ phát sinh từ nghiệp vụ thư tín dụng, nghiệp vụ mua hần miễn truy đòi bộ chứng từ xuất trình theo thư tín dụng và một số nghiệp vụ khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31
tháng 12 năm 2024
Mẫu số: B05/TCTD-HN
Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

IV. Chính sách kế toán áp dụng tại Ngân hàng (tiếp theo)

2. Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh (tiếp theo)

Nghị định 86/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2024 (“Nghị định 86”)

Ngày 11 tháng 7 năm 2024, Chính phủ ban hành Nghị định 86 quy định về mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro, việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và trường hợp tổ chức tín dụng phân bổ lãi phải thu phải thoả. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 11 tháng 7 năm 2024.

Thông tư số 53/2024/TT-NHNN ngày 04 tháng 12 năm 2024 (“Thông tư 53”)

Ngày 04 tháng 12 năm 2024, NHNN ban hành Thông tư 53 quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với khách hàng gặp khó khăn do ảnh hưởng, thiệt hại của bão số 3, ngập lụt, lũ, sạt lở đất sau bão số 3. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 04 tháng 12 năm 2024.

Quyết định số 1510/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 (“Quyết định 1510”)

Ngày 04 tháng 12 năm 2024, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 1510 quy định về việc phân loại tài sản có, mức trích lập dự phòng rủi ro, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro đối với khoản nợ của khách hàng gặp khó khăn do ảnh hưởng, thiệt hại của bão số 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 04 tháng 12 năm 2024.

3. Chuyển đổi tiền tệ

Tỷ giá sử dụng để hạch toán các nghiệp vụ mua, bán ngoại tệ/vàng là tỷ giá mua, bán thực tế tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để hạch toán các nghiệp vụ khác về ngoại tệ để chuyển đổi ra đồng Việt Nam: là tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản giao ngay của đồng ngoại tệ đó tại ngày phát sinh giao dịch.

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao ngay tại thời điểm cuối ngày làm việc cuối cùng của kỳ báo cáo, nếu tỷ giá này nhỏ hơn 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của kỳ báo cáo. Nếu tỷ giá này lớn hơn 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của kỳ báo cáo thì lấy tỷ giá bình quân gia quyền mua bán này.

Tỷ giá quy đổi tại ngày 31/12/2024

25.416 VND/USD	163 VND/JPY	746 VND/THB
17.759 VND/CAD	15.863 VND/AUD	
26.538 VND/EUR	18.758 VND/SGD	
32.460 VND/GBP	28.225 VND/CHF	

4. Nguyên tắc thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính

Công ty con là công ty chịu sự kiểm soát của Ngân hàng. Sự kiểm soát tồn tại khi Ngân hàng có quyền điều hành các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp. Khi đánh giá quyền kiểm soát có thể xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Các sổ dư nội bộ, giao dịch và thu nhập/chi phí của các giao dịch nội bộ giữa các công ty con và Ngân hàng được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các chính sách kế toán của các công ty con cũng được thay đổi khi cần thiết nhằm đảm bảo tính nhất quán với các chính sách kế toán được Ngân hàng áp dụng.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, vàng, tiền gửi tại NHNN, tín phiếu Chính phủ và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đủ điều kiện tái chiết khấu với NHNN, tiền gửi tại các tổ chức tài chính, các TCTD khác không kỳ hạn và đáo hạn không quá ba (03) tháng kể từ ngày gửi và chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba (03) tháng kể từ ngày mua.

6. Tiền gửi và cho vay cho các tổ chức tín dụng khác.

Các khoản tiền gửi và cho vay cho các tổ chức tín dụng khác được công bố và trình bày theo sổ dư gốc tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Việc phân loại rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác và trích lập dự phòng tương ứng được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 31 và Nghị định số 86. Theo đó, Ngân hàng trích lập dự phòng cụ thể cho các khoản tiền gửi (trừ tiền gửi không kỳ hạn tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tiền gửi tại ngân hàng chính sách xã hội theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc các tổ chức tín dụng nhà nước duy trì số dư tiền gửi tại ngân hàng chính sách xã hội) tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật và gửi tiền (trừ tiền gửi không kỳ hạn tại tổ chức tín dụng ở nước ngoài) theo phương pháp nêu tại Thuyết minh IV.11. Theo Nghị định 86, Ngân hàng không cần phải trích lập dự phòng chung đối với các khoản tiền gửi và cho vay nêu trên.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31
tháng 12 năm 2024
Mẫu số: B05/TCTD-HN
Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

IV. Chính sách kế toán áp dụng tại Ngân hàng (tiếp theo)

7. Công cụ tài chính phái sinh và kế toán phòng ngừa rủi ro

Ngân hàng ký kết các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi và hợp đồng tương lai nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro hối đoái hoặc các rủi ro thị trường khác, đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của Ngân hàng.

Các hợp đồng kỳ hạn tiền tệ là các cam kết để mua hoặc bán một loại tiền tệ nhất định tại một ngày cụ thể được xác định trong tương lai theo một tỷ giá xác định trước và sẽ được thanh toán bằng tiền. Các hợp đồng kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị danh nghĩa tại ngày giao dịch và sẽ được định kỳ đánh giá lại, chênh lệch từ việc đánh giá lại được ghi vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trên “Vốn chủ sở hữu” và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất vào cuối kỳ kế toán

Các hợp đồng hoán đổi tiền tệ là các cam kết, bao gồm một cam kết mua và một cam kết bán cùng số lượng một đồng tiền này với một đồng tiền khác với tỷ giá của hai cam kết xác định tại thời điểm giao dịch và ngày thanh toán của hai cam kết là khác nhau. Số tiền phụ trội hoặc chiết khấu do chênh lệch tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng và tỷ giá kỳ hạn này sẽ được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản nếu dương hoặc khoản mục nợ phải trả nếu âm trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Chênh lệch này sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời hạn của hợp đồng

Các hợp đồng hoán đổi lãi suất: Giá trị cam kết trong các giao dịch hợp đồng hoán đổi lãi suất không được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Chênh lệch lãi suất hoán đổi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

8. Kế toán thu nhập lãi, chi phí lãi và ngừng dự thu lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở dồn tích đối với các khoản nợ được phân loại là nợ đủ tiêu chuẩn không phải trích lập dự phòng rủi ro cụ thể.

Đối với các khoản nợ còn lại (bao gồm nợ được cơ cấu lại được giữ nguyên nhóm nợ đủ tiêu chuẩn theo Thông tư 01, Thông tư 03, Thông tư 14, Thông tư 02 và Thông tư 53), lãi của các khoản nợ này được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi Ngân hàng thực nhận.

Chi phí lãi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo cơ sở dồn tích.

9. Kế toán các khoản thu từ phí và hoa hồng

Thu nhập từ phí và hoa hồng, bao gồm phí nhận được từ dịch vụ thanh toán, dịch vụ ngân quỹ, phí từ các khoản dịch vụ bảo lãnh và các dịch vụ khác và được Ngân hàng ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi phát sinh.

10. Kế toán đối với cho vay khách hàng, hoạt động mua bán nợ

10.1 Kế toán đối với cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng được trình bày theo số dư nợ gốc trừ đi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng.

Các khoản vay ngắn hạn có kỳ hạn đến 01 năm. Các khoản vay trung hạn có kỳ hạn từ trên 01 năm đến 05 năm và các khoản vay dài hạn có kỳ hạn trên 05 năm.

Việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định của Thông tư 31 và Nghị định 86 như trình bày thuyết minh IV.11

10.2 Hoạt động mua bán nợ

Bán nợ cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của Tổ chức tín dụng Việt Nam (“VAMC”), các công ty mua bán nợ và các tổ chức khác

- Ngân hàng thực hiện việc bán nợ cho VAMC theo Nghị định số 53/2013/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 18 tháng 5 năm 2013, Nghị định 34/2015/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 31 tháng 3 năm 2015 sửa đổi và bổ sung một số điều của Nghị định 53/2013/NĐ-CP, thông tư 19/2013/TT-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 06 tháng 9 năm 2013 quy định về việc mua, bán, xử lý nợ xấu của Công ty quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam.

Trái phiếu đặc biệt phát hành bởi VAMC tương ứng với khoản nợ xấu mà Ngân hàng bán, được ghi nhận là chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn.

- Ngân hàng thực hiện việc bán nợ cho các công ty mua bán nợ và các tổ chức khác theo thông tư số 09/2015/TT-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 17 tháng 7 năm 2015.

Khoản chênh lệch giữa giá bán và giá trị sổ sách của các khoản nợ đã bán được theo dõi tại khoản phải thu khác và phân bổ vào kết quả hoạt động hàng năm với mức tối thiểu bằng với chênh lệch thu chi từ kết quả hoạt động năm theo Nghị Quyết của Quốc hội số 42/2017/QH14 có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2017 về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng. Thời hạn phân bổ tối đa không quá 10 năm.

Việc trích lập dự phòng cho các khoản nợ đã bán này nhưng chưa thu được (bao gồm nợ VAMC và các công ty mua bán nợ khác) được thực hiện dựa theo năng lực tài chính của Ngân hàng theo lộ trình đã được xây dựng đến năm 2030 tại phương án cơ cấu lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Ngân hàng có báo cáo định kỳ gửi Ngân hàng Nhà nước về tiến độ thực hiện theo phương án cơ cấu lại đã được phê duyệt.

IV. Chính sách kế toán áp dụng tại Ngân hàng (tiếp theo)

11. Phân loại nợ, trích lập dự phòng và xử lý rủi ro tín dụng

Ngân hàng áp dụng phương pháp định lượng quy định tại Điều 10 Thông tư 31 trong việc phân loại nợ đối với các tài sản Có (gọi tắt là “nợ”) bao gồm:

- Cho vay;
- Cho thuê tài chính;
- Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;
- Bao thanh toán;
- Cấp tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng;
- Trả thay theo cam kết ngoại bảng (bao gồm khoản trả thay nghĩa vụ của khách hàng trong hoạt động bảo lãnh, nghiệp vụ thư tín dụng và các khoản trả thay khác theo cam kết ngoại bảng);
- Mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp (bao gồm cả trái phiếu do tổ chức tín dụng khác phát hành) chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom (sau đây gọi là trái phiếu chưa niêm yết), không bao gồm mua trái phiếu chưa niêm yết bằng nguồn vốn ủy thác mà bên ủy thác chịu rủi ro;
- Ủy thác cấp tín dụng;
- Gửi tiền (trừ tiền gửi không kỳ hạn tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; tiền gửi tại ngân hàng chính sách xã hội theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc các tổ chức tín dụng nhà nước duy trì số dư tiền gửi tại ngân hàng chính sách xã hội) tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật và gửi tiền (trừ tiền gửi không kỳ hạn) tại tổ chức tín dụng ở nước ngoài;
- Mua, bán nợ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước), trừ hoạt động mua nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài với Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam;
- Mua bán lại trái phiếu Chính phủ trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường chứng khoán;
- Mua chứng chỉ tiền gửi do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành;
- Nghiệp vụ phát hành thư tín dụng trả chậm có điều khoản thỏa thuận bên thụ hưởng được thanh toán trả ngay hoặc trả trước ngày đến hạn thanh toán thư tín dụng và nghiệp vụ hoàn trả thư tín dụng theo hình thức thỏa thuận với khách hàng thanh toán bằng nguồn tiền của ngân hàng hoàn trả kể từ ngày ngân hàng hoàn trả thanh toán cho bên thụ hưởng; nghiệp vụ thương lượng thanh toán thư tín dụng;
- Mua hần miễn truy đòi bộ chứng từ xuất trình theo thư tín dụng, trừ trường hợp ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua hần miễn truy đòi bộ chứng từ theo thư tín dụng do chính ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó phát hành.

Theo đó, nhóm nợ của khách hàng là nhóm nợ có rủi ro cao nhất khi thực hiện phân loại nợ đồng thời theo Điều 10, Điều 11 của Thông tư 31 và nhóm nợ cao nhất tại các tổ chức tín dụng của khách hàng do Trung tâm Thông tin tín dụng (“CIC”) của NHNN cung cấp tại thời điểm phân loại nợ;

Các khoản nợ được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn. Nợ xấu là các khoản nợ được phân loại là Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn. Các khoản nợ được phân loại và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng vào thời điểm cuối mỗi tháng và được ghi nhận hạch toán vào tháng tiếp theo. Dự phòng rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 được ghi nhận vào kết quả hoạt động trong kỳ đó.

Từ ngày 13 tháng 3 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022, Ngân hàng đã áp dụng chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ đối với các khoản nợ đáp ứng các điều kiện của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13 tháng 3 năm 2020 (“Thông tư 01”), Thông tư số 03/2021/TT-NHNN (“Thông tư 03”) ngày 02 tháng 4 năm 2021 và Thông tư số 14/2021/TT-NHNN (“Thông tư 14”) ngày 07 tháng 9 năm 2021 do NHNN ban hành quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.

Từ ngày 24 tháng 4 năm 2023, Ngân hàng đã áp dụng chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng đáp ứng yêu cầu của Thông tư số 02/2023/TT-NHNN (“Thông tư 02”) ngày 23 tháng 4 năm 2023 và Thông tư số 06/2024/TT-NHNN (“Thông tư 06”) ngày 18 tháng 6 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02 do NHNN ban hành quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh và khách hàng gặp khó khăn trả nợ vay phục vụ nhu cầu đời sống, tiêu dùng.

Từ ngày 04 tháng 12 năm 2024, Ngân hàng đã áp dụng chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng đáp ứng yêu cầu của Thông tư 53 và Quyết định 1510 quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn do ảnh hưởng, thiệt hại của bão số 3.

Phân loại nợ cho cam kết ngoại bảng

Ngân hàng thực hiện phân loại đối với các khoản bảo lãnh, nghiệp vụ thư tín dụng (trừ các trường hợp đã ghi nhận tài sản có), chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không hủy ngang và các cam kết khác phát sinh rủi ro tín dụng (gọi chung là các khoản cam kết ngoại bảng) vào các nhóm quy định tại Điều 9, Điều 10 hoặc Điều 11 của Thông tư 31. Theo đó, các khoản cam kết ngoại bảng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO
TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31
tháng 12 năm 2024
Mẫu số: B05/TCTD-HN
Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

IV. Chính sách kế toán áp dụng tại Ngân hàng (tiếp theo)

11. Phân loại nợ, trích lập dự phòng và xử lý rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Dự phòng chung

Theo Điều 7 Nghị định 86, Ngân hàng phải thực hiện trích lập và duy trì dự phòng chung bằng 0,75% tổng số dư các khoản nợ được phân loại từ nợ nhóm 1 đến nợ nhóm 4, trừ các khoản sau đây:

- Tiền gửi tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật và tiền gửi tại tổ chức tín dụng ở nước ngoài;
- Khoản cho vay, mua có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam;
- Khoản mua chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành trong nước;
- Khoản mua bán lại trái phiếu Chính phủ trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường chứng khoán;

Dự phòng được trích lập hàng tháng được ghi nhận vào kết quả hoạt động của Ngân hàng.

Dự phòng cụ thể

Ngân hàng thực hiện trích dự phòng cụ thể hàng tháng. Theo Nghị định 86, dự phòng cụ thể tại ngày 31 tháng 12 được xác định bằng dư nợ sau khi trừ đi giá trị tài sản đảm bảo đã được khấu trừ nhân với tỷ lệ dự phòng theo phân loại nhóm nợ tại ngày 31 tháng 12. Cơ sở xác định giá trị và giá trị khấu trừ tối đa của từng loại tài sản đảm bảo được xác định theo các quy định của Nghị định 86. Tỷ lệ trích lập dự phòng cụ thể đối với từng nhóm nợ theo quy định như sau:

NHÓM	PHÂN LOẠI NỢ	TỶ LỆ LẬP DỰ PHÒNG CỤ THỂ
Nhóm 1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
Nhóm 2	Nợ cần chú ý	5%
Nhóm 3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
Nhóm 4	Nợ nghi ngờ	50%
Nhóm 5	Nợ có khả năng mất vốn	100%



Đối với các khoản tín dụng được xác định trong PACCL, Ngân hàng đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận phương án xử lý theo lộ trình do Ngân hàng xây dựng đến hết năm 2030. Các khoản dự phòng được trích lập theo lộ trình của phương án cơ cấu lại. Ngân hàng có báo cáo định kỳ gửi Ngân hàng Nhà nước về tiến độ thực hiện theo phương án cơ cấu lại đã được phê duyệt.

Xử lý rủi ro tín dụng

Dự phòng được ghi nhận như một khoản chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất và được sử dụng để xử lý các khoản nợ xấu. Theo quy định tại Nghị định 86, Ngân hàng thành lập Hội đồng Xử lý Rủi ro để xử lý các khoản nợ xấu nếu như chúng được phân loại vào nhóm 5, hoặc nếu khách hàng vay là pháp nhân giải thể, phá sản, hoặc là cá nhân bị chết hoặc mất tích.

12. Kế toán các nghiệp vụ chứng khoán đầu tư

12.1 Phân loại

Chứng khoán đầu tư được phân loại theo hai loại: chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn. Ngân hàng phân loại chứng khoán đầu tư tại thời điểm mua. Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT do NHNN ban hành ngày 14 tháng 4 năm 2009, đối với khoản mục chứng khoán đầu tư, Ngân hàng được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi mua.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là chứng khoán nợ được giữ trong thời gian không ấn định trước và có thể được bán trong mọi thời điểm.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là chứng khoán nợ có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, mà Ngân hàng có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

12.2 Ghi nhận

Ngân hàng ghi nhận chứng khoán đầu tư vào ngày nhận chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31
tháng 12 năm 2024
Mẫu số: B05/TCTD-HN
Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

IV. Chính sách kế toán áp dụng tại Ngân hàng (tiếp theo)

12. Kế toán các nghiệp vụ chứng khoán đầu tư (tiếp theo)

12.3 Đo lường

Chứng khoán nợ được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm các chi phí giao dịch và các chi phí có liên quan trực tiếp khác. Sau đó, chứng khoán nợ được ghi nhận theo giá gốc được phân bổ (chịu tác động của việc phân bổ giá trị chiết khấu và giá trị phụ trội) trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng và dự phòng giảm giá chứng khoán. Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn của chứng khoán đó.

Lãi sau khi mua của chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào khoản mục “Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư” trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

Chứng khoán nợ được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường được xác định theo quy định tại Thông tư 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 và Thông tư 24/2022/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 4 năm 2022. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động riêng trên khoản mục “Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư”.

Đối với trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương, Ngân hàng không thực hiện trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư này.

Đối với trái phiếu doanh nghiệp đã niêm yết, đăng ký giao dịch, giá trái phiếu trên thị trường là giá giao dịch gần nhất tại Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 10 ngày tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán, Ngân hàng không thực hiện trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư này

Đối với trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán (bao gồm cả chứng khoán do TCTD khác phát hành) hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các doanh nghiệp đại chúng chưa niêm yết, dự phòng rủi ro tín dụng được xác định theo Thông tư 31 và Nghị định 86 như được trình bày tại Thuyết minh IV.11.

Các khoản chứng khoán nợ chưa niêm yết còn lại (không bao gồm trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết kể trên) được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá được xác định theo giá trị thị trường của chứng khoán. Trong trường hợp không có giá trị thị trường của chứng khoán hoặc giá trị trường không thể xác định một cách đáng tin cậy, các chứng khoán này sẽ được ghi nhận theo giá trị sổ sách kế toán.

Dự phòng chứng khoán đầu tư sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi của chứng khoán đầu tư là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi chưa lập dự phòng.

12.4 Dừng ghi nhận

Chứng khoán đầu tư được dừng ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Ngân hàng đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

12.5 Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành

Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành là giấy tờ có giá có thời hạn do VAMC phát hành để mua nợ xấu của Ngân hàng, và được ghi nhận là chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn.

Trái phiếu đặc biệt được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch và được phản ánh theo mệnh giá trừ đi dự phòng cụ thể trong thời gian nắm giữ.

Mệnh giá của trái phiếu đặc biệt là giá trị tương ứng với giá trị ghi sổ dư nợ gốc của khoản nợ xấu sau khi khấu trừ số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập chưa sử dụng của khoản nợ xấu đó.

Dự phòng cụ thể các trái phiếu đặc biệt được trích lập theo năng lực tài chính đến năm 2030 theo phương án cơ cấu lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Ngân hàng có báo cáo định kỳ gửi Ngân hàng Nhà nước về tiến độ thực hiện theo phương án cơ cấu lại đã được phê duyệt.

13. Góp vốn, đầu tư dài hạn

13.1 Kế toán các khoản đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư với tỷ lệ thấp hơn hoặc bằng 11% phần vốn của các tổ chức kinh tế mà Ngân hàng là cổ đông sáng lập, hoặc là đối tác chiến lược, hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình thành lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia vào Hội đồng Quản trị hoặc Ban Điều hành. Các khoản đầu tư dài hạn ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với một số khoản đầu tư dài hạn khác, Ngân hàng có kế hoạch thoái vốn và trích lập dự phòng theo phương án cơ cấu lại đã được cơ quan thẩm quyền phê duyệt.

13.2 Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn được lập khi Ngân hàng xác định được các tổ chức kinh tế mà Ngân hàng đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp bị lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) theo quy định tại Thông tư số 48 và Thông tư số 24. Theo đó, mức trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của Ngân hàng so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế. Đối với khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết hoặc giá thị trường của khoản đầu tư được xác định một cách đáng tin cậy, việc lập dự phòng được thực hiện dựa trên giá thị trường của chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO
TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31
tháng 12 năm 2024
Mẫu số: B05/TCTD-HN
Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

IV. Chính sách kế toán áp dụng tại Ngân hàng (tiếp theo)

14. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.



15. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Mua tài sản cố định vô hình riêng biệt

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua riêng biệt bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Khi quyền sử dụng đất được mua cùng với nhà cửa, vật kiến trúc trên đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất là số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ., hoặc giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn liên doanh.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

16. Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 40 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8 năm
Phần mềm kế toán	5 năm
TSCĐ khác	5 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao phù hợp với thời hạn trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

IV. Chính sách kế toán áp dụng tại Ngân hàng (tiếp theo)

17. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Ngân hàng có một nghĩa vụ hiện tại phát sinh từ các sự kiện đã qua; Có thể đưa đến sự giảm sút những lợi ích kinh tế cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ; Giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Khi có nhiều nghĩa vụ nợ tương tự nhau thì khả năng giảm sút lợi ích kinh tế do việc thanh toán nghĩa vụ nợ được xác định thông qua việc xem xét toàn bộ nhóm nghĩa vụ nói chung. Dự phòng cũng được ghi nhận cho dù khả năng giảm sút lợi ích kinh tế do việc thanh toán từng nghĩa vụ nợ là rất nhỏ.

18. Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác, tiền gửi của khách hàng và phát hành giấy tờ có giá

Các khoản tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác, của khách hàng và phát hành giấy tờ có giá được trình bày theo sổ dư gốc tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu chi phí phát hành trái phiếu được ghi giảm số dư gốc của trái phiếu. Ngân hàng thực hiện phân bổ các chi phí này vào “Chi phí lãi và các chi phí tương tự” theo phương pháp đường thẳng phù hợp với kỳ hạn của giấy tờ có giá.

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định gồm tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ kế toán.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành theo luật thuế TNDN hiện hành được ghi nhận.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản, nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Ngân hàng chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Ngân hàng có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách Nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

20. Kế toán các khoản chi phí đi vay từ vốn vay, phát hành chứng khoán nợ

Chi phí đi vay là lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Ngân hàng. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trả lãi trong kỳ, khi phát sinh liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc tài sản dở dang thì chi phí đi vay được tính trực tiếp vào giá trị của tài sản đó theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31
tháng 12 năm 2024
Mẫu số: B05/TCTD-HN
Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

IV. Chính sách kế toán áp dụng tại Ngân hàng (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu

Vốn điều lệ được hình thành từ số tiền mà các cổ đông đã góp vốn mua cổ phần, cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo quy định trong điều lệ hoạt động của Ngân hàng. Vốn điều lệ được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Ngân hàng. Ngân hàng có lộ trình tăng vốn điều lệ theo phương án cơ cấu lại đã được phê duyệt.

Thặng dư vốn cổ phần: Phản ánh khoản chênh lệch tăng/giảm giữa giá phát hành cổ phiếu so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa giá phát hành cổ phiếu so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu được ghi nhận là một khoản giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu của Ngân hàng đã phát hành và được Ngân hàng mua lại. Khoản tiền đã trả để mua cổ phiếu, bao gồm các chi phí có liên quan trực tiếp, được giảm trừ vào vốn chủ sở hữu đến khi các cổ phiếu quỹ được hủy bỏ hoặc tái phát hành. Số tiền thu do tái phát hành hoặc bán cổ phiếu quỹ trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc tái phát hành hoặc bán cổ phiếu quỹ được tính vào phần vốn chủ sở hữu.

Vốn khác: Phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản.

Lợi nhuận chưa phân phối

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ được căn cứ vào điều lệ của Ngân hàng và tờ trình Hội đồng quản trị được thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

22. Các hoạt động ủy thác chịu rủi ro của Tổ chức tín dụng

Ngân hàng thực hiện các hoạt động nhận ủy thác vốn để cho vay thay mặt cho tổ chức kinh tế hoặc tổ chức tín dụng khác.

Giá trị vốn đầu tư bằng nguồn ủy thác và vốn nhận ủy thác được ghi nhận khi hợp đồng ủy thác đã được ký kết và vốn ủy thác đã được thực hiện. Các quyền lợi và nghĩa vụ của bên nhận ủy thác và bên ủy thác đối với lợi nhuận, phân chia lợi nhuận, phí ủy thác và các quyền lợi và nghĩa vụ khác được quy định trong hợp đồng ủy thác.

Các hoạt động nhận ủy thác của Ngân hàng bao gồm:

Các hoạt động nhận ủy thác Ngân hàng không chịu rủi ro

Các tài sản giữ cho mục đích ủy thác quản lý giữ hộ, nhận ủy thác đầu tư và cho vay không được xem là tài sản của Ngân hàng và vì thế không được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng.

Các hoạt động nhận ủy thác Ngân hàng chịu rủi ro

Ngân hàng thực hiện các hoạt động nhận ủy thác cho vay để cho vay lại khách hàng. Ngân hàng ghi nhận dư nợ cho vay từ nguồn vốn nhận ủy thác vào khoản cho vay khách hàng. Chính sách kế toán đối với cho vay lại khách hàng được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, như đề cập tại thuyết minh mục IV.10.

23. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng sau khi trích lập Quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

24. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Ngân hàng hoặc chịu sự kiểm soát của Ngân hàng. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết của Ngân hàng mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Ngân hàng, những chức trách quản lý chủ chốt như ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO
TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31
tháng 12 năm 2024

Mẫu số: B05/TCTD-HN

Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong
Bảng cân đối kế toán

1. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý

	31/12/2024	31/12/2023
Tiền mặt bằng VND	240.919	224.404
Tiền mặt bằng ngoại tệ	55.726	24.109
Tổng cộng	296.645	248.513

2. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước

	31/12/2024	31/12/2023
Tiền gửi thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước	3.507.305	2.287.057
Bằng VND	3.489.130	2.251.489
Bằng ngoại tệ	18.175	35.568
Tổng cộng	3.507.305	2.287.057

Dự trữ bắt buộc phải được gửi tại NHNN Việt Nam. Số dư được tính trước cho 30 ngày, được điều chỉnh mỗi tháng 1 lần và được tính bằng 3% số dư bình quân tiền gửi của khách hàng bằng đồng Việt Nam không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới một năm và 1% số dư bình quân tiền gửi bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn từ một năm trở lên, bằng 8% số dư bình quân tiền gửi của khách hàng bằng ngoại tệ có kỳ hạn dưới một năm và 6% số dư bình quân tiền gửi của khách hàng bằng ngoại tệ có kỳ hạn từ một năm trở lên, bằng 1% số dư bình quân tiền gửi bằng ngoại tệ của Ngân hàng ở nước ngoài, tất cả đều được tính trên số dư bình quân tiền gửi của tháng trước. Tài khoản tại NHNN Việt Nam còn bao gồm tiền gửi để thanh toán bù trừ và thanh toán khác.

3. Tiền gửi và cho vay các TCTD khác

TIỀN GỬI TẠI CÁC TCTD KHÁC	31/12/2024	31/12/2023
Tiền gửi không kỳ hạn	9.323.929	5.460.903
Bằng VND	8.791.325	5.078.502
Bằng ngoại hối	532.604	382.401
Tiền gửi có kỳ hạn	5.750.000	3.000.000
Bằng VND	5.750.000	3.000.000
Bằng ngoại hối	-	-
Cộng	15.073.929	8.460.903
PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG DƯ NỢ CHO VAY, TIỀN GỬI CÁC TCTD KHÁC	31/12/2024	31/12/2023
- Nợ đủ tiêu chuẩn	5.750.000	3.000.000
Tổng cộng	5.750.000	3.000.000

4. Cho vay khách hàng

	31/12/2024	31/12/2023
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	71.137.541	55.298.120
Các khoản trả thay cho khách hàng	15.848	42.739
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	13.933	3.400
Cho vay chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá	7.398	-
Tổng cộng	71.174.720	55.344.259

4.1 Phân tích chất lượng nợ cho vay

	31/12/2024	31/12/2023
Nợ đủ tiêu chuẩn	55.935.874	36.737.199
Nợ cần chú ý	1.331.532	2.138.081
Nợ dưới tiêu chuẩn	280.960	276.539
Nợ nghi ngờ	438.642	2.527.379
Nợ có khả năng mất vốn	13.187.712	13.665.061
Tổng cộng	71.174.720	55.344.259

4.2 Phân tích dư nợ theo thời gian

	31/12/2024	31/12/2023
Nợ ngắn hạn	22.385.410	20.767.054
Nợ trung hạn	30.409.105	21.059.422
Nợ dài hạn	18.380.205	13.517.783
Tổng cộng	71.174.720	55.344.259

THUYẾT MINH BÁO CÁO
TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31
tháng 12 năm 2024
Mẫu số: B05/TCTD-HN
Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

4. Cho vay khách hàng (tiếp theo)

4.3 Phân tích dư nợ cho vay theo ngành

	31/12/2024	31/12/2023
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	718.772	312.596
Công nghiệp chế biến, chế tạo	1.990.505	3.044.725
Xây dựng	28.306.905	22.482.468
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	3.883.557	3.492.150
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	2.722.327	719.091
Thông tin và truyền thông	799.147	798.752
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	45.918	100.000
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	4.774.614	1.474.320
Hoạt động dịch vụ khác	109.527	28.023
Các ngành khác	7.560.896	3.975.051
Cá nhân	20.262.552	18.917.083
Tổng cộng	71.174.720	55.344.259

5. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

ĐỐI VỚI SỰ THAY ĐỔI (TĂNG/GIẢM) CỦA DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG		
Năm nay	Dự phòng chung	Dự phòng cụ thể
Số dư đầu năm	312.594	765.501
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm	122.309	99.114
Sử dụng quỹ dự phòng xử lý các khoản nợ khó thu hồi	-	(142.573)
Tăng quỹ dự phòng do nhận lại nợ từ VAMC	-	39.371
Số dư cuối năm (*)	434.903	761.413
Năm trước		
Số dư đầu năm	343.698	615.964
Dự phòng rủi ro trích lập/ (hoàn nhập) trong năm	(31.104)	139.221
Tăng quỹ dự phòng do nhận lại nợ từ VAMC	-	10.316
Số dư cuối năm	312.594	765.501
Chi tiết số dư dự phòng cuối năm (*)	31/12/2024	31/12/2023
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	1.196.316	1.078.095
+ Dự phòng chung	434.903	312.594
+ Dự phòng cụ thể	761.413	765.501
Cộng	1.196.316	1.078.095

(*) Liên quan đến việc trích lập dự phòng đối với một số khách hàng thuộc nhóm 2 đến nhóm 5 và khoản cấp tín dụng cho Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC và người có liên quan, Ngân hàng đã xây dựng lộ trình xử lý, trích lập dự phòng tại Phương án cơ cấu lại giai đoạn năm 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030 và được cơ quan có thẩm quyền thông qua.

Bên cạnh đó, Ngân hàng đã thực hiện nhận tài sản thế chấp bổ sung từ bên thứ 3 để đảm bảo cho các khoản nợ đã bán và tuân thủ việc trích lập dự phòng rủi ro tín dụng đối với các khoản bán nợ chưa thu được tiền (thuyết minh tại mục V.10.2 Phải thu từ hoạt động bán nợ) theo quy định.

6. Chứng khoán đầu tư

	31/12/2024	31/12/2023
6.1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		
Chứng khoán Nợ	4.550.275	7.736.856
- Trái phiếu/tín phiếu Chính phủ	1.990.275	3.736.856
- Chứng khoán do các TCTD khác trong nước phát hành	2.560.000	4.000.000
Cộng	4.550.275	7.736.856
6.2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		
- Chứng khoán Nợ do các TCKT trong nước phát hành (*)	14.325.518	5.652.828
- Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (i)	(157.489)	(277.923)
Cộng	14.168.029	5.374.905
Tổng cộng	18.718.304	13.111.761

(i) Trong đó trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành, khoản dự phòng được trích lập theo năng lực tài chính tối thiểu hàng năm theo lộ trình đã xây dựng tại phương án cơ cấu lại gần giai đoạn 2023-2025 và định hướng đến năm 2030 đã được phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO
TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31
tháng 12 năm 2024
Mẫu số: B05/TCTD-HN
Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong
Bảng cân đối kế toán (Tiếp theo)

6. Chứng khoán đầu tư (tiếp theo)

6.2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (tiếp theo)

(*) Khoản đầu tư vào trái phiếu của các công ty sau:

CÔNG TY PHÁT HÀNH	NGÀY ĐÁO HẠN	LÃI SUẤT	SỐ LƯỢNG TRÁI PHIẾU	GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ
Công ty TNHH MTV Mua bán nợ Việt Nam (tên cũ Công ty Mua bán nợ và tài sản tồn động của doanh nghiệp) - DATC (ii)	Năm 2023	8.9%/năm	31.554	31.554
Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam (VAMC)	Năm 2025	0%/năm	43 mã	538.296
	Năm 2026	0%/năm	9 mã	152.850
	Năm 2025	0%/năm	1 mã	90.655
	Năm 2026	0%/năm	3 mã	3.007
	Năm 2027	0%/năm	2 mã	12.768
	Năm 2028	0%/năm	14 mã	111.355
	Năm 2029	0%/năm	4 mã	46.660
	Năm 2025	0%/năm	17 mã	34.753
	Năm 2026	0%/năm	2 mã	172.161
	Năm 2027	0%/năm	2 mã	853.808
	Năm 2028	0%/năm	3 mã	979.744
	Năm 2029	0%/năm	248 mã	11.297.907
Tổng cộng				14.325.518

(ii) Khoản đầu tư trái phiếu Công ty TNHH MTV Mua bán nợ Việt Nam đã đến hạn năm 2023, hiện tại NCB đang tích cực thực hiện các thủ tục để tất toán khoản trái phiếu này. Trong năm 2024, Ngân hàng đã thực hiện trích lập dự phòng theo năng lực tài chính tối thiểu hàng năm theo lộ trình đã xây dựng tại phương án cơ cấu lại gần giai đoạn 2023-2025 và định hướng đến năm 2030 đã được phê duyệt.

7. Góp vốn, đầu tư dài hạn

	31/12/2024	31/12/2023
- Phân tích giá trị đầu tư theo loại hình đầu tư		
Các khoản đầu tư dài hạn khác	719.600	719.600
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(348.356)	(64.918)
Tổng cộng	371.244	654.682

- Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn của Ngân hàng

	31/12/2024			31/12/2023		
Nội dung	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ phần vốn (%)	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ phần vốn (%)
Đầu tư dài hạn khác	719.600	(348.356)		719.600	(64.918)	
Công ty CP Khoáng sản Sài Gòn - Quy Nhơn (i)	273.700	(211.560)	3,18%	273.700	(18.367)	3,18%
Công ty CP ĐT Sài Gòn (ii)	338.200	(46.796)	11,00%	338.200	(46.551)	11,00%
Công ty CP Chứng khoán Navibank (iii)	17.700	-	7,02%	17.700		7,02%
Công ty CP Đầu tư Phát triển nhà máy điện Sài Gòn - Bình Thuận (iv)	90.000	(90.000)	9,00%	90.000		9,00%
Tổng cộng	719.600	(348.356)		719.600	(64.918)	

(i) Ngân hàng sở hữu 3.500.000 cổ phần (với giá trị ghi sổ là 273,7 tỷ đồng) tương đương 3,18% vốn điều lệ của Công ty CP Khoáng sản Sài Gòn - Quy Nhơn (vốn điều lệ là 1.100 tỷ đồng, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu).

(ii) Ngân hàng sở hữu 16.500.000 cổ phần (với giá trị ghi sổ là 338,2 tỷ đồng) tương đương 11% vốn điều lệ Công ty CP Đầu tư Sài Gòn (vốn điều lệ là 1.500 tỷ đồng, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu). Ngân hàng lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn dựa trên báo cáo tài chính chưa được kiểm toán của Công ty CP ĐT Sài Gòn.

(iii) Ngân hàng sở hữu 1.770.000 cổ phần (với giá trị ghi sổ là 17,7 tỷ đồng) tương đương 7,02% vốn điều lệ Công ty CP Chứng khoán Navibank (vốn điều lệ là 252 tỷ đồng, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu).

(iv) Ngân hàng sở hữu 9.000.000 cổ phần (với giá trị ghi sổ là 90 tỷ đồng) tương đương 9% vốn điều lệ Công ty CP Đầu tư Phát triển nhà máy điện Sài Gòn - Bình Thuận (vốn điều lệ theo Giấy đăng ký kinh doanh là 1.000 tỷ đồng, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu).

Đối với các khoản đầu tư tại mục (i), (ii), (iv), Ngân hàng đã có kế hoạch thoái vốn khoản đầu tư theo phương án cơ cấu lại đã được NHNN phê duyệt. Ngân hàng đã thực hiện trích lập dự phòng các khoản đầu tư này theo lộ trình của phương án cơ cấu lại.

Tại ngày báo cáo, Ngân hàng chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31
tháng 12 năm 2024
Mẫu số: B05/TCTD-HN
Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán (Tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

- Tăng giảm tài sản cố định hữu hình năm nay:

KHOẢN MỤC	NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC	MÁY MÓC THIẾT BỊ	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI TRUYỀN DẪN	THIẾT BỊ DỤNG CỤ QUẢN LÝ	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC	TỔNG CỘNG
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu năm	44.017	159.835	77.375	81.984	437	363.648
- Mua trong năm	-	32.401	690	37.263	-	70.354
- Thanh lý, nhượng bán	(202)	(4.958)	(7.153)	(24.226)	(404)	(36.943)
Số dư cuối năm	43.815	187.278	70.912	95.021	33	397.059
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	14.874	77.704	39.569	59.513	280	191.940
Khấu hao trong năm	1.430	15.494	5.724	7.827	-	30.475
- Thanh lý, nhượng bán	(189)	(4.928)	(7.153)	(21.406)	(247)	(33.923)
Số dư cuối năm	16.115	88.270	38.140	45.934	33	188.492
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu năm	29.143	82.131	37.806	22.471	157	171.708
Số dư cuối năm	27.700	99.008	32.772	49.087	-	208.567

- Các thông tin khác về tài sản cố định hữu hình:

	31/12/2024	31/12/2023
* Cam kết mua TSCĐ có giá trị lớn trong tương lai:	46.357	5.736
* Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết:	79.973	95.402

- Tăng giảm tài sản cố định hữu hình năm trước:

KHOẢN MỤC	NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC	MÁY MÓC THIẾT BỊ	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI TRUYỀN DẪN	THIẾT BỊ DỤNG CỤ QUẢN LÝ	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC	TỔNG CỘNG
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu năm	43.551	183.117	65.541	88.779	1.067	382.055
- Mua trong năm	508	17.773	17.544	12.868	-	48.693
- Thanh lý, nhượng bán	(42)	(41.055)	(5.710)	(19.663)	(630)	(67.100)
Số dư cuối năm	44.017	159.835	77.375	81.984	437	363.648
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	13.473	91.952	40.627	70.383	766	217.201
- Khấu hao trong năm	1.424	16.540	4.631	7.296	47	29.938
- Thanh lý, nhượng bán	(23)	(30.788)	(5.689)	(18.166)	(533)	(55.199)
Số dư cuối năm	14.874	77.704	39.569	59.513	280	191.940
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu năm	30.078	91.165	24.914	18.396	301	164.854
Số dư cuối năm	29.143	82.131	37.806	22.471	157	171.708

THUYẾT MINH BÁO CÁO
TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31
tháng 12 năm 2024
Mẫu số: B05/TCTD-HN
Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong
Bảng cân đối kế toán (Tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

-Tăng giảm tài sản cố định vô hình năm nay:

KHOẢN MỤC	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT	PHẦN MỀM MÁY VI TÍNH	TSCĐ VÔ HÌNH KHÁC	TỔNG CỘNG
Nguyên giá TSCĐ vô hình				
Số dư đầu năm	536.147	141.253	57.747	735.147
- Mua trong năm	72.863	41.759	-	114.622
- Thanh lý, nhượng bán	-	(306)	(15)	(321)
Số dư cuối năm	609.010	182.706	57.732	849.448
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	63.645	57.464	121.109
- Khấu hao trong năm	-	14.818	248	15.066
- Thanh lý, nhượng bán	-	(262)	-	(262)
- Giảm khác	-	-	(8)	(8)
Số dư cuối năm	-	78.201	57.704	135.905
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình				
Số dư đầu năm	536.147	77.608	283	614.038
Số dư cuối năm	609.010	104.505	28	713.543

NGUYÊN GIÁ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH ĐÃ KHẤU HAO HẾT		31/12/2024	31/12/2024
		97.820	85.606

- Tăng giảm tài sản cố định vô hình năm trước:

KHOẢN MỤC	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT	PHẦN MỀM MÁY VI TÍNH	TSCĐ VÔ HÌNH KHÁC	TỔNG CỘNG
Nguyên giá TSCĐ vô hình				
Số dư đầu năm	536.147	85.143	57.636	678.926
- Mua trong năm	-	56.659	111	56.770
- Thanh lý, nhượng bán	-	(549)	-	(549)
Số dư cuối năm	536.147	141.253	57.747	735.147
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	52.037	48.628	100.665
- Khấu hao trong năm	-	12.157	8.836	20.993
- Thanh lý, nhượng bán	-	(549)	-	(549)
Số dư cuối năm	-	63.645	57.464	121.109
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình				
Số dư đầu năm	536.147	33.106	9.008	578.261
Số dư cuối năm	536.147	77.608	283	614.038

THUYẾT MINH BÁO CÁO
TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31
tháng 12 năm 2024

Mẫu số: B05/TCTD-HN

Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong
Bảng cân đối kế toán (Tiếp theo)

10. Tài sản có khác

	31/12/2024	31/12/2023
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	49.165	7.527
2. Các khoản phải thu	8.143.727	10.594.462
3. Các khoản lãi, phí phải thu (i)	499.530	3.569.597
4. Tài sản có khác	2.617.793	2.482.357
5. Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác	(1.679.440)	(219.270)
Tổng cộng	9.630.775	16.434.673

(i) Liên quan đến các khoản lãi, phí phải thu, Ngân hàng đã xây dựng lộ trình thoái thu trong phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030 được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Đến thời điểm 31/12/2024 Ngân hàng đã thực hiện việc thoái thu đối với các khoản nợ được xác định trong PACCL theo đúng lộ trình đã được duyệt.

10.1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2024	31/12/2023
- Mua sắm TSCĐ khác	49.165	7.527
Cộng	49.165	7.527

10.2 Các khoản phải thu

	31/12/2024	31/12/2023
- Các khoản phải thu nội bộ	2.610.335	2.727.294
- Các khoản phải thu bên ngoài	5.533.392	7.867.168
<i>Phải thu từ hoạt động bán nợ (ii)</i>	3.991.775	6.888.776
<i>Phải thu các khoản ký quỹ</i>	28.069	16.537
<i>Các khoản phải thu bên ngoài khác</i>	1.513.548	961.855
Cộng	8.143.727	10.594.462

(ii) Đối với các khoản phải thu từ hoạt động bán nợ, Ngân hàng đã thực hiện rà soát đánh giá cũng như có báo cáo với Ngân hàng Nhà nước về tình hình của các khoản bán nợ theo định kỳ. Trong phương án cơ cấu lại của Ngân hàng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt vào ngày 07 tháng 02 năm 2024, các khoản này sẽ thực hiện thu hồi theo lộ trình và xử lý dần theo năng lực tài chính của Ngân hàng căn cứ theo lộ trình đã được phê duyệt tại phương án cơ cấu lại.

10.3 Tài sản có khác

	31/12/2024	31/12/2023
- Tài sản khác	31.338	37.011
- Chi phí chờ phân bổ	743.392	529.420
- Tài sản gán nợ chờ xử lý (iii)	1.843.063	1.915.926
Cộng	2.617.793	2.482.357

(iii) Các tài sản gán nợ chờ xử lý chủ yếu là cổ phần của Công ty Cổ phần Hàng không Tre Việt. Theo phương án cơ cấu lại của Ngân hàng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, trong năm 2024, Ngân hàng đã thực hiện đánh giá trích lập dự phòng theo đúng lộ trình PACCL.

10.4 Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác

	31/12/2024	31/12/2023
- Dự phòng rủi ro các khoản nợ phải thu khó đòi	(1.679.440)	(219.270)
Cộng	(1.679.440)	(219.270)

11. Tiền gửi và vay các TCTD khác

11.1. Tiền gửi của các TCTD khác

	31/12/2024	31/12/2023
a. Tiền gửi không kỳ hạn	7.536.450	5.023.296
<i>- Bằng VND</i>	7.536.383	5.023.229
<i>- Bằng ngoại hối</i>	67	67
b. Tiền gửi có kỳ hạn	2.500.000	4.007.005
<i>- Bằng VND</i>	2.500.000	4.007.005
<i>- Bằng ngoại hối</i>	-	-
Cộng	10.036.450	9.030.301

11.2. Vay các TCTD khác

	31/12/2024	31/12/2023
<i>- Bằng VND</i>	-	-
<i>- Bằng ngoại hối</i>	-	-
Cộng	-	-
Tổng cộng tiền gửi của và vay TCTD khác	10.036.450	9.030.301

THUYẾT MINH BÁO CÁO
TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31
tháng 12 năm 2024
Mẫu số: B05/TCTD-HN
Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong
Bảng cân đối kế toán (Tiếp theo)

12. Tiền gửi của khách hàng

THUYẾT MINH THEO LOẠI TIỀN GỬI	31/12/2024	31/12/2023
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn	9.083.078	4.586.717
- Bằng VND	8.812.927	4.307.669
- Bằng ngoại hối	270.151	279.048
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn	86.781.912	71.984.138
- Bằng VND	86.716.234	71.904.816
- Bằng ngoại hối	65.678	79.322
Tiền gửi vốn chuyên dùng	288	283
Tiền gửi ký quỹ	251.908	279.076
- Bằng VND	251.907	277.159
- Bằng ngoại hối	1	1.917
Tổng cộng	96.117.186	76.850.214

THUYẾT MINH THEO ĐỐI TƯỢNG KHÁCH HÀNG, LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP	31/12/2024	31/12/2023
Tiền gửi của TCKT	9.094.890	6.106.560
Doanh nghiệp nhà nước	1.948.689	1.639.614
Công ty CP, TNHH, Hợp danh	6.680.612	3.577.523
Doanh nghiệp Tư nhân	14.910	1.190
Công ty chứng khoán, bảo hiểm, tài chính	90.505	108.875
Kinh tế cá thể, Kinh tế tập thể	344.160	752.073
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	16.014	27.285
Tiền gửi của cá nhân	87.022.296	70.743.654
Tổng cộng	96.117.186	76.850.214

13. Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro

	31/12/2024	31/12/2023
Vốn nhận tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay bằng VND	11.150	16.658
Vốn nhận tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay bằng vàng, ngoại tệ	-	-
Tổng cộng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	11.150	16.658

Vốn nhận từ Hiệp định vay vốn số VNXII-5 cho Dự án Tài trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ được ký kết giữa Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Cơ quan hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA). Việc giải ngân theo thỏa thuận khung được ký kết giữa Ngân hàng Nhà nước và Ngân hàng TMCP Quốc Dân ngày 01/7/2015.

14. Phát hành giấy tờ có giá

	31/12/2024	31/12/2023
Chứng chỉ tiền gửi	4.304.643	3.166.906
- Bằng VND	4.304.643	3.166.906
Tổng cộng	4.304.643	3.166.906

15. Các khoản nợ khác

	31/12/2024	31/12/2023
Các khoản phải trả nội bộ	307.293	174.706
Các khoản phải trả bên ngoài	356.824	83.006
Lãi và phí phải trả	1.186.011	1.806.629
Tổng cộng	1.850.128	2.064.341

THUYẾT MINH BÁO CÁO
TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31
tháng 12 năm 2024

Mẫu số: B05/TCTD-HN

Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong
Bảng cân đối kế toán (Tiếp theo)

16. Vốn chủ sở hữu

16.1. Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

CHI TIÊU	VỐN GÓP CHỦ SỞ HỮU	THẶNG DƯ VỐN CỔ PHẦN	CỔ PHIẾU QUỸ	CHÊNH LỆCH TỶ GIÁ HỐI ĐOẠI	QUỸ KHÁC	QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	QUỸ DỰ PHÒNG TÀI CHÍNH	QUỸ DỰ TRỮ BỔ SUNG VỐN ĐIỀU LỆ	LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI	TỔNG
Số dư tại ngày 01/01/2023	5.601.555	-	(29.644)	-	29.644	1.105	78.998	47.769	34.801	5.764.228
- Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	(669.556)	(669.556)
Số dư tại ngày 31/12/2023	5.601.555	-	(29.644)	-	29.644	1.105	78.998	47.769	(634.755)	5.094.672
Số dư tại ngày 01/01/2024	5.601.555	-	(29.644)	-	29.644	1.105	78.998	47.769	(634.755)	5.094.672
- Tăng vốn trong năm (*)	6.178.293	(216)	-	-	-	-	-	-	-	6.178.077
- Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	(5.128.938)	(5.128.938)
- Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	-	(50.965)	-	-	(50.965)
Số dư tại ngày 31/12/2024	11.779.848	(216)	(29.644)	-	29.644	1.105	28.033	47.769	(5.763.693)	6.092.846

(*) Khoản tăng vốn từ đợt bán cổ phiếu riêng lẻ trong năm.

Vốn quỹ của Tổ chức tín dụng

Theo Nghị định số 93/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 do Chính Phủ ban hành, các Ngân hàng thương mại phải trích lập các quỹ trước khi chia cổ tức và sau khi chia lãi cho các thành viên liên kết theo quy định của hợp đồng (nếu có), bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ 5% lợi nhuận sau thuế, số dư tối đa số dư tối đa của quỹ này bằng vốn điều lệ hiện có của các tổ chức tín dụng. Quỹ này sẽ được chuyển sang vốn điều lệ khi có sự phê chuẩn của ngân hàng Nhà nước Việt nam và Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước;

- Trích 10% vào quỹ dự phòng tài chính; số dư tối đa của quỹ này không vượt quá 25% vốn điều lệ hiện có của các tổ chức tín dụng. Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, của tổ chức bảo hiểm và sử dụng dự phòng trích lập trong chi phí;

- Trích các quỹ khác như quỹ đầu tư XDCB, quỹ khen thưởng phúc lợi,... do Ban lãnh đạo Ngân hàng đề xuất và do Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16.2. Thu nhập trên một cổ phiếu

	NĂM 2024	NĂM 2023
- Lợi nhuận hoặc lỗ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(5.128.938)	(669.556)
- Số bình quân giá quyền cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản	611	557
- Lãi /(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ/1 cổ phiếu)	(8.394)	(1.202)

16.3. Chi tiết vốn đầu tư của TCTD

	31/12/2024			31/12/2023		
	TỔNG SỐ	VỐN CP THƯỜNG	VỐN CP ƯU ĐÃI	TỔNG SỐ	VỐN CP THƯỜNG	VỐN CP ƯU ĐÃI
- Vốn góp các thành viên khác	11.779.848	11.779.848	-	5.601.555	5.601.555	-
- Thặng dư vốn cổ phần	(216)	(216)	-	-	-	-
- Cổ phiếu quỹ	(29.644)	(29.644)	-	(29.644)	(29.644)	-
Tổng cộng	11.749.988	11.749.988	-	5.571.911	5.571.911	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO
TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31
tháng 12 năm 2024

Mẫu số: B05/TCTD-HN

Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

16. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

16.4. Cổ tức

	NĂM 2024	NĂM 2023
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc năm tài chính:		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:	-	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:	-	-

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả
hoạt động kinh doanh

17. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự

	NĂM 2024	NĂM 2023
Thu nhập lãi tiền gửi	105.447	82.400
Thu nhập lãi cho vay khách hàng (*)	2.371.635	5.731.074
Thu từ lãi kinh doanh, đầu tư chứng khoán nợ (*)	292.124	472.330
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	130.680	91.256
Thu khác từ hoạt động tín dụng	28.805	56.559
Tổng cộng	2.928.691	6.433.619

(*) Trong năm 2024, Ngân hàng đã thoái lãi dự thu cho vay và đầu tư chứng khoán nợ theo phương án cơ cấu lại cho giai đoạn 2023-2025 định hướng đến năm 2030 đã được phê duyệt số tiền 2.796.462 triệu đồng.

18. Chi phí lãi và các chi phí tương tự

	NĂM 2024	NĂM 2023
Trả lãi tiền gửi	4.433.452	5.773.609
Trả lãi tiền vay	15.616	768
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	260.009	193.032
Chi phí hoạt động tín dụng khác	1.807	8.981
Tổng cộng	4.710.884	5.976.390

19. Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ

	NĂM 2024	NĂM 2023
Thu phí dịch vụ	165.438	102.350
Thu dịch vụ thanh toán	118.141	62.258
Thu dịch vụ ngân quỹ	1.209	945
Thu khác về dịch vụ	46.088	39.147
Chi phí từ hoạt động dịch vụ	90.470	68.832
Chi dịch vụ thanh toán	29.417	18.491
Chi về dịch vụ ngân quỹ	5.309	3.334
Chi khác về dịch vụ	55.744	47.007
Lãi/ (lỗ) thuần từ hoạt động dịch vụ	74.968	33.518

20. Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối

	NĂM 2024	NĂM 2023
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	2.498.778	591.696
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay và chênh lệch đánh giá ngoại tệ kinh doanh	2.112.723	240.752
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	386.055	350.944
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	2.373.266	389.242
Chi từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay và chênh lệch đánh giá ngoại tệ kinh doanh	1.898.379	197.995
Chi từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	474.887	191.247
Lãi/ (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	125.512	202.454

21. Lãi/ lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư

	NĂM 2024	NĂM 2023
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	137.077	183.422
Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư	5.655	22.938
Lãi/ (lỗ) thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư	131.422	160.484

THUYẾT MINH BÁO CÁO
TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số: B05/TCTD-HN

Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Tiếp theo)

22. Lãi/ lỗ thuần từ các hoạt động kinh doanh khác

	NĂM 2024	NĂM 2023
Thu nhập từ hoạt động khác	67.669	82.286
Chi phí từ hoạt động khác (*)	89.876	216.819
Lãi/ (lỗ) thuần từ các hoạt động kinh doanh khác	(22.207)	(134.533)

(*) Trong năm 2024, Ngân hàng đã xử lý các tài sản có khác theo phương án cơ cấu lại cho giai đoạn 2023-2025 định hướng đến năm 2030 đã được phê duyệt số tiền 28.054 triệu đồng.

23. Chi phí hoạt động

	NĂM 2024	NĂM 2023
1. Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	17.443	6.583
2. Chi phí cho nhân viên	955.516	652.446
Trong đó:		
<i>Chi lương và phụ cấp</i>	<i>881.971</i>	<i>583.614</i>
<i>Các khoản chi đóng góp theo lương</i>	<i>34.046</i>	<i>35.352</i>
<i>Chi trợ cấp</i>	<i>855</i>	<i>1.206</i>
<i>Chi khác cho nhân viên</i>	<i>38.644</i>	-
3. Chi về tài sản	330.871	236.877
<i>Trong đó: Khấu hao tài sản cố định</i>	<i>45.541</i>	<i>50.931</i>
4. Chi cho hoạt động quản lý công vụ (*)	256.489	227.699
<i>Công tác phí</i>	<i>10.523</i>	<i>7.671</i>
<i>Chi về các hoạt động đoàn thể của TCTD</i>	<i>141</i>	<i>304</i>
5. Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng	118.060	95.846
6. Chi phí dự phòng (<i>không tính chi phí dự phòng rủi ro tín dụng nội và ngoại bảng; chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán</i>) (**)	1.713.669	19.270
Tổng cộng	3.392.048	1.238.721

(*) Trong năm 2024, Ngân hàng đã xử lý các khoản chi phí hoạt động theo phương án cơ cấu lại cho giai đoạn 2023-2025 định hướng đến năm 2030 đã được phê duyệt số tiền 5.827 triệu đồng.
(**) Trong năm 2024, Ngân hàng đã xử lý các tài sản có khác theo phương án cơ cấu lại cho giai đoạn 2023-2025 định hướng đến năm 2030 đã được phê duyệt số tiền 1.726.888 triệu đồng.

24. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	NĂM 2024	NĂM 2023
1. Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	673	3.037
2. Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	175	-
3. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	848	3.037

VII. Thông tin bổ sung một số khoản mục trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

25. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024	31/12/2023
Tiền mặt và các khoản tương đương tiền tại quỹ	296.645	248.513
Tiền gửi tại NHNN	3.507.305	2.287.057
Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác (không kỳ hạn và kỳ hạn < 3 tháng)	15.073.929	8.460.903
Tổng cộng	18.877.879	10.996.473

VIII. Các thông tin khác

26. Tình hình thu nhập của cán bộ, công nhân viên

	NĂM 2024	NĂM 2023
Số lượng nhân viên ngày 31/12	2.085	1.973
I. Bình quân số cán bộ, công nhân viên	2.029	2.052
II. Thu nhập của cán bộ, công nhân viên		
1. Tổng quỹ lương	718.103	583.614
2. Tiền thưởng	-	-
3. Thu nhập khác	36.069	1.206
4. Tổng thu nhập (1+2+3)	754.172	584.820
5. Tiền lương bình quân (đồng/người/tháng)	29,49	23,70
6. Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	30,97	23,75

THUYẾT MINH BÁO CÁO
TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31
tháng 12 năm 2024
Mẫu số: B05/TCTD-HN
Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

VIII. Các thông tin khác (Tiếp theo)

27. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước

CHỈ TIÊU	SỐ DƯ ĐẦU NĂM	PHÁT SINH TRONG NĂM		SỐ DƯ CUỐI NĂM
		SỐ PHẢI NỘP	SỐ ĐÃ NỘP/ KHẤU TRỪ	
1. Thuế GTGT	690	21.184	19.872	2.002
2. Thuế TNDN	(720)	848	175	(47)
3. Các loại thuế khác	4.014	78.240	74.994	7.260
Tổng cộng	3.984	100.272	95.041	9.215

28. Loại hình và giá trị tài sản thế chấp của khách hàng

LOẠI TÀI SẢN ĐẢM BẢO	GIÁ TRỊ ĐẾN 31/12/2024	GIÁ TRỊ ĐẾN 31/12/2023
Bất động sản	50.925.990	66.997.326
Động sản	8.652.453	5.304.711
Giấy tờ có giá	18.336.041	19.642.936
Các tài sản đảm bảo khác	136.777.346	99.221.151
Tổng	214.691.830	191.166.124

29. Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra

CHỈ TIÊU	31/12/2024	31/12/2023
Bảo lãnh vay vốn	28.644	28.644
Cam kết giao dịch ngoại hối	13.317.723	4.438.665
Cam kết mua ngoại tệ	1.397.853	-
Cam kết bán ngoại tệ	889.543	72.765
Cam kết giao dịch hoán đổi	11.030.327	4.365.900
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	204.014	417.270
Cam kết thanh toán trong nghiệp vụ L/C	204.014	417.270
Các bảo lãnh khác	5.435.180	2.871.193
Bảo lãnh thanh toán	188.532	177.373
Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	567.794	417.431
Bảo lãnh dự thầu	63.418	23.051
Cam kết bảo lãnh khác	4.615.436	2.253.338
Các cam kết khác	8.838.410	4.442.664
Tổng cộng	27.823.971	12.198.436

30. Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch và số dư trọng yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

BÊN LIÊN QUAN	MỐI QUAN HỆ	TÍNH CHẤT GIAO DỊCH	PHÁT SINH TRONG NĂM	SỐ DƯ TẠI 31/12/2024 PHẢI THU/ (PHẢI TRẢ)
Ban điều hành	Thành viên chủ chốt	Lương, thưởng Ban Tổng Giám đốc	5.728	-
		Thù lao HĐQT, BKS	15.396	-

31. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau niên độ ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng cần được thuyết minh, công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

32. Mức độ tập trung theo khu vực địa lý của các tài sản, công nợ và các khoản mục ngoại bảng

	TỔNG DƯ NỢ CHO VAY KHÁCH HÀNG	TỔNG TIỀN GỬI	CÁC CAM KẾT TÍN DỤNG	CCTC PHÁT SINH (TỔNG GIÁ TRỊ GIAO DỊCH THEO HỢP ĐỒNG)	KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN
Trong nước	71.174.720	106.153.636	5.667.838	10.950.329	18.875.793
Ngoài nước	-	-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số: B05/TCTD-HN

Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

VIII. Các thông tin khác (Tiếp theo)

33. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Ngân hàng tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

	HOẠT ĐỘNG HUY ĐỘNG VÀ TÍN DỤNG	HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN	HOẠT ĐỘNG KHÁC	TỔNG CỘNG TOÀN NGÂN HÀNG
Thu nhập	2.636.567	2.927.979	233.107	5.797.653
Chi phí	4.974.428	2.378.921	180.346	7.533.695
Thu nhập thuần	(2.337.861)	549.058	52.761	(1.736.042)
Tài sản bộ phận	85.052.333	19.089.548	-	104.141.881
Tài sản không phân bổ				14.356.835
Tổng tài sản				118.498.716
Nợ phải trả bộ phận	110.469.429	86.313	-	110.555.742
Nợ phải trả không phân bổ				1.850.128
Tổng nợ phải trả				112.405.870

34. Quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro tài chính mà Ngân hàng phải chịu bao gồm rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường và rủi ro hoạt động.

34.1 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng, khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Rủi ro tín dụng phát sinh từ hoạt động cho vay và bảo lãnh dưới nhiều hình thức.

Ngân hàng cũng chịu các rủi ro tín dụng khác phát sinh từ các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ và các rủi ro khác trong hoạt động giao dịch của Ngân hàng (‘rủi ro giao dịch’), bao gồm các tài sản trên danh mục giao dịch không thuộc vốn chủ sở hữu, các công cụ phái sinh và số dư thanh toán với các đối tác.

Rủi ro tín dụng là rủi ro lớn nhất cho hoạt động kinh doanh của Ngân hàng; do đó Ban lãnh đạo quản lý rủi ro tín dụng cho Ngân hàng một cách rất cẩn trọng. Việc quản lý và kiểm soát rủi ro tín dụng được tập trung vào một bộ phận quản lý rủi ro tín dụng chịu trách nhiệm báo cáo thường xuyên cho Ban Tổng Giám Đốc và người đứng đầu mỗi đơn vị kinh doanh.

34.1.1 Đo lường rủi ro tín dụng xác định tổn thất và lập dự phòng

(a) Cho vay và bảo lãnh

Việc đo lường rủi ro tín dụng được thực hiện trước và trong thời gian cho vay.

Ngân hàng đã xây dựng các mô hình hỗ trợ việc định lượng rủi ro tín dụng. Các mô hình xếp hạng và chấm điểm này được sử dụng cho mọi danh mục tín dụng trọng yếu và hình thành cơ sở cho việc đo lường các rủi ro vi phạm thanh toán trước và trong khi cho vay.

Dựa trên việc đo lường trên, Ngân hàng phân loại các khoản vay và trích lập dự phòng theo Thông tư số 31 và Nghị định 86 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để đo lường và phân loại các khoản cho vay và bảo lãnh như đã trình bày trong Thuyết minh IV.11.

(b) Chứng khoán nợ

Các khoản đầu tư của Ngân hàng vào chứng khoán nợ là các công cụ nợ do Chính phủ và các tổ chức tín dụng và kinh tế có uy tín phát hành. Rủi ro tín dụng được ước tính theo từng khoản nợ cụ thể khi Ngân hàng đánh giá có sự thay đổi về rủi ro tín dụng của bên đối tác. Các khoản đầu tư vào các chứng khoán này được xem là cách để đảm bảo hoạch định chất lượng tín dụng tốt hơn và đồng thời duy trì nguồn tín dụng sẵn sàng để đáp ứng yêu cầu cấp vốn.

34.1.2 Các chính sách kiểm soát và giảm thiểu rủi ro tín dụng

Ngân hàng kiểm soát rủi ro tín dụng bằng việc áp dụng các hạn mức đối với các rủi ro (cho cả rủi ro nội bảng và rủi ro ngoại bảng) liên quan đến từng khách hàng vay vốn, hoặc nhóm khách hàng vay vốn theo đúng các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Thêm vào đó, rủi ro tín dụng cũng được kiểm soát thông qua việc rà soát định kỳ các nhóm tài sản thế chấp và phân tích khả năng trả nợ lãi và vốn của các khách hàng vay vốn và các khách hàng tiềm năng.

Ngân hàng có một số các chính sách và cách thức thực hành để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Cách thức truyền thống nhất là nắm giữ các tài sản đảm bảo cho các khoản tạm ứng vốn, một cách thức phổ biến. Các loại tài sản đảm bảo cho các khoản cho vay và ứng trước gồm có:

- Thế chấp đối với các bất động sản là nhà ở;
- Quyền đối với các tài sản hoạt động như trụ sở, máy móc thiết bị, hàng tồn kho, các khoản phải thu;
- Quyền đối với các công cụ tài chính như chứng khoán nợ và chứng khoán vốn.

Đối với các khoản cho vay có đảm bảo, tài sản thế chấp được định giá một cách độc lập bởi Ngân hàng với việc áp dụng các tỷ lệ chiết khấu cụ thể để xác định giá trị có thể cho vay tối đa. Tỷ lệ chiết khấu cho mỗi loại tài sản thế chấp được hướng dẫn trong Nghị định 86 của Chính phủ và được Ngân hàng điều chỉnh cho từng trường hợp cụ thể. Khi giá trị hợp lý của các tài sản thế chấp bị giảm, Ngân hàng sẽ yêu cầu khách hàng vay vốn phải thế chấp thêm tài sản để duy trì mức độ an toàn đối với rủi ro của khoản cho vay.

Rủi ro tín dụng đối với các cam kết chủ yếu bao gồm thư tín dụng và các hợp đồng bảo lãnh tài chính có tính chất tương tự như rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay. Thư tín dụng kèm chứng từ và thư tín dụng thương mại - là các cam kết bằng văn bản của Ngân hàng thay mặt cho khách hàng thanh toán cho bên thứ ba lên đến số tiền quy định theo các điều khoản và điều kiện cụ thể - được đảm bảo bằng chính hàng hóa liên quan và do đó rủi ro thấp hơn so với các khoản cho vay trực tiếp. Việc phát hành thư tín dụng và các hợp đồng bảo lãnh tài chính được thực hiện theo các quy trình đánh giá và phê duyệt tín dụng như đối với các khoản cho vay và tạm ứng cho khách hàng trừ khi khách hàng ký quỹ 100% cho các cam kết có liên quan.

34.2 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường phát sinh từ trạng thái mở của lãi suất, các sản phẩm tiền tệ và công cụ vốn, tất cả các sản phẩm này đều chịu tác động từ biến động trên thị trường nói chung và từng loại thị trường nói riêng và sự thay đổi của mức độ biến động của giá thị trường như: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31
tháng 12 năm 2024
Mẫu số: B05/TCTD-HN
Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

VIII. Các thông tin khác (tiếp theo)

34. Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

34.2. Rủi ro thị trường (tiếp theo)

34.2.1 Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính bị biến động do tác động của các thay đổi về lãi suất của thị trường. Ngân hàng quản lý rủi ro lãi suất thông qua việc kiểm soát mức chênh lệch lãi suất theo kỳ hạn hàng tháng.

Bảng dưới đây tóm tắt rủi ro lãi suất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

CHỈ TIÊU	QUÁ HẠN	KHÔNG CHỊU LÃI	ĐẾN 1 THÁNG	TỪ 1 ĐẾN 3 THÁNG	TỪ 3 ĐẾN 6 THÁNG	TỪ 6 ĐẾN 12 THÁNG	TỪ 1 ĐẾN 5 NĂM	TRÊN 5 NĂM	TỔNG
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	296.645	-	-	-	-	-	-	296.645
Tiền gửi tại NHNN	-	-	3.507.305	-	-	-	-	-	3.507.305
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	15.073.929	-	-	-	-	-	15.073.929
Cho vay khách hàng (*)	10.608.555	-	12.641.886	36.132.504	2.506.986	1.295.618	7.554.251	434.920	71.174.720
Chứng khoán đầu tư (*)	31.554	-	-	-	90.655	3.133.049	13.637.271	1.983.264	18.875.793
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	-	-	-	719.600	719.600
Tài sản cố định	-	922.110	-	-	-	-	-	-	922.110
Tài sản Có khác (*)	-	6.818.911	159.480	67.830	8.901	2.045.285	2.063.351	146.457	11.310.215
Tổng Tài sản	10.640.109	8.037.666	31.382.600	36.200.334	2.606.542	6.473.952	23.254.873	3.284.241	121.880.317
Nợ phải trả									
Tiền gửi và vay từ NHNN và các TCTD khác	-	-	10.036.450	-	-	-	-	-	10.036.450
Tiền gửi của khách hàng	-	-	18.436.403	12.565.520	16.139.921	9.728.223	39.246.798	321	96.117.186
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	26.844	78.732	(15.971)	(3.292)	-	-	86.313
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-	-	-	-	11.150	11.150
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	-	267.420	2.486.867	1.550.356	4.304.643
Các khoản nợ khác	-	664.117	668.457	193.050	94.055	50.657	167.725	12.067	1.850.128
Tổng Nợ phải trả	-	664.117	29.168.154	12.837.302	16.218.005	10.043.008	41.901.390	1.573.894	112.405.870
Mức chênh lệch nhạy cảm với lãi suất nội bảng	10.640.109	7.373.549	2.214.446	23.363.032	(13.611.463)	(3.569.056)	(18.646.517)	1.710.347	9.474.447
Các cam kết ngoại bảng có tác động tới mức độ nhạy cảm với lãi suất của các tài sản và công nợ (ròng)	-	14.755.617	-	-	-	-	-	-	14.755.617
Mức chênh lệch nhạy cảm với lãi suất nội, ngoại bảng	10.640.109	22.129.166	2.214.446	23.363.032	(13.611.463)	(3.569.056)	(18.646.517)	1.710.347	24.230.064

(*) Khoản mục này không bao gồm số dư dự phòng rủi ro.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31
tháng 12 năm 2024
Mẫu số: B05/TCTD-HN
Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

VIII. Các thông tin khác (tiếp theo)

34. Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

34.2. Rủi ro thị trường (tiếp theo)

34.2.1 Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

Bảng dưới đây tóm tắt rủi ro lãi suất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023:

CHỈ TIÊU	QUÁ HẠN	KHÔNG CHỊU LÃI	ĐẾN 1 THÁNG	TỪ 1 ĐẾN 3 THÁNG	TỪ 3 ĐẾN 6 THÁNG	TỪ 6 ĐẾN 12 THÁNG	TỪ 1 ĐẾN 5 NĂM	TRÊN 5 NĂM	TỔNG
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	248.513	-	-	-	-	-	-	248.513
Tiền gửi tại NHNN	-	-	2.287.057	-	-	-	-	-	2.287.057
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	8.460.903	-	-	-	-	-	8.460.903
Cho vay khách hàng (*)	14.748.039	-	9.305.505	21.823.781	1.140.822	2.931.410	5.366.135	28.567	55.344.259
Chứng khoán đầu tư (*)	288.260	-	1.700.000	300.000	-	2.009.146	4.953.987	4.138.291	13.389.684
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	-	-	-	719.600	719.600
Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư	-	785.746	-	-	-	-	-	-	785.746
Tài sản Có khác (*)	-	9.571.405	313.945	78.347	5.442	47.956	3.509.435	3.127.413	16.653.943
Tổng Tài sản	15.036.299	10.605.664	22.067.410	22.202.128	1.146.264	4.988.512	13.829.557	8.013.871	97.889.705
Nợ phải trả									
Tiền gửi và vay từ NHNN và các TCTD khác	-	-	9.030.301	-	-	-	-	-	9.030.301
Tiền gửi của khách hàng	-	-	15.023.502	13.917.829	22.859.439	9.876.595	15.172.834	15	76.850.214
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	992	17.055	8.360	-	-	-	26.407
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-	-	-	-	16.658	16.658
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	-	-	1.991.125	1.175.781	3.166.906
Các khoản nợ khác	-	257.712	455.321	414.482	255.149	157.658	519.188	4.831	2.064.341
Tổng Nợ phải trả	-	257.712	24.510.116	14.349.366	23.122.948	10.034.253	17.683.147	1.197.285	91.154.827
Mức chênh lệch nhạy cảm với lãi suất nội bảng	15.036.299	10.347.952	(2.442.706)	7.852.762	(21.976.684)	(5.045.741)	(3.853.590)	6.816.586	6.734.878
Các cam kết ngoại bảng có tác động tới mức độ nhạy cảm với lãi suất của các tài sản và công nợ (ròng)	-	8.037.427	-	-	-	-	-	-	8.037.427
Mức chênh lệch nhạy cảm với lãi suất nội, ngoại bảng	15.036.299	18.385.379	(2.442.706)	7.852.762	(21.976.684)	(5.045.741)	(3.853.590)	6.816.586	14.772.305

(*) Khoản mục này không bao gồm số dư dự phòng rủi ro.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31
tháng 12 năm 2024

Mẫu số: B05/TCTD-HN

Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

VIII. Các thông tin khác (Tiếp theo)

34. Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

34.2. Rủi ro thị trường (tiếp theo)

34.2.2 Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị biến động xuất phát từ biến động tỷ giá. Ngân hàng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền sử dụng là đồng Việt Nam. Đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng cũng là đồng Việt Nam. Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng của Ngân hàng chủ yếu bằng đồng Việt Nam và đô la Mỹ. Tuy nhiên, một số tài sản khác của Ngân hàng bằng ngoại tệ khác đồng Việt Nam và đô la Mỹ. Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng đã thiết lập hạn mức trạng thái cho từng loại tiền tệ. Trạng thái đồng tiền được giám sát hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Ngân hàng sử dụng để đảm bảo trạng thái đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Bảng dưới đây trình bày các tài sản và công nợ của Ngân hàng theo loại tiền tệ được quy đổi sang VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

CHỈ TIÊU	USD ĐƯỢC QUY ĐỔI	EUR ĐƯỢC QUY ĐỔI	CÁC NGOẠI TỆ KHÁC ĐƯỢC QUY ĐỔI	TỔNG
Tài sản				
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	55.460	115	151	55.726
Tiền gửi tại NHNN	18.175	-	-	18.175
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác (*)	505.289	6.872	20.443	532.604
Cho vay khách hàng (*)	673.807	-	-	673.807
Tài sản Có khác (*)	1.461	-	-	1.461
Tổng Tài sản	1.254.192	6.987	20.594	1.281.773
Nợ phải trả và Vốn chủ sở hữu				
Tiền gửi và vay từ NHNN và các TCTD khác	-	67	-	67
Tiền gửi của khách hàng	328.536	1.048	6.330	335.914
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	2.247.681	-	(772)	2.246.909
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-
Các khoản nợ khác	540	389	-	929
Vốn và các quỹ	-	-	-	-
Tổng Nợ phải trả và Vốn chủ sở hữu	2.576.757	1.504	5.558	2.583.819
Trạng thái tiền tệ nội bảng	(1.322.565)	5.483	15.036	(1.302.046)
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	508.310	-	-	508.310
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	(814.255)	5.483	15.036	(793.736)

(*) Khoản mục này không bao gồm số dư dự phòng rủi ro.

Bảng dưới đây trình bày các tài sản và công nợ của Ngân hàng theo loại tiền tệ được quy đổi sang VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2023:

CHỈ TIÊU	USD ĐƯỢC QUY ĐỔI	EUR ĐƯỢC QUY ĐỔI	CÁC NGOẠI TỆ KHÁC ĐƯỢC QUY ĐỔI	TỔNG
Tài sản				
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	23.875	124	110	24.109
Tiền gửi tại NHNN	35.568	-	-	35.568
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác (*)	367.905	2.674	11.822	382.401
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác (*)	-	265	-	265
Cho vay khách hàng (*)	210.582	-	-	210.582
Tài sản Có khác (*)	877	-	-	877
Tổng Tài sản	638.807	3.063	11.932	653.802
Nợ phải trả và Vốn chủ sở hữu				
Tiền gửi và vay từ NHNN và các TCTD khác	-	67	-	67
Tiền gửi của khách hàng	357.182	3.103	82	360.367
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	886.253	-	-	886.253
Các khoản nợ khác	28.852	-	-	28.852
Tổng Nợ phải trả và Vốn chủ sở hữu	1.272.288	3.170	82	1.275.540
Trạng thái tiền tệ nội bảng	(633.481)	(107)	11.850	(621.738)
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	(72.765)	-	-	(72.765)
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	(706.246)	(107)	11.850	(694.503)

(*) Khoản mục này không bao gồm số dư dự phòng rủi ro.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Mẫu số: B05/TCTD-HN
Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

VIII. Các thông tin khác (tiếp theo)

34. Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

34.2. Rủi ro thị trường (tiếp theo)

34.2.3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Ngân hàng không thể thực hiện được nghĩa vụ chi trả liên quan đến công nợ tài chính khi đến hạn và không có nguồn vốn thay thế khi khách hàng rút vốn. Hậu quả có thể dẫn đến việc Ngân hàng không còn khả năng thanh toán đối với người gửi tiền và không thực hiện được các cam kết cho vay. Ngân hàng quản lý rủi ro thông qua:

- Kiểm soát hoạt động huy động vốn và cho vay hàng ngày
- Duy trì danh mục đầu tư bao gồm các chứng khoán dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt
- Kiểm soát các chỉ số thanh khoản dựa trên báo cáo tình hình tài chính đảm bảo tuân thủ theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Bảng dưới đây tóm tắt các khoản tài sản và nợ của Ngân hàng theo nhóm kỳ hạn tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2024 đến ngày đáo hạn:

CHỈ TIÊU	QUÁ HẠN		TRONG HẠN					TỔNG
	TRÊN 3 THÁNG	ĐẾN 3 THÁNG	ĐẾN 1 THÁNG	TỪ 1 - 3 THÁNG	TỪ 3 - 12 THÁNG	TRÊN 1 NĂM	TRÊN 5 NĂM	
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	296.645	-	-	-	-	296.645
Tiền gửi tại NHNN	-	-	3.507.305	-	-	-	-	3.507.305
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	15.073.929	-	-	-	-	15.073.929
Chứng khoán kinh doanh (*)	-	-	-	-	-	-	-	-
Cho vay khách hàng (*)	399.355	10.209.200	1.728.549	6.434.186	14.940.488	24.309.029	13.153.913	71.174.720
Chứng khoán đầu tư (*)	-	31.554	-	-	3.223.704	12.290.610	3.329.925	18.875.793
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	-	-	719.600	719.600
Tài sản cố định	-	-	-	-	-	-	922.110	922.110
Tài sản Có khác (*)	-	-	168.313	73.990	2.068.333	2.063.225	6.936.354	11.310.215
Tổng Tài sản	399.355	10.240.754	20.774.741	6.508.176	20.232.525	38.662.864	25.061.902	121.880.317
Nợ phải trả								
Tiền gửi và vay từ các TCTD khác	-	-	10.036.450	-	-	-	-	10.036.450
Tiền gửi của khách hàng	-	-	18.508.944	12.492.980	25.212.153	39.902.556	553	96.117.186
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	21.763	29.177	35.373	-	-	86.313
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-	-	-	11.150	11.150
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	203.700	2.550.587	1.550.356	4.304.643
Các khoản nợ khác	-	-	1.000.914	377.242	444.243	24.029	3.700	1.850.128
Tổng Nợ phải trả	-	-	29.568.071	12.899.399	25.895.469	42.477.172	1.565.759	112.405.870
Mức chênh thanh khoản ròng	399.355	10.240.754	(8.793.330)	(6.391.223)	(5.662.944)	(3.814.308)	23.496.143	9.474.447

(*) Khoản mục này không bao gồm số dư dự phòng rủi ro.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31
tháng 12 năm 2024
Mẫu số: B05/TCTD-HN
Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam



VIII. Các thông tin khác (tiếp theo)

34. Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

34.2. Rủi ro thị trường (tiếp theo)

34.2.3. Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tóm tắt các khoản tài sản và nợ của Ngân hàng theo nhóm kỳ hạn tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2023 đến ngày đáo hạn:

CHỈ TIÊU	QUÁ HẠN		TRONG HẠN					TỔNG
	TRÊN 3 THÁNG	ĐẾN 3 THÁNG	ĐẾN 1 THÁNG	TỪ 1 - 3 THÁNG	TỪ 3 - 12 THÁNG	TRÊN 1 NĂM	TRÊN 5 NĂM	
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	248.513	-	-	-	-	248.513
Tiền gửi tại NHNN	-	-	2.287.057	-	-	-	-	2.287.057
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	8.460.903	-	-	-	-	8.460.903
Cho vay khách hàng (*)	11.037.201	3.710.838	2.443.448	3.167.185	14.691.229	11.563.148	8.731.210	55.344.259
Chứng khoán đầu tư (*)	-	288.261	1.700.000	300.000	2.009.146	4.890.716	4.201.561	13.389.684
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	-	-	719.600	719.600
Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-	785.746	785.746
Tài sản Có khác (*)	-	-	338.391	72.683	73.691	33.632	16.135.546	16.653.943
Tổng Tài sản	11.037.201	3.999.099	15.478.312	3.539.868	16.774.066	16.487.496	30.573.663	97.889.705
Nợ phải trả								
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	9.030.301	-	-	-	-	9.030.301
Tiền vay từ Chính phủ và NHNN	-	-	-	-	-	-	-	-
Tiền gửi của khách hàng	-	-	15.305.785	13.635.546	32.521.636	15.387.100	147	76.850.214
Các công cụ tài chính phải sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	992	17.055	8.360	-	-	26.407
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-	-	-	16.658	16.658
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	-	1.991.125	1.175.781	3.166.906
Các khoản nợ khác	-	-	892.642	574.411	572.133	12.577	12.578	2.064.341
Tổng Nợ phải trả	-	-	25.229.720	14.227.012	33.102.129	17.390.802	1.205.164	91.154.827
Mức chênh thanh khoản ròng	11.037.201	3.999.099	(9.751.408)	(10.687.144)	(16.328.063)	(903.306)	29.368.499	6.734.878

(*) Khoản mục này không bao gồm số dư dự phòng rủi ro.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31
tháng 12 năm 2024
Mẫu số: B05/TCTD-HN
Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

VIII. Các thông tin khác (Tiếp theo)

34. Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

34.3 Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính

Các tài sản tài chính và công nợ tài chính của Ngân hàng đang được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá tài sản. Do vậy, giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính và công nợ tài chính của Ngân hàng có thể có các khác biệt đối với giá trị hợp lý của chúng.

Hiện tại, Ngân hàng chưa thực hiện xác định giá trị hợp lý của tất cả các tài sản tài chính và công nợ tài chính của mình. Ngân hàng sẽ thực hiện việc trình bày giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính khi có các hướng dẫn chi tiết của các cơ quan quản lý.

35. Thông tin khác và thông tin về hoạt động liên tục

Triển khai “Đề án cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025” đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 689/QĐ-TTg ngày 08/6/2022 (“Đề án 689”), Ngân hàng đã ký kết hợp đồng dịch vụ tư vấn với Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (E&Y). Theo đó, E&Y đã thực hiện rà soát lại toàn bộ danh mục tài sản của Ngân hàng, xác định danh mục nợ xấu và tài sản tồn đọng trên quan điểm thận trọng, xây dựng giải pháp và lộ trình xử lý nợ xấu và các tài sản tồn đọng được nhận diện bao gồm: phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro; lộ trình cụ thể xử lý, thu hồi nợ và tài sản tồn đọng; xử lý lãi dự thu phải thoái thu, ... làm căn cứ để Ngân hàng xây dựng phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu ngân hàng giai đoạn 2023-2025 và định hướng đến năm 2030.

Trên cơ sở định hướng, giải pháp nêu tại Đề án 689, các văn bản chỉ đạo của NHNN và kết quả rà soát, đánh giá của E&Y, Ngân hàng đã xây dựng phương án cơ cấu lại giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030, trong đó trình bày cụ thể: (i) Kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế, khó khăn vướng mắc, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm trong việc triển khai PACCL 2019-2020; (ii) Đánh giá thực trạng hoạt động của Ngân hàng đến thời điểm 31/12/2022; (iii) Phương án cơ cấu lại Ngân hàng giai đoạn 2023-2025 và định hướng đến năm 2030 bao gồm quan điểm, mục tiêu cơ cấu lại cũng như các giải pháp cơ cấu lại và lộ trình thực hiện, trong đó bao gồm việc đề xuất cho phép Ngân hàng: thực hiện phân bổ dần việc trích lập dự phòng, thoái lãi dự thu trên cơ sở cân đối thu – chi, có kế hoạch thu hồi nợ đối với các khoản nợ cho vay phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5, có kế hoạch thu hồi các khoản đầu tư dài hạn theo lộ trình từng năm, có kế hoạch xử lý đối với các khoản tài sản gắn nợ chờ xử lý, tăng thêm vốn điều lệ nhằm nâng cao năng lực tài chính.

Ngân hàng đã trình NHNN về phương án cơ cấu lại giai đoạn 2023-2025 và định hướng đến năm 2030, và đã nhận được ý kiến phản hồi của NHNN ngày 07/02/2024. Theo đó, Ngân hàng đã rà soát các nội dung đã được NHNN có ý kiến, thực hiện phê duyệt và triển khai phương án cơ cấu lại này theo Nghị quyết số 1429/2024/NQ-HĐQT, 1430/2024/NQ-HĐQT ngày 28/06/2024 theo thẩm quyền và báo cáo NHNN.

Các nội dung theo phương án cơ cấu lại được phê duyệt đã được thực hiện trong năm 2024 cụ thể như sau:

KHOẢN MỤC	GIÁ TRỊ (TRIỆU ĐỒNG)
Thoái lãi dự thu cho vay và đầu tư chứng khoán nợ	2.796.462
Chi phí xử lý các khoản tài sản có khác	28.054
Chi phí hoạt động	5.827
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	28.606
Chi phí dự phòng rủi ro khác	1.726.888
Tổng cộng chi phí thực hiện theo PACCL (a)	4.585.837
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp sau thực hiện PACCL (b)	(5.128.938)
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp trước thực hiện PACCL (c=a+b)	(543.101)

Với phương án cơ cấu lại như đã trình bày, Ngân hàng luôn tin tưởng về khả năng hoạt động liên tục của Ngân hàng.

Ngoài các thông tin được trình bày theo PACCL nêu trên, Ngân hàng không có bất kỳ các khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết, hay bất kỳ thông tin có liên quan nào khác kể từ ngày kết thúc năm tài chính này yêu cầu phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hà Nội, ngày 28 tháng 2 năm 2025

Đỗ Quỳnh Trang
Người lập bảng

Bùi Thị Khánh Vân
Kế toán trưởng

Tạ Kiều Hưng
Tổng Giám đốc

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT

Đánh giá của HĐQT các mặt hoạt động của NCB

Về triển khai kế hoạch kinh doanh năm 2024

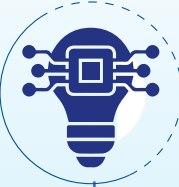
Bảng 1: Tình hình thực hiện các chỉ tiêu ĐHCĐ giao năm 2024

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KHKD2024	THỰC HIỆN	THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH	% THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH
1	Tổng tài sản	Tỷ đồng	105.892	118.559	12.667	112%
2	Huy động khách hàng	Tỷ đồng	86.050	100.489	14.439	117%
3	Cho vay khách hàng	Tỷ đồng	64.344	71.175	6.831	111%
4	Quy mô khách hàng	Khách hàng	1.150.000	1.346.000	196.000	117%
5	Lũy kế khách hàng sử dụng App iziMobile	Khách hàng	595.051	636.517	41.466	107%
6	Lũy kế số lượng thẻ tín dụng	Thẻ	31.991	31.571	(420)	99%
7	Tiền gửi không kỳ hạn (CASA)	Tỷ đồng	6.075	9.340	3.265	154%
8	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	NCB cam kết dùng toàn bộ nguồn thu để thực hiện nghĩa vụ theo PACCL		(5.140)	

Năm 2024 NCB đã hoàn thành và vượt các chỉ tiêu kế hoạch do ĐHCĐ giao. Cụ thể: tổng tài sản đạt 118.559 tỷ đồng tương đương 112% kế hoạch; tổng dư nợ cho vay đạt 111% kế hoạch; huy động vốn từ dân cư đạt 117% kế hoạch; CASA tăng trưởng 54% so với năm 2024, góp phần tối ưu hóa chi phí vốn; quy mô khách hàng đạt 117% so với kế hoạch cả năm và tăng trưởng 34,6% so với cuối 2023; số lượng Khách hàng dùng App IziMobile tăng đáng kể đạt 107% kế hoạch. Các con số tăng trưởng tích cực liên tiếp trong năm qua là minh chứng cho thấy chất lượng sản phẩm, dịch vụ của NCB ngày càng đạt tiêu chuẩn cao hơn và được đông đảo khách hàng yêu thích, tin tưởng lựa chọn. Trong năm 2024, NCB thực hiện đúng theo phương án cơ cấu lại (PACCL) đã báo cáo NHNN và được cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật, Điều lệ NCB. Với các giải pháp đúng đắn, quyết liệt được triển khai năm 2024, NCB đã từng bước khắc phục các vấn đề tồn tại và nâng cao hiệu quả hoạt động. Trên nền tảng vững chắc này, Ngân hàng sẽ tiếp tục đẩy mạnh các giải pháp tối ưu nhằm mở rộng thị phần và phát triển bền vững trong thời gian tới.

Năm 2024 NCB đã hoàn thành và vượt các chỉ tiêu kế hoạch do ĐHCĐ giao
Cụ thể: tổng tài sản đạt 118.559 tỷ đồng tương đương 112% kế hoạch.

Chuyển đổi số



Tiếp nối định hướng chiến lược “**Digital Wealth – Quản lý Gia sản hỗn hợp Số**” đã được phê duyệt, năm 2024 đánh dấu giai đoạn khởi đầu quan trọng trong quá trình triển khai chiến lược phát triển ngân hàng. Việc hoàn tất công tác thiết kế tổng thể đã tạo nền tảng vững chắc cho các bước triển khai tiếp theo. Trọng tâm của giai đoạn này là đánh giá toàn diện hoạt động kinh doanh Wealth tại Việt Nam, phân tích cơ hội thị trường của NCB, đồng thời hoàn thiện thiết kế chi tiết và lập kế hoạch triển khai cho giai đoạn xây dựng. Trong năm 2024, Ngân hàng tiếp tục triển khai và hoàn thành thành công nhiều dự án chuyển đổi số quan trọng như AI/ML (nền tảng trí tuệ nhân tạo và máy học), DE (Decision Engine – hệ thống ra quyết định thông minh), Data Platform (hệ thống quản trị dữ liệu tập trung), Dự án CRM (quản lý quan hệ khách hàng), LOS (hệ thống phê duyệt tự động), API Hub (triển khai trên nền tảng Google Cloud) đã góp phần mạnh mẽ vào chiến lược phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động. Các dự án này không chỉ thúc đẩy hiệu suất vận hành mà còn khẳng định cam kết của Ngân hàng trong việc tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số, nâng cao hiệu quả hoạt động và cải thiện chất lượng dịch vụ khách hàng.

Sắp xếp, tối ưu mạng lưới



Năm 2024, NCB tiếp tục sắp xếp, tối ưu hóa mạng lưới kinh doanh, tập trung khai thác tại các thị trường hiệu quả. Ngân hàng đã chuyển Chi nhánh Cà Mau về tỉnh Hà Nam, thành lập Chi nhánh Hà Nam để thúc đẩy kinh tế khu vực. Đồng thời, trên cơ sở đánh giá hiệu quả khai thác khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME), NCB đã tạm dừng mảng SME tại một số chi nhánh kém hiệu quả và đẩy mạnh mảng SME tại các đơn vị tiềm năng như NCB Đồng Đa, NCB Hoàn Kiếm. Dự kiến năm 2025, NCB sẽ mở rộng mảng SME tại Hà Nam và Thanh Hóa.

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT (TIẾP THEO)

Đánh giá của HĐQT các mặt hoạt động của NCB

Công tác xử lý nợ xấu



Công tác thu hồi và xử lý tài sản tồn đọng là một trong những nhiệm vụ đặc biệt ưu tiên trong chiến lược phát triển ngân hàng. HĐQT phân công trực tiếp Thành viên HĐQT chuyên trách, đồng thời Chủ tịch HĐQT trực tiếp chỉ đạo, định hướng và giám sát công tác thu hồi xử lý các tài sản tồn đọng, đảm bảo triển khai quyết liệt, đồng bộ, linh hoạt các giải pháp để thu hồi triệt để nợ tồn đọng từ nhiều năm trước theo đúng lộ trình tại PACCL. Với sự vào cuộc quyết liệt của HĐQT và cả hệ thống, NCB đã xử lý thành công một số khoản nợ xấu lớn kéo dài nhiều năm.

Quản trị rủi ro



NCB thực hiện quản trị rủi ro trên nguyên tắc cân bằng tối ưu giữa kiểm soát rủi ro và hỗ trợ kinh doanh. Trong năm 2024, NCB đã cập nhật chính sách quản lý rủi ro và khẩu vị rủi ro để định hướng, nhận diện đầy đủ các rủi ro đối với hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Nguyên tắc, cơ chế quản lý, các ngưỡng, giới hạn kiểm soát các rủi ro trọng yếu được thiết lập và giám sát liên tục phù hợp với việc triển khai Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2023– 2025, định hướng đến năm 2030 của NCB. Văn hóa quản trị rủi ro được đẩy mạnh thông qua các chương trình đào tạo và cảnh báo định kỳ, góp phần nâng cao nhận thức và chủ động kiểm soát rủi ro trong toàn hệ thống. Nhìn chung, công tác quản trị rủi ro của NCB trong năm 2024 đã góp phần nâng cao khả năng nhận diện, kiểm soát rủi ro và hỗ trợ hoạt động kinh doanh ổn định, bền vững.

Hệ thống kiểm soát nội bộ



HĐQT xác định việc nâng cao chất lượng hệ thống kiểm soát nội bộ (KSNB) là mục tiêu chiến lược, triển khai theo lộ trình từ năm 2023. Trong năm 2024, NCB đã đạt nhiều kết quả quan trọng trong việc kiện toàn hệ thống KSNB, cơ cấu quản trị được điều chỉnh linh hoạt, hệ thống quy trình kiểm soát nội bộ được hoàn thiện, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển dài hạn.

Triển khai Phương án cơ cấu lại



Trong năm 2024, NCB đã triển khai đồng bộ các giải pháp theo lộ trình của PACCL và đạt được những kết quả đáng ghi nhận: Hoàn thành tăng vốn điều lệ thêm 6.178 tỷ đồng, nâng mức vốn điều lệ của NCB lên gần 11.780 tỷ đồng; Kết quả thu hồi, xử lý nợ đạt 130% kế hoạch năm 2024 đã được xây dựng tại PACCL, kết hợp với triển khai giải pháp bán nợ cho VAMC; Hoàn thành trích lập dự phòng, thoái lui dự thu để xử lý các tồn đọng cũ theo đúng lộ trình tại PACCL được phê duyệt, cấu trúc lại hệ thống mạng lưới theo hướng hiệu quả,... đánh dấu bước tiến quan trọng để tiếp tục bám sát, thực hiện thành công PACCL, hướng tới hoạt động an toàn, hiệu quả và phát triển bền vững.

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của BDH

Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị (HĐQT) đối với Ban điều hành (BDH) được thực hiện nghiêm túc theo quy chế quản trị nội bộ của Ngân hàng. HĐQT đã triển khai các công việc giám sát đối với BDH thông qua các hình thức họp định kỳ, họp chuyên đề, báo cáo định kỳ như: họp với BDH theo các chuyên đề, họp giao ban kinh doanh hàng tháng, họp sơ kết sáu (06) tháng và tổng kết năm, báo cáo định kỳ hàng tháng tình hình thực hiện Nghị quyết/Quyết định HĐQT. Trong các cuộc họp với HĐQT, BDH đã báo cáo về tình hình thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đã được HĐQT, ĐHĐCĐ giao, kết quả hoạt động trong kỳ kinh doanh và kế hoạch triển khai kỳ tiếp theo. Tại các cuộc họp, HĐQT đã phân tích, đánh giá tình hình và đưa ra các chỉ đạo định hướng cho BDH nhằm đảm bảo việc thực hiện đúng các chỉ tiêu, kế hoạch đã được giao.

HĐQT đã giám sát và chỉ đạo BDH thực hiện mọi mặt hoạt động của Ngân hàng theo đúng định hướng, mục tiêu và chiến lược đã đề ra. BDH đã nghiêm túc bám sát các mục tiêu và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được ĐHĐCĐ và HĐQT giao.

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị của công ty

Công tác quản trị ngân hàng tuân thủ các quy định pháp luật về quản trị doanh nghiệp đối với công ty đại chúng và niêm yết (gồm: Luật các TCTD, Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán, Thông tư 96/2020/TT-BTC hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành) và Quy chế quản trị nội bộ công ty.



CHƯƠNG

03

BỨT PHÁ

Trong năm 2025, con tàu vũ trụ NCB sẽ bắt đầu vào kỷ nguyên mới với trọng tâm nâng cấp chất lượng dịch vụ, đẩy mạnh chuyển đổi số và nâng cao năng lực tài chính. Với niềm tin và tình yêu không ngừng được vun đắp, tinh thần đoàn kết và quyết tâm cao - sợi dây xuyên suốt gắn kết người NCB, nhưng đặt trong vận hội mới, chúng tôi sẽ làm nên những bước tiến tiên phong trên thị trường bằng sức mạnh của sự sáng tạo, đổi mới. Cùng nhau, chúng ta sẽ chinh phục kỷ nguyên của hạnh phúc và thịnh vượng.

MỞ KỶ NGUYÊN MỚI

READY!

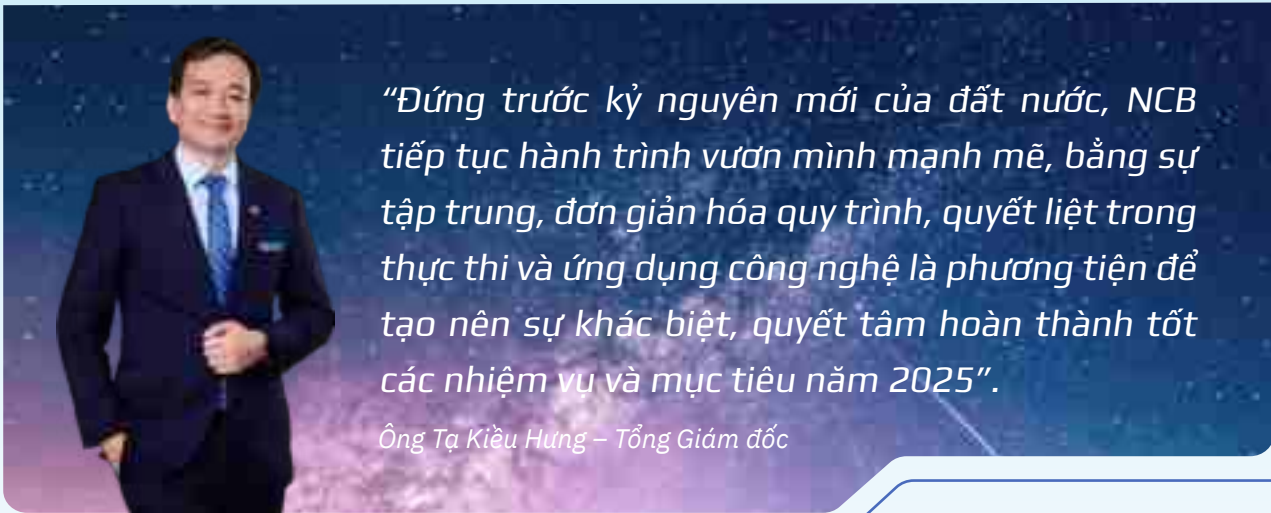


DẪN LỐI TIỀN PHONG

001



VIỄN KIẾN TƯƠNG LAI



“Đứng trước kỷ nguyên mới của đất nước, NCB tiếp tục hành trình vươn mình mạnh mẽ, bằng sự tập trung, đơn giản hóa quy trình, quyết liệt trong thực thi và ứng dụng công nghệ là phương tiện để tạo nên sự khác biệt, quyết tâm hoàn thành tốt các nhiệm vụ và mục tiêu năm 2025”.

Ông Tạ Kiều Hưng – Tổng Giám đốc

Con tàu vũ trụ mang số hiệu NCB bước vào giai đoạn tăng tốc với sản phẩm chiến lược về Digital Wealth sẽ ra mắt trong năm 2025 (Super App). Không chỉ đánh dấu cột mốc quan trọng trong lộ trình hiện thực hóa chiến lược mới, Super App còn được kỳ vọng trở thành “động cơ phản lực” nâng tầm vị thế của NCB trên bản đồ tài chính số trong hành trình tiên phong dẫn lối vào kỷ nguyên mới.

Sản phẩm chiến lược Super App được xây dựng và phát triển dựa trên ba trụ cột then chốt:



Đầu tư và tiết kiệm:

Cung cấp danh mục sản phẩm đa dạng, giúp khách hàng tối ưu dòng tiền và xây dựng chiến lược tài chính bền vững.



Cho vay:

Đáp ứng nhanh chóng nhu cầu tài chính cá nhân và cung cấp giải pháp đòn bẩy hiệu quả cho các kế hoạch đầu tư.



Thanh toán và tiêu dùng:

Tích hợp hệ sinh thái tài chính, nâng cao trải nghiệm giao dịch và tối ưu hóa lợi ích tiêu dùng.

Ngoài ra, sự kết hợp giữa công nghệ **GenAI** và **hệ thống dữ liệu thông minh** giúp Super App tối ưu tốc độ xử lý và tính cá nhân hóa. Thay vì bị phân tán giữa nhiều kênh tài chính riêng lẻ, khách hàng có thể theo dõi hiệu quả đầu tư, điều chỉnh chiến lược tức thời và tận dụng tối đa cơ hội đầu tư trên một nền tảng duy nhất. Sự tiện lợi và nhất quán này sẽ tạo động lực thu hút thêm nhiều khách hàng tham gia thị trường tài chính, góp phần mở rộng quy mô nền kinh tế số của Việt Nam.

Với chiến lược đổi mới mạnh mẽ và đột phá, Super App chính là tuyên ngôn khẳng định vị thế khác biệt của NCB trong kỷ nguyên số. Bằng việc tối ưu những giải pháp công nghệ trên hành trình phát triển ứng dụng ngân hàng số, NCB đặt nền móng vững chắc cho thể hệ dịch vụ tài chính thông minh, hiện đại, đáp ứng trọn vẹn nhu cầu và kỳ vọng của khách hàng.



BẢN LĨNH TÀI CHÍNH

Năng lực tài chính

Bước vào giai đoạn tăng tốc để bứt phá quỹ đạo, NCB không ngừng củng cố nguồn năng lượng tài chính, đảm bảo khả năng vận hành ổn định và sẵn sàng chinh phục những không gian phát triển mới.

- NCB đặt mục tiêu tiếp tục tăng vốn điều lệ thêm 7.500 tỷ đồng nhằm củng cố và ổn định năng lực tài chính, đáp ứng nhu cầu về mở rộng quy mô kinh doanh và phát triển tối đa các nguồn lực;
- Ưu tiên đảm bảo thanh khoản và các chỉ số an toàn hoạt động ngân hàng, giữ vững ổn định, an toàn hệ thống, bảo đảm công khai, minh bạch, phát triển lành mạnh và bền vững;
- Kiên định triển khai chiến lược Chuyển đổi số và đầu tư công nghệ, quản trị rủi ro.

Các Chỉ số Tài chính trọng tâm 2025

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2025	GHI CHÚ
1	Tổng Tài sản	Tỷ đồng	135.500	Tăng trưởng 14,6%
2	Huy động khách hàng	Tỷ đồng	118.500	Tăng trưởng 23,2%
3	Cho vay khách hàng	Tỷ đồng	92.528	Tăng trưởng 30%
4	Quy mô khách hàng	Khách hàng	424.000	Số lượng tăng thêm so với 2024
5	Tiền gửi không kỳ hạn (CASA)	Tỷ đồng	7.586	Tăng trưởng 56%
6	Lợi nhuận trước thực hiện PACCL	Tỷ đồng	59	NCB cam kết dùng toàn bộ nguồn thu để thực hiện PACCL
7	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	19.280	2025: Tăng vốn 7.500 tỷ đồng

Hoạt động kinh doanh của Khối KHCN

Năm 2025, Khối Khách hàng cá nhân đặt mục tiêu hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2025 trong 9 tháng đầu năm với các con số cụ thể:

Huy động có kỳ hạn bình quân đạt:

104.224 Tỷ đồng

Huy động không kỳ hạn bình quân đạt:

3.838 Tỷ đồng

Cho vay bình quân đạt:

4.729 Tỷ đồng

Doanh số giải ngân đạt:

10.000 Tỷ đồng

Doanh thu phí đạt:

233 Tỷ đồng

BẢN LĨNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Hoạt động kinh doanh của Khối KHDN

Trong quỹ đạo chuyển đổi mạnh mẽ của con tàu NCB với động lực cốt lõi là phát triển bền vững, Khối KHDN tập trung tối ưu hóa nguồn lực, hướng tới phát triển chiều sâu về chất lượng tăng trưởng, nâng cao năng lực quản trị rủi ro. Điều này đồng nghĩa với việc hoàn thiện hệ sinh thái sản phẩm, dịch vụ theo hướng tinh gọn, hiệu quả, gia tăng tỷ trọng thu phí dịch vụ. Ngoài ra, việc đẩy mạnh thu hồi nợ xấu, kiểm soát chặt chẽ để hạn chế phát sinh nợ quá hạn mới cũng là những mục tiêu được nhấn mạnh.

Năm 2025, Khối KHDN xác định rõ các “tọa độ trọng tâm” – những nhóm khách hàng chiến lược được ưu tiên phục vụ, bao gồm:

- ♦ Khách hàng là đối tác có quan hệ lâu dài, đồng quan điểm định hướng kinh doanh với NCB, nơi NCB đã tích lũy lợi thế am hiểu sâu sắc và có ưu thế phục vụ;
- ♦ Khách hàng thực hiện các gói thầu từ ngân sách nhà nước, ODA;
- ♦ Khách hàng là nhà thầu của các doanh nghiệp lớn;
- ♦ Khách hàng thuộc các ngành sản xuất mặt hàng ưu tiên, nơi NCB có am hiểu và ưu thế phục vụ;
- ♦ Doanh nghiệp lớn có kết quả tài chính minh bạch, có Báo cáo tài chính được kiểm toán bởi các tổ chức uy tín.

Việc tập trung khai thác những “tọa độ vàng” này không chỉ giúp NCB gia tăng tỷ lệ CASA, mà còn thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động thanh toán quốc tế và tăng thu phí dịch vụ, củng cố vững chắc “hệ sinh thái tài chính” của con tàu NCB trên hành trình phát triển bền vững.

Hoạt động kinh doanh của Khối NV&TTTC

Năm 2025 được định vị là một năm nhiều cơ hội và thách thức của hoạt động kinh doanh NV & TTTC để thực hiện mục tiêu trọng tâm:

- 01 Đảm bảo an toàn thanh khoản tuyệt đối
- 02 Khai thác triệt để hiệu quả kinh doanh nguồn vốn
- 03 Tăng trưởng vượt trội trong hoạt động kinh doanh sản phẩm thị trường tài chính (FX Sales)

Với việc không ngừng cải tiến bộ công cụ báo nguồn và cân đối vốn, mục tiêu thanh khoản sẽ luôn được đảm bảo an toàn và tối ưu. Việc đa dạng hóa đối tác và đa dạng hóa sản phẩm giao dịch sẽ là kim chỉ nam cho hoạt động kinh doanh nguồn vốn. Cùng đó, chìa khóa cho thành công là bám sát diễn biến tỷ giá, lãi suất. Về sản phẩm thị trường tài chính, NCB đặt mục tiêu mở rộng mạng lưới kênh thanh toán và đem tới giải pháp thanh toán hiệu quả.



BẢN LĨNH CÔNG NGHỆ

NCB đặt mục tiêu tăng tốc trên hành trình số hóa trong năm 2025, với trọng tâm là các giải pháp bảo mật, hạ tầng số, phân tích dữ liệu và số hóa các sản phẩm dịch vụ. Các dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2025, bao gồm:

Nâng cao năng lực bảo vệ các hệ thống công nghệ, bảo vệ dữ liệu của ngân hàng và khách hàng thông qua việc triển khai nhóm các dự án như: SDWan, XDR giai đoạn 2, DLP, AntiDDos, APT, AML,...

Hoàn thành và đưa vào vận hành nền tảng dữ liệu tập trung với mô hình thiết kế dữ liệu linh hoạt và hiệu quả

Tiếp tục nâng cấp và hoàn thiện các dịch vụ ngân hàng trên kênh số

Với chiến lược nâng cao năng lực số hóa toàn diện của ngân hàng, con tàu vũ trụ NCB không chỉ hướng tới xây dựng hệ thống an toàn - linh hoạt - hiệu quả, mà còn từng bước chinh phục niềm tin của khách hàng bằng trải nghiệm số hóa vượt trội, mở đường cho những hành trình phát triển mạnh mẽ trong tương lai.

TIỀN PHONG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ

Sản phẩm và dịch vụ của Khối KHCN



"2025 NCB tập trung phát triển tín dụng bền vững, nâng cao trải nghiệm khách hàng, hướng tới khách hàng cá nhân có thu nhập tốt ở các đô thị lớn".

Ông Nguyễn Đức Việt - Phó Giám đốc Khối KHCN

Với mục tiêu chinh phục khách hàng phân khúc cao bằng trải nghiệm dịch vụ mượt mà và sản phẩm linh hoạt, trong năm 2025, NCB sẽ tập trung vào các sản phẩm, dịch vụ sau:

- Sản phẩm tín dụng: Vay mua BĐS 020, Vay kinh doanh 039, Vay tiêu dùng 055 liên tục điều chỉnh chính sách để linh hoạt theo thị trường;
- Mở rộng mạng lưới cửa hàng/hộ kinh doanh và cung cấp thiết bị soundbox;
- Dịch vụ trả góp trên ứng dụng iziMobile;
- Ra mắt tính năng mở thẻ phê duyệt trước và phê duyệt ngay trên ứng dụng iziMobile;
- Kết nối dịch vụ bán vé máy bay và Data trên ứng dụng iziMobile;
- Liên kết bán vé dịch vụ Sun World trên toàn quốc.



TIỀN PHONG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ

(TIẾP THEO)

Sản phẩm và dịch vụ của Khối KHDN

Khách hàng lớn

Với quỹ đạo phát triển mới, con tàu NCB hướng đến việc tập trung tài trợ các dự án trọng điểm quốc gia, nâng cao vị thế ngân hàng đồng hành cùng sự phát triển kinh tế - xã hội thông qua các sản phẩm tài chính linh hoạt, tích hợp chuyển đổi số.

- Phát triển sản phẩm tài chính chuyên biệt:
 - Phát triển sản phẩm tài trợ vốn trung dài hạn cho các tập đoàn, tổng công ty trong lĩnh vực hạ tầng, sản xuất công nghiệp;
 - Mở rộng các gói sản phẩm bảo lãnh, tài trợ thương mại phục vụ doanh nghiệp xuất nhập khẩu;

SMEs

Để nâng cao trải nghiệm người dùng và chất lượng sản phẩm cung cấp cho khách hàng, Khối KHDN tập trung triển khai cải thiện các sản phẩm hiện có và triển khai xây dựng các sản phẩm mới như sau:

- Đối với các sản phẩm ngân hàng điện tử: Triển khai đưa các luồng tính năng lên ứng dụng (chuyển khoản, thanh toán hóa đơn, mở/rút hợp đồng tiền gửi), phát triển các tính năng phân hệ tiền vay bao gồm giải ngân, phát hành bảo lãnh online, mua bán ngoại tệ, chuyển tiền quốc tế online, chuyển ngoại tệ nội địa,...
- Song song với việc cải tiến các sản phẩm ngân hàng điện tử, Khối KHDN triển khai xây dựng mới các sản phẩm tín dụng đồng thời ban hành các chương trình, chiến dịch bán để thúc đẩy sản phẩm theo hướng các sản phẩm được xây dựng riêng cho các doanh nghiệp thuộc nhóm ngành nghề, lĩnh vực trọng tâm khác nhau theo định hướng kinh doanh
 - Ngành sản xuất - chế biến ứng dụng công nghệ cao, sản xuất tại các khu công nghiệp, các khách hàng FDI thuộc các lĩnh vực thực phẩm, đồ uống, dệt may, phân bón hóa chất,...
 - Ngành xây lắp thực hiện các công trình có vốn ngân sách nhà nước, nhóm doanh nghiệp thuộc chuỗi cung ứng của các Tập đoàn/doanh nghiệp lớn, có uy tín.
 - Ngành sản xuất - thương mại phục vụ cho các hoạt động xuất khẩu.

- Thiết kế giải pháp tài chính toàn diện xuyên suốt đáp ứng nhu cầu vốn các thời điểm, giai đoạn, phục vụ chuỗi hoạt động kinh doanh trong quá trình phát triển của khách hàng lớn.
- Triển khai các gói tín dụng ưu đãi dành cho doanh nghiệp tham gia dự án trọng điểm quốc gia;
- Triển khai nền tảng số tài trợ chuỗi cung ứng (SCF), tối ưu hóa dòng tiền, rút ngắn chu kỳ thanh toán và nâng cao hiệu quả quản lý vốn lưu động.

- Chế biến nông sản (gạo, tiêu, điều,...), các doanh nghiệp kinh doanh thương mại nông sản hoạt động có hiệu quả.
- Nhóm ngành ứng dụng chuyển dịch năng lượng xanh như năng lượng tái tạo, tái chế pin, nước sạch,...

Khối KHDN cũng xây dựng và ra mắt trong 2025 sản phẩm mới tài trợ các doanh nghiệp hoạt động trong các Khu công nghiệp/Cụm công nghiệp với điểm nhấn là chính sách nhận TSBĐ – Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng cho thuê/thuê lại đất – mở rộng cánh cửa tiếp cận vốn vay, giúp doanh nghiệp giải quyết được bài toán thiếu hụt TSBĐ. Ban hành các sản phẩm mới về tài khoản vốn đầu tư nước ngoài, tài trợ thương mại nhằm thu hút các nhà đầu tư nước ngoài, hỗ trợ các doanh nghiệp FDI mở rộng hoạt động tại thị trường Việt Nam. Trong năm 2025, Khối KHDN cũng tập trung xây dựng các chính sách ưu đãi bao gồm cả cơ chế về giá hướng tới các nhóm ngành ưu tiên như sản xuất, chế biến, xây lắp, xăng dầu,...

Với các giải pháp về sản phẩm, dịch vụ dành cho khách hàng linh hoạt, ưu việt, NCB hướng tới được thị trường ghi nhận là ngân hàng mang tới giải pháp tài chính, số hóa tài chính hiện đại và thuận tiện hàng đầu thị trường dành cho Khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Sản phẩm và dịch vụ của Khối NV&TTTC

“Không ngừng cải tiến các sản phẩm hiện hữu, đo ni đóng giày với từng tệp khách hàng”.

“Không ngừng cải tiến các sản phẩm hiện hữu, đo ni đóng giày với từng tệp khách hàng” là mục tiêu sản phẩm thị trường tài chính (FX Sales) của NCB năm 2025. Tiếp nối thành công hoàn thiện cải cách các sản phẩm hiện hữu dành cho khách hàng cá nhân, trong năm 2025, NCB tiếp tục định hướng tập trung cải tiến các sản phẩm kinh doanh ngoại hối dành cho khách hàng doanh nghiệp với mục tiêu tối ưu hóa nguồn vốn và tỷ giá, mang đến giải pháp tài chính toàn diện, tích hợp cho khách hàng.

Đối với phân khúc khách hàng cá nhân, NCB tiếp tục xây dựng hành trình trải nghiệm số hóa toàn diện bằng cách đưa các sản phẩm ngoại hối lên nền tảng số như iZiMobile và các app thanh toán liên kết. Với việc sớm hoàn thiện và đi vào sử dụng hệ thống giao dịch liên ngân hàng (Treasury system), các hoạt động kinh doanh nguồn vốn và kinh doanh sản phẩm thị trường tài chính sẽ được khai thác triệt để, linh hoạt, đảm bảo tuân thủ các quy định cũng như không ngừng áp dụng công nghệ thông tin để giảm thiểu rủi ro, tăng cường hiệu quả phân tích và quản trị.



CHINH PHỤC KỶ NGUYÊN CHUYỂN ĐỔI SỐ



“Tận dụng sức mạnh dữ liệu, AI, số hóa và tự động hóa nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng, tối ưu hiệu quả và định hình tương lai dịch vụ tài chính tại NCB”.

Ông Ganesh Viswamani – Giám đốc Khối Dữ liệu và Chuyển đổi số

Bước vào năm 2025, Khối Dữ liệu & Chuyển đổi số không chỉ tiếp tục triển khai các dự án số hóa quy mô và toàn diện mà còn định hình tương lai của con tàu NCB tiến sâu hơn vào vùng không gian số, nơi công nghệ tiên tiến sẽ mở ra những chân trời mới cho dịch vụ ngân hàng.

Trọng tâm đầu tiên là nâng cấp hạ tầng dữ liệu toàn diện để đảm bảo khả năng lưu trữ, xử lý và phân tích dữ liệu lớn. Chúng tôi sẽ đầu tư vào Cloud Computing, Microservices và nền tảng API để tăng tốc việc phát triển sản phẩm và hệ thống. Việc thắt chặt bảo mật dữ liệu và tuân thủ các tiêu chuẩn về quyền riêng tư sẽ đảm bảo tính an toàn và bền vững cho toàn hệ thống. Đồng thời, hệ thống AI/ML và Decision Engine sẽ được ứng dụng để khai thác dữ liệu, dự đoán xu hướng và hỗ trợ ra quyết định, giúp tối ưu vận hành và nâng cao trải nghiệm khách hàng.

Kế tiếp, số hóa và tự động hóa quy trình nội bộ sẽ tiếp tục được đẩy mạnh nhằm nâng cao hiệu suất vận hành và tối ưu nguồn lực. Các nền tảng như CRM, LOS và Super App sẽ tiếp tục được xây dựng và nâng cấp để mang đến trải nghiệm linh hoạt, thuận tiện hơn cho khách hàng. Việc hợp tác với các công ty công nghệ tài chính (fintech) và các công ty khởi nghiệp (startup) cũng sẽ giúp chúng tôi đem lại các giải pháp sáng tạo, mở rộng hệ sinh thái số để đáp ứng nhanh chóng nhu cầu của thị trường.

NCB sẽ tập trung vào mô hình tương tác đa kênh (website, ứng dụng di động, mạng xã hội) và trí tuệ nhân tạo để phân tích hành vi cũng như phản hồi của khách hàng. Từ những kết quả này, các giải pháp cá nhân hóa sẽ được triển khai để liên tục cải tiến chất lượng dịch vụ. Ngoài ra, chúng tôi còn tối ưu hóa chi phí bằng việc tận dụng hạ tầng sẵn có và ứng dụng công cụ phân tích để nâng cao hiệu suất mà vẫn đáp ứng nhu cầu phát triển.

BẢN LĨNH QTRR VÀ KIỂM SOÁT NỘI BỘ



“Trong bối cảnh vừa triển khai mạnh mẽ các giải pháp chuyển đổi số, vừa nỗ lực tối đa để triển khai thành công Phương án cơ cấu lại, ngoài hoạt động QTRR truyền thống, NCB cần chú trọng giám sát rủi ro công nghệ, rủi ro chuyển đổi hay các rủi ro phát sinh mới.”

Bà Phạm Thị Hiền – Phó TGD kiêm Giám đốc Khối QTRR

Kiên trì với định hướng quản trị rủi ro song hành và hỗ trợ kinh doanh, đảm bảo sự cân bằng giữa mục tiêu kinh doanh và an toàn hệ thống, năm 2025, công tác quản trị rủi ro tại NCB tiếp tục ứng dụng năng lực số trong phân tích dữ liệu, xây dựng mô hình quản trị rủi ro và số hóa năng lực ra quyết định cấp tín dụng; đồng hành với hành trình chuyển đổi số của ngân hàng. Các nhiệm vụ trọng tâm cụ thể gồm:

- ♦ Tối ưu quá trình ra quyết định cấp tín dụng trên cơ sở số hóa bộ điều kiện cấp tín dụng cho khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp;
- ♦ Xây dựng các tiêu chí nhận diện sớm rủi ro tín dụng, và hoàn thiện công tác cảnh báo sớm kiểm tra sau cấp tín dụng một cách đồng bộ, thống nhất;
- ♦ Tăng cường năng lực quản lý rủi ro công nghệ liên quan đến hoạt động chuyển đổi số; quản lý rủi ro mới nổi trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh và thực thi các mục tiêu chiến lược;
- ♦ Tiếp tục triển khai dự án Phòng chống gian lận, làm cơ sở tăng cường giám sát và cảnh báo từ Hội sở đối với các rủi ro gian lận phát sinh trong hoạt động ngân hàng;
- ♦ Đồng bộ công tác phối hợp, theo dõi khắc phục chỉnh sửa, kiến nghị xử lý rủi ro tín dụng trên hệ thống DE chung cho 3 tuyến phòng thủ; từng bước phân loại Chi nhánh theo mức độ rủi ro trên toàn hàng.



ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ VỮNG VÀNG – ĐỊNH HƯỚNG 2025

Chiến lược nhân sự toàn diện – bộ phận cho mục tiêu tăng trưởng 2025

Trong năm 2025, NCB không chỉ đặt mục tiêu đạt những cột mốc tăng trưởng ấn tượng, mà còn hướng tới kiến tạo một phi hành đoàn vượt trội, tận tâm, nơi từng thành viên không ngừng phát huy tiềm năng, tinh thần sáng tạo. Để hiện thực hóa điều này, chiến lược nhân sự toàn diện của NCB tập trung vào 05 trụ cột chính:

- ✦ Xây dựng thương hiệu tuyển dụng mạnh mẽ, tạo sức hút để chiêu mộ nhân tài phục vụ các dự án dài hạn, đặc biệt là những nhân sự có năng lực dẫn dắt đổi mới và tăng trưởng.
- ✦ Phát triển đội ngũ nhân sự kế thừa: đẩy mạnh hoạt động đào tạo, trang bị cho nhân sự bộ kỹ năng đa dạng, xây dựng năng lực toàn diện và chuẩn bị cho các vị trí lãnh đạo trong tương lai.
- ✦ Ứng dụng công nghệ hiện đại vào toàn bộ quá trình quản trị nhân sự: từ đánh giá hiệu suất, đo lường năng suất tới phân tích dữ liệu để tối ưu hóa chất lượng nguồn nhân lực, đảm bảo tính chính xác và sự linh hoạt của các quyết định nhân sự.
- ✦ Nâng cấp chính sách lương, phúc lợi hướng tới gia tăng sự cạnh tranh trên thị trường và tăng mức độ hài lòng trong đội ngũ nội bộ, từ đó khơi dậy động lực làm việc và giữ chân nhân tài.
- ✦ Thúc đẩy văn hóa sáng tạo và hợp tác: Xây dựng một môi trường làm việc cởi mở, lan tỏa mạnh mẽ tinh thần đổi mới, sáng tạo, qua đó giúp cán bộ thỏa sức phát huy ý tưởng và gia tăng hiệu suất làm việc.

Hướng tới 2025, NCB sẽ đồng hành cùng từng nhân sự, kiến tạo một văn hóa làm việc bền vững, nơi mọi tiềm năng được phát huy để cùng con tàu NCB bứt phá bay cao.



DIGITAL MARKETING, VAI TRÒ MỚI TRONG ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG MARKETING

Digital Marketing - Sức mạnh kiến tạo trải nghiệm khách hàng

Năm 2025, Digital Marketing đảm nhận vai trò là một trong những động cơ tăng trưởng chủ lực, đưa con tàu NCB tiến sâu vào không gian số. Trên chuyến hành trình này, Digital Marketing Center (DMC) dẫn dắt chiến lược marketing dựa trên dữ liệu, công nghệ hiện đại và tư duy tăng trưởng, không ngừng mở ra những “quỹ đạo mới” trong cách tiếp cận, tương tác và phục vụ khách hàng trên nền tảng số, từ đó thúc đẩy tăng trưởng khách hàng và doanh thu.

DMC nói riêng và Khối Dữ liệu & Chuyển đổi số nói chung sẽ phối hợp chặt chẽ với các đơn vị nội bộ và với các Đối tác Chiến lược nhằm gia tăng cả số lượng lẫn chất lượng khách hàng, hướng đến mục tiêu chiến lược chung của Ngân hàng trong năm 2025. Đồng thời, DMC sẽ tập trung vào việc tối ưu hóa chi phí, nâng cao hiệu suất marketing cũng như cải thiện trải nghiệm và giá trị khách hàng.

Trong năm 2025, DMC sẽ đẩy mạnh triển khai nền tảng martech và các chương trình khách hàng thân thiết theo hướng trực quan, đơn giản hóa trải nghiệm khách hàng. Bên cạnh đó, chuỗi hoạt động thu hút khách hàng trên các kênh số sẽ được đẩy mạnh, kết hợp phát triển mạnh mẽ nền tảng MMP (mobile measurement platform) và CEP (customer engagement platform), nâng cấp toàn diện website và landing page, đồng thời chuẩn bị cho sự ra mắt siêu ứng dụng ngân hàng & quản lý gia sản số (Super App).

Trong sứ mệnh của mình, DMC không chỉ tiếp thị sản phẩm dựa trên sức mạnh của công nghệ, dữ liệu và sáng tạo mà còn kiến tạo giá trị khách hàng, góp phần thay đổi cách ngân hàng tiếp cận, tương tác và phục vụ khách hàng trên nền tảng số.



“Năm 2025, NCB sẽ bứt phá với chiến lược chuyển đổi số marketing toàn diện, kết hợp tự động hóa, cá nhân hóa và tư duy tăng trưởng đột phá để nâng tầm trải nghiệm khách hàng, tối ưu hiệu suất và gia tăng giá trị bền vững.”

Ông Nguyễn Duy Tường
Giám đốc Marketing Số – Khối Dữ liệu & Chuyển đổi số

ĐỊNH HƯỚNG XỬ LÝ NỢ XẤU NĂM 2025

Năm 2025, công tác xử lý nợ xấu của NCB sẽ được đẩy mạnh với mục tiêu bám sát lộ trình tái cơ cấu và đảm bảo đều có phương án xử lý phù hợp cho từng khách hàng.

- ✦ Tiếp tục đẩy mạnh công tác thu hồi và xử lý nợ, đảm bảo 100% khách hàng đều được xây dựng phương án xử lý phù hợp.
- ✦ Chủ động, quyết liệt để quyết định phương án trong khoảng thời gian vàng, tăng cường tần suất làm việc với khách hàng (chủ tài sản) để xác định phương án tối ưu.
- ✦ Đối với các khoản nợ lớn, có tính chất phức tạp, từng bước phối hợp chặt chẽ với các bên liên quan hoàn thiện đầy đủ hồ sơ pháp lý, tìm kiếm nhà đầu tư, đảm bảo công tác xử lý và thu nợ diễn ra theo đúng trình tự quy định pháp luật, tối đa hóa khả năng thu hồi nợ xấu và hạn chế các rủi ro pháp lý có thể phát sinh trong tương lai.
- ✦ Ngoài việc bổ sung và tập trung nguồn lực cho công tác xử lý nợ, NCB tiếp tục tăng cường quan hệ, phối hợp sát sao với các cơ quan Tòa án, Thi hành án, cơ quan CSĐT để đẩy nhanh tiến độ xử lý, chuyển hóa thành tiền thông qua các giải pháp Tố tụng và Thi hành án (đảm bảo xử lý tối thiểu 40% Danh mục khách hàng thuộc giải pháp Tố tụng/Thi hành án).
- ✦ Tập trung rà soát danh mục tài sản, đồng thời đẩy mạnh công tác truyền thông nhằm phát triển đa dạng kênh bán tài sản.
- ✦ Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin vào toàn bộ quy trình xử lý nợ nhằm nâng cao hiệu suất làm việc.
- ✦ Đảm bảo hoàn thành mục tiêu xử lý nợ theo đúng lộ trình, kế hoạch đã cam kết với HĐQT thu hồi 6.285 tỷ (trong đó bao gồm: 5.899 tỷ đồng nợ gốc và 386 tỷ đồng lãi), đồng thời bám sát lộ trình tại Phương án cơ cấu lại.

Trên cơ sở đánh giá danh mục nợ, chi tiết khoản nợ và kết quả thực tế công tác xử lý nợ tại Công ty AMC trong năm 2024, Công ty AMC đưa ra định hướng xử lý nợ trong năm 2025 như sau:

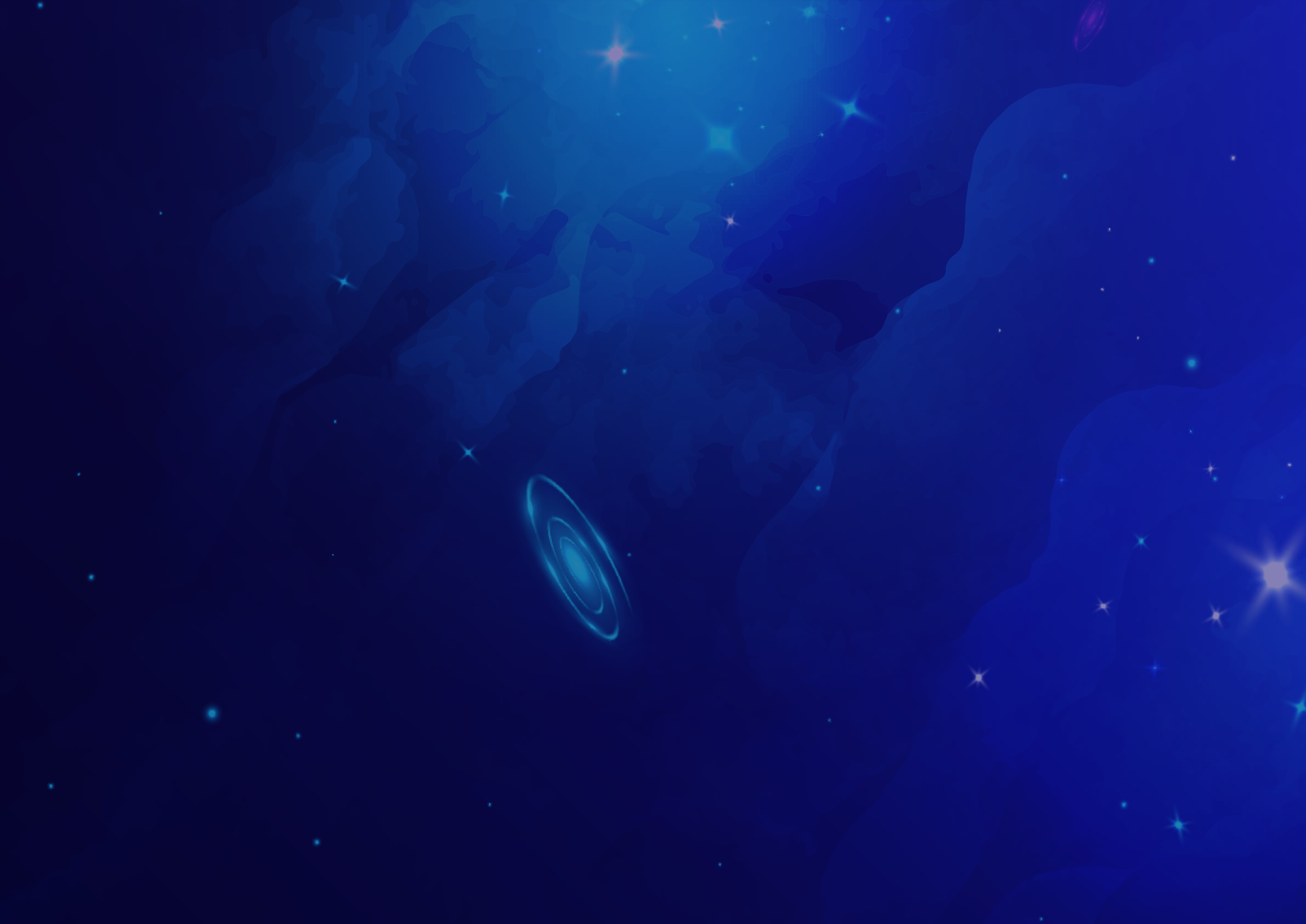
Tiếp tục đẩy mạnh công tác thu hồi và xử lý nợ, đảm bảo 100% các khách hàng/nhóm khách hàng đều có phương án xử lý nợ, có lộ trình dự thu cụ thể;

Đối với các khoản nợ lớn, có tính chất phức tạp, Công ty AMC từng bước phối hợp với các bên liên quan hoàn thiện đầy đủ hồ sơ pháp lý, tìm kiếm nhà đầu tư, đảm bảo công tác thu nợ diễn ra theo đúng trình tự quy định pháp luật, thu hồi tối đa nợ xấu cho Ngân hàng và hạn chế các rủi ro pháp lý có thể phát sinh trong tương lai;

Ngoài việc bổ sung và tập trung nguồn lực cho công tác xử lý nợ, trong năm 2025 Công ty AMC sẽ tăng cường quan hệ, phối hợp sát sao với các cơ quan bảo vệ pháp luật để đẩy nhanh tiến độ xử lý, chuyển hóa thành tiền từ các giải pháp thông qua hoạt động Tố tụng/Thi hành án;

Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác xử lý nợ nhằm nâng cao hiệu suất làm việc tại Công ty AMC;

Đảm bảo hoàn thành mục tiêu xử lý nợ năm 2025 theo đúng lộ trình, kế hoạch đã cam kết với HĐQT NCB.



25 Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

[PHONE] 024 3201 8114

[HOTLINE] 028 38216 216/ 18006166

[WEB] <http://www.ncb-bank.vn>

Ngân hàng TMCP Quốc Dân
Báo cáo thường niên 2024

